

TẠP CHÍ

SỐ 369

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

ISSN 2734-9128

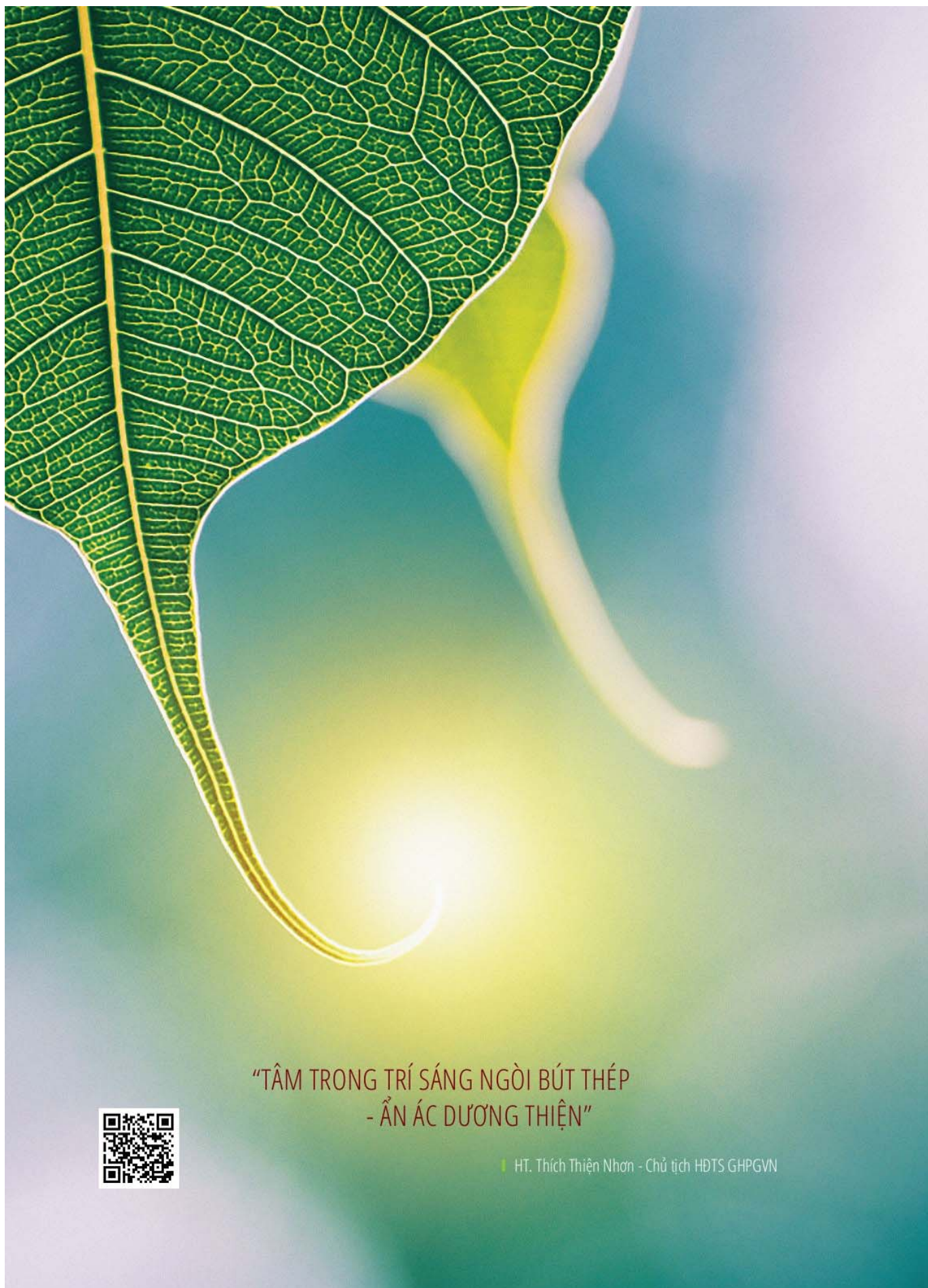
TRUYỀN THÔNG PHẬT GIÁO
xưa & nay

Truyền thông-Báo chí Phật giáo
Việt Nam xưa nay

Nhận thức chuẩn về tinh thần
nhập thế của Phật giáo



Các hoạt động Phật sự tiêu biểu
trong Giai đoạn 2 của GHPGVN
(1987-2017) (Kỳ 8)



“TÂM TRONG TRÍ SÁNG NGÒI BÚT THÉP
- ẨN ÁC DƯƠNG THIỆN”

HT. Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch HĐTS GHPGVN

THƯ TÒA SOẠN



Kính thưa quý độc giả!

Trong lịch sử báo chí Việt Nam, từ những năm 60 thế kỉ XIX đã có “*Gia Định báo*” và một số báo khác lần lượt ra đời tại Sài Gòn, Hà Nội và một vài địa phương khác. Không nằm ngoài sự vận động của thời đại, báo chí Phật giáo Việt Nam cũng đã bắt đầu xuất hiện từ phong trào chấn hưng Phật giáo, trong điều kiện nền giáo dục và văn học quốc ngữ đã có những phát triển nhất định. Qua đó thực hiện nhiệm vụ hoằng pháp, xây dựng nền văn học Phật giáo trong văn học quốc ngữ và góp phần bảo tồn di sản văn hóa nước nhà.

Từ những tờ báo ban đầu như: “*Pháp Âm*”, Tạp chí “*Từ bi âm*”, “*Viên âm*”, “*Bồ đề*”,... đến nay, sau gần 100 năm, báo chí Phật giáo đã có vị thế vững chắc trong làng báo chí Việt Nam. Báo chí Phật giáo là một trong những phương tiện hữu hiệu và cơ bản nhất để truyền bá chánh pháp đến với quần chúng nhân dân và tín đồ Phật tử, thể hiện tiếng nói của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Hướng đến sự kiện Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21/6), Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mang đến cho độc giả số báo 369 với chủ đề: “*Truyền thông Phật giáo xưa và nay*”. Thông qua các bài viết chuyên sâu về báo chí, hy vọng độc giả có thể cảm nhận được ý nghĩa, tầm quan trọng của truyền thông trong sự vận động và phát triển không ngừng của Phật giáo Việt Nam.

Cùng với danh mục chủ đề, số báo 369 sẽ giới thiệu đến bạn đọc gần xa các bài viết nghiên cứu đặc sắc về: *Vai trò của hành vi nhân viên trong tổ chức với việc tăng cường chính sách và nâng cao cách thức quản trị con người* (TS. Tạ Hoàng Giang), *Thanh thiếu niên lựa chọn và gắn kết với Đạo Phật như thế nào: Góc nhìn từ lý thuyết xã hội hóa tôn giáo* (NCS. Lê Tấn Lộc), *Chùa Hải Tạng trên đảo Cù Lao Chàm - Quảng Nam* (ThS. Đinh Thị Toàn), *Người thầy thuốc của Đức Phật* (Cao Huy Hóa), *Viên âm hạnh nguyện phổ lợi nhân sinh* (ĐĐ. Thích Thiện Mãn)...

Bên cạnh đó, nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo sẽ tiếp tục trích đăng các bài viết trong tác phẩm *Giáo hội Phật giáo Việt Nam: 40 năm hình thành và phát triển* của Hòa thượng Thích Huệ Thông.

Ban biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo



HOẠT ĐỘNG PHÁT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG

4 VỊ GIÁO PHẨM GHPGVN TRÚNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XV



Hòa thượng THÍCH BẢO NGHIÊM

- Thể danh: Đặng Minh Châu
- Sinh năm: 1956
- Tiến sĩ Triết học, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Hoằng pháp Trung ương, Trưởng ban Trị sự GHPGVN TP. Hà Nội, Phó Chủ tịch (không chuyên trách) Ủy ban MTTQVN thành phố Hà Nội; Ủy viên Ủy ban Trung ương MTTQVN, đại biểu Quốc hội các khóa XIII, XIV.



Hòa thượng THÍCH THANH QUYẾT

- Thể danh: Lương Công Quyết
- Sinh năm 1962
- Tiến sĩ chuyên ngành Phật giáo, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Giáo dục Phật giáo Trung ương, Trưởng ban Trị sự tỉnh Quảng Ninh, Hà Nam, Sơn La và Bắc Kạn; Viện trưởng Học viện Phật giáo VN tại Hà Nội; đại biểu Quốc hội các khóa XIII, XIV.



Thượng tọa THÍCH ĐỨC THIỆN

- Thể danh: Nguyễn Tiến Thiện
- Sinh năm 1966
- Tiến sĩ Phật học, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Phật giáo Quốc tế Trung ương, Chủ tịch Ủy ban Phật giáo Châu Á vì hòa bình Việt Nam (ABCAP), Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh Điện Biên, Ủy viên Ủy ban Trung ương MTTQVN, Thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo Viện Trần Nhân Tông thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội; ứng cử viên do GHPGVN giới thiệu.



Thượng tọa LÝ MINH ĐỨC

- Sinh năm 1970
- Phật giáo Nam tông Khmer, Phó Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh Sóc Trăng, Phó chủ tịch Hội đoàn kết Sư sãi yêu nước tỉnh Sóc Trăng, trụ trì chùa Som Rông, Ủy viên Ủy ban MTTQVN tỉnh Sóc Trăng, đại biểu Quốc hội khóa XIV.



Hoạt động



GHPGVN ỦNG HỘ PHÒNG, CHỐNG DỊCH VÀ QUỸ VACCINE COVID-19



GHPGVN TẶNG MÁY THỞ CHO NHÂN DÂN ẤN ĐỘ



TĂNG NI, PHẬT TỬ TRÊN CẢ NƯỚC TẶNG QUÀ, ỦNG HỘ QUỸ VACCINE TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH



Phật sự tiêu biểu



PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG

Tổng Biên tập **HT.TS. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**
TT. Thích Phước Nghiêm

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ. Thích Minh Ân**

Mỹ thuật & Thiết kế **Anna Huỳnh Trần**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**
Liên hệ **0886 424 842**



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969
Email: toasoanvhp@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM

TRONG SỐ NÀY

Kinh Biểu

CHỦ ĐỀ: TRUYỀN THÔNG PHẬT GIÁO XƯA VÀ NAY

- 6 Truyền thông-Báo chí Phật giáo Việt Nam xưa nay (TT.TS. Thích Phước Đạt)
- 14 Vấn đề dân tộc và đại chúng trong báo chí Phật giáo Việt Nam trước năm 1945 (SC.TS. Thích Nữ Chúc Hiếu)
- 24 Truyền thông Phật giáo Việt Nam định hướng cho cư sĩ Phật tử (Thích Ngộ Trí Viên)
- 30 Mấy gợi ý về công cuộc Hoằng pháp giữa thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 (Lam Phương)

HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP GHPGVN:

- 36 Các hoạt động Phật sự tiêu biểu trong Giai đoạn 2 của GHPGVN (1987-2017) Kỳ 8 (HT. Thích Huệ Thông)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI:

- 46 Nhận thức chuẩn về tinh thần nhập thế của Phật giáo (HT. Thích Thiện Nhơn)
- 52 Vai trò của hành vi nhân viên trong tổ chức với việc tăng cường chính sách và nâng cao cách thức quản trị con người (TS. Tạ Hoàng Giang)
- 56 Thanh thiếu niên lựa chọn và gắn kết với đạo Phật như thế nào: Góc nhìn từ lý thuyết xã hội hóa tôn giáo (NCS. Lê Tấn Lộc)
- 62 8 hoạt động bổ ích giữ năng lượng tích cực trong đại dịch (ĐĐ.TS. Thích Không Tú)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG:

- 68 Chùa Hải Tạng trên đảo Cù Lao Chàm, Tỉnh Quảng Nam (ThS. Đinh Thị Toan)
- 73 Bộ tượng quý hiếm tại Bảo tàng Văn Hóa Phật Giáo chùa Quán Thế Âm (Đà Nẵng) (Trần Trung Sáng)
- 76 Người thầy thuốc của Đức Phật (Cao Huy Hóa)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ:

- 84 Viên âm hạnh nguyện phổ lợi nhân sinh (ĐĐ. Thích Thiện Mãn)
- 89 Chuyển nghiệp và sự cải tạo vận mệnh trong kinh Mi Tiên Vấn Đáp (Thích Ngộ Tánh)

GỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

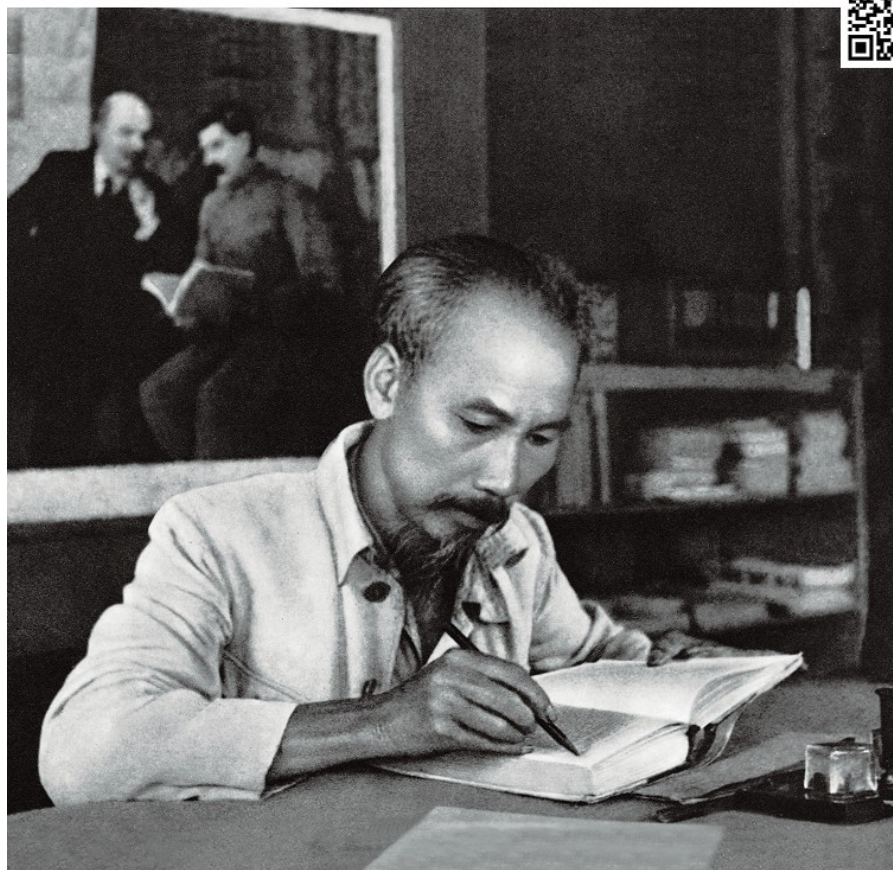
Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Thiết kế bìa: Phương Nam



XUÂN & NGÀY



Hồ Chủ tịch huấn thị: “Văn hóa là một mặt trận, Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ”.
(Ảnh: tuyengiao.vn)

Truyền thông - Báo chí Phật giáo Việt Nam xưa nay

TT. Thích Phước Đạt*



(Nguồn: phatgiao.org.vn)

Các nhà nghiên cứu nhận định rằng: “*Bình minh lịch sử dân tộc ta cũng gắn liền với Phật giáo*”; diễn giải một cách khác là Phật giáo Việt Nam luôn đồng hành cùng dân tộc Việt Nam trên mọi lĩnh vực trong cuộc hành trình dựng nước và giữ nước. Điều này có nghĩa Việt Nam bao giờ cũng vận hành, nối kết với truyền thống báo chí của dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập tự chủ, xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, phồn vinh, để sánh vai các nước trong tiến trình hội nhập toàn cầu.

Đó cũng là câu trả lời vì sao hằng năm cứ đến ngày 21 tháng 6 là ngày toàn dân long trọng tổ chức lễ kỷ niệm **Ngày Báo chí Việt Nam**. Vào ngày này năm 1925 tại Quảng Châu (Trung Quốc), báo *Thanh Niên* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập, ra mắt số đầu tiên khởi đầu cho báo

chí Cách mạng Việt Nam hình thành, phát triển. Mục đích kỷ niệm này là tôn vinh, tri ân các nhà báo đã cống hiến trí tuệ và tài năng để mang lại cho độc giả những bài báo hay, có khả năng định hướng công chúng, nhằm nâng cao vai trò và trách nhiệm của báo chí và công chúng đối với xã hội. Đời sống và thực tiễn của công chúng chính là sinh mệnh truyền thông, là mảnh đất màu mỡ của địa hạt văn hóa dân tộc. Thế nên, Hồ Chủ tịch huấn thị: “*Văn hóa là một mặt trận, Cán bộ báo chí cũng là chiến sĩ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ*”.

Thực tế, từ kỷ nguyên thứ nhất, nhân dân ta đã nỗ lực cùng nhau đoàn kết chống lại sự xâm lược, sự đồng hóa, nô dịch văn hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc. Khi Đạo Phật truyền vào, Phật giáo được dân ta tiếp nhận và trở thành nguồn năng lượng tạo nên sức mạnh truyền thông,

tập hợp quần chúng trong các ngôi chùa để nghe các Sư giảng giải về lời Phật dạy, về triết lý sống “thương người như thể thương thân”, để đồng lòng đứng lên giành độc lập, chung sống hòa bình qua ca dao: “*Rủ nhau xuống bể mò cua, Lên non hái củi, vào chùa nghe kinh*”. Đó cũng là cách ứng xử của người dân nước Việt trong bối cảnh thường xuyên đối diện các cuộc chiến tranh vệ quốc xảy ra, được các bà mẹ Việt dạy cho con từ thuở nằm nôi qua triết lý Duyên khởi bằng lời ru ngọt ngào: “*Ru hời ru hời là ru, Bên cạnh thì chống, Bên su (sâu) thì chèo*”.

Nhờ vào sự truyền thông chính nghĩa đó mà vào thời Hai Bà Trưng, xuất hiện một loạt công chúa, nữ tướng của Hai Bà Trưng, tu hành phụng đạo tốt đời được tôn vinh trong lòng dân Việt như truyền thông thời đó lưu truyền: Tỳ kheo ni Bát Nàn là công chúa, nữ tướng, của Hai Bà



Báo Pháp Âm và Tổ Khánh Hòa - Sự ra đời tờ báo Pháp Âm có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam và lịch sử báo chí Phật giáo Việt Nam.
(Ảnh: phatgiai.org.vn)

Trung, sau đó còn có nữ tướng Thiền Hoa sau chiến thắng quân Nam Hán, xuất gia tại chùa Phúc Khánh, tỉnh Phú Thọ; Tỳ kheo ni Vĩnh Huy tu ở chùa Cổ Châu, phủ Tiên Du, Bắc Ninh; Tỳ kheo ni Nguyệt Thái, Nguyệt Độ tu tại núi Thiên Thai vùng Đông Cứu, Gia Bình, Bắc Ninh và Yên Tử Quảng Ninh; Tỳ kheo ni - Công chúa Chiêu Dung, học đạo Thiền sư Đạo Uẩn ở chùa Hương Lan, Hà Tây; Tỳ kheo ni Hương Thảo, Tỳ kheo ni - Công chúa Phương Dung, nữ tướng xuất gia tu tại chùa Thanh Vân, Hà Nội sau khi Hai Bà Trưng tuần tiết. Vậy là, thông qua lời hiệu triệu của Hai Bà Trưng, bằng sự truyền thông qua hình thức truyền khẩu (không có báo chí), những chân giá trị về tinh thần yêu nước, nhân nghĩa, thành tín, hiếu đạo, nhân ái được truyền thông, phổ biến rộng rãi trong mọi tầng lớp nhân dân và tác động sâu sắc vào cách cư xử của người đương thời.

Khi nước nhà độc lập, các vương triều đầu tiên Ngô, Đinh, Tiền Lê

bước đầu thiết lập thể chế chính trị, kiến thiết quốc gia, Phật giáo cũng đã nỗ lực truyền thông để hiệu triệu lòng dân sống theo nếp sống hiền thiện, hết lòng phụng sự quốc gia, dân tộc. Tuy nhiên, khi giới lãnh đạo nhà Tiền Lê, đứng đầu là vua Lê Long Đĩnh, đi ngược lòng dân, Thiền sư Vạn Hạnh đã dùng sức mạnh truyền thông, làm một loạt bài sấm nhằm tuyên truyền trong vòng ba tháng, người họ Lý ở hương Cổ Pháp đang giữ chức Thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ sẽ lên ngôi báu và hương Cổ Pháp sẽ đổi thành phủ Thiên Đức trong bài sấm Quốc tự: *“Trong vòng ba tháng nữa, Thân vệ lên ngôi. Cây đa in chữ ‘Quốc, Đất Cổ Pháp này thôi, Gặp thánh hiệu Thiên Đức’*”. Kết quả, nhà Lý ra đời mở đầu cho thời Lý - Trần sáng ngời hào khí Đông - A của nước Đại Việt.

Dưới thời Lê - Nguyễn, Phật giáo không còn vị thế thượng thừa như thời Lý - Trần, tuy nhiên các vua chúa, lãnh đạo chính quyền phong kiến đã thực thi chính sách “đi

Nho mộ Phật”, để củng cố lòng tin của dân. Các Thiền sư, Phật tử cũng tùy duyên để truyền thông nối kết mọi thành phần trong xã hội, thông qua việc tuyên truyền người dân hướng đến sự bình đẳng giải thoát trong việc xây dựng một thế giới tịnh độ nhân gian ở đời. Trong cuộc hành trình mở cõi phương Nam, vương triều nhà Nguyễn mở cõi đến đâu, hệ thống chùa chiền được xây dựng đến đó, để an dân và quản dân sống thiện lành, yêu nước chính là yêu đạo. Bằng nhiều phương thức khác nhau, các Thiền sư khai trường thuyết pháp, phổ biến giáo lý bằng văn vần, khơi gợi lòng yêu nước, yêu Phật bằng thi ca, phú đối để truyền thông hiệu quả. Những Thiền sư tiên phong tinh thần này phải kể đến Thiền sư Thích Nguyên Biếu ở miền Bắc, Thích Vĩnh Gia, Thích Tâm Tịnh ở miền Trung, các Hòa thượng Minh Khiêm Hoàng Ân và Minh Lương Chánh Tâm ở miền Nam.

Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp vừa tiến hành



(Ảnh: phatgiao.org.vn)

công cuộc khai thác thuộc địa vừa đàn áp những cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Điều đáng nói nữa là người Pháp đã tạo điều kiện cho văn hóa phương Tây xâm nhập vào xã hội Việt Nam làm lung lay tín ngưỡng, truyền thống văn hóa lâu đời của người Việt để dễ dàng thống trị. Thực dân Pháp dùng chữ quốc ngữ như là công cụ để cắt đứt liên mạch văn hóa giữa thế hệ hiện tại với văn minh quá khứ song song với việc xóa bỏ sử dụng chữ Hán, chữ Nôm. Đồng thời, chế độ thực dân tiến hành xuất bản báo chí để làm phương tiện tuyên truyền. *Gia Định báo* là tờ báo được lưu hành đầu tiên bằng chữ quốc ngữ vào ngày 1 tháng 4 năm 1865 ở Nam bộ, có ý nghĩa quan trọng đối với ngành truyền thông từ đó về sau. Nhận thức tầm quan trọng và sự hiệu quả của chữ quốc ngữ và báo chí quốc ngữ vô cùng quan trọng đối với việc tuyên truyền về lòng yêu nước, để chống lại sự đàn áp và nô dịch văn hóa thực dân, người Việt đã nhanh chóng chuyển sang tiếp thu, học hỏi và

nhất là sử dụng chữ quốc ngữ trong việc truyền thông. Từ đó, báo chí Việt Nam ra đời và bước đầu phổ cập vào lòng dân chúng. Nhiệm vụ của báo chí nước ta bấy giờ là nâng cao dân trí, văn minh và khơi dậy lòng yêu nước, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc để giành quyền độc lập tự chủ cho đất nước.

Đó là lý do báo chí Cách mạng ra đời, tiêu biểu như tờ *Người cùng khổ*, tờ báo đầu tiên của người Việt Nam xuất bản vào năm 1922 ở hải ngoại, in bằng tiếng Pháp do Nguyễn Ái Quốc làm chủ bút, với tên *Le Paria (Người cùng khổ)*, rồi đến tờ *Thanh Niên*, ra đời số đầu tiên vào ngày 21 tháng 6 năm 1925 cũng do Nguyễn Ái Quốc đảm nhiệm chủ bút và quản lý. Nối tiếp tờ *Thanh Niên*, tháng 6 năm 1929, Đông Dương Cộng sản Đảng xuất bản tờ *Búa liềm*, Ban công vận của Đảng ra tờ *Công hội đỏ*, Tổng Công hội Bắc Kỳ ra tờ *Lao động*, An Nam Cộng sản Đảng xuất bản tờ *Báo đỏ*. Sau đó, Trung ương Đảng Cộng sản

Việt Nam cho ra mắt báo *Cờ vô sản* và Tạp chí *Cộng sản*. Từ đây, báo chí cách mạng có nhiệm vụ tuyên truyền phát động cao trào cách mạng chống phong kiến thực dân, đỉnh cao là phong trào Xô viết Nghệ-Tĩnh.

Báo chí Cách mạng trở thành mặt trận tuyên truyền đường lối Cách mạng gắn liền sự nghiệp giải phóng dân tộc. Các tờ báo tiêu biểu như tờ *Dân chúng*, cơ quan Trung ương Đảng, tờ *Cứu quốc*, cơ quan của Tổng bộ Việt Minh ra đời, rồi tờ *Cờ giải phóng*, cơ quan Trung ương Đảng xuất bản, sau đó là Tạp chí *Cộng sản* ấn bản... Những tờ báo này đã góp phần trong việc đẩy mạnh cao trào cách mạng và giành thắng lợi lịch sử tháng Tám 1945. Kể từ đó đến khi đất nước thống nhất, báo chí Việt Nam phát huy sức mạnh truyền thông trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà. Tờ *Cứu quốc* xuất bản hàng ngày, trở thành tờ báo lớn nhất cả nước, sau này trở thành Thông tấn xã Việt Nam.

TRUYỀN THÔNG PHẬT GIÁO XƯA & NAY

Sau đó, nhiều tờ báo Cách mạng ra đời và đi vào đời sống tâm thức nhân dân ta phải kể đến tờ báo *Nhân Dân*, cơ quan Trung ương của Đảng bắt đầu xuất bản vào năm 1951, rồi đến Tạp chí *Cộng sản*, báo *Quân đội Nhân dân* ra đời, phổ biến chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước ta trong tâm thế mới, con người mới.

Sau ngày thống nhất đất nước, báo chí ở nước ta đã phát triển khá nhanh về số lượng và chất lượng, hình thành hệ thống thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình rộng khắp cả nước. Đến nay, hệ thống báo chí nước ta đã có gần 700 ấn phẩm báo chí, 2 Đài phát thanh và truyền hình quốc gia, hơn chục Đài phát thanh và truyền hình khu vực, các đài phát thanh, truyền hình ở các tỉnh, thành phố cùng với hệ thống cơ sở phát thanh truyền rộng khắp các huyện thị thành trong nước đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ lịch sử đặt ra trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước, hội nhập quốc tế.

Song hành với báo chí Cách mạng, vào những thập kỷ đầu thế kỷ XX, báo chí Phật giáo Việt Nam ra đời từ phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam với sự thành lập các tổ chức Phật giáo dưới mô hình các Hội. Mỗi Hội đều có tờ báo để nêu rõ tôn chỉ, đường lối hoạt động trong việc truyền bá Chánh pháp. Báo chí Phật giáo được khởi điểm từ Nam kỳ, sau đó lan tỏa đến Trung kỳ, Bắc kỳ và trở thành kênh truyền thông hữu hiệu xiển dương Chánh pháp, phá bỏ tà kiến, nhất là gắn liền diễn trình công cuộc chấn hưng Phật giáo



số 3, 1934



số 4, 1934



số 5, 1934



số 6, 1934



số 11, 1934



số 13, 1935

(Ảnh: phatgiao.org.vn)

tại Việt Nam. Nhiệm vụ báo chí Phật giáo bấy giờ không chỉ thúc đẩy, nối kết tinh thần học Phật, thực hành giáo pháp, hoằng pháp mà còn hướng đến xây dựng nền giáo dục Phật giáo thông qua việc cụ thể hóa hệ thống học đường, xây dựng văn học Phật giáo bằng chữ quốc ngữ, bảo tồn di sản văn hóa Việt, không để yếu tố ngoại lai xâm thực.

Tờ báo đầu tiên xuất hiện trong lịch sử Phật giáo Việt Nam phải kể đến là tờ *Pháp Âm*, được xuất bản vào ngày 31 tháng 8 năm 1929. Chủ nhiệm là Hòa thượng Lê Khánh Hòa, người có công

khởi xướng phong trào chấn hưng Phật giáo ở Nam kỳ. Tôn chỉ tờ báo là chủ trương “Từ bi, Bác ái, Tự giác, Giác tha”. Nội dung tờ báo ưu tiên trình bày về các vấn đề Phật học, tín ngưỡng, quan điểm Phật giáo hướng đến xây dựng một nền Phật giáo phù hợp với nhân sinh, thời đại. Điểm đáng nói, tờ báo này chỉ ấn bản một số rồi bị đình bản sau sự cố tờ báo này có liên hệ đến tờ báo *Dân Cây* - Tiếng nói của tỉnh Đảng bộ Mỹ Tho cũng được biên tập phát hành tại chùa Sắc tứ Linh Thứu. Sự ra đời tờ báo *Pháp Âm* có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với phong trào chấn hưng Phật giáo

Việt Nam và lịch sử báo chí Phật giáo Việt Nam. Kể đến là tờ Tạp chí *Từ Bi Âm*, cơ quan ngôn luận của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học xuất bản số đầu tiên vào ngày mùng 1 tháng 1 năm 1932 do cư sĩ Phạm Ngọc Vinh sáng lập, chủ bút là Hòa thượng Bích Liên, cùng với các bút danh Hòa thượng Trí Độ, Thiền Dung. Nội dung tờ báo là truyền bá Phật học, với các chuyên mục triết lý, luận lý, lịch sử, tiểu thuyết, văn uyển, phiên dịch kinh điển Phật giáo, tin tức Phật sự.

Khi phong trào chấn hưng lan tỏa đến Trung kỳ, tờ báo *Viên Âm* ra mắt số đầu tiên vào ngày 1 tháng 12 năm 1933 trực thuộc Hội An Nam Phật học, ra số đầu tiên dưới sự chứng minh của Hòa thượng Giác Tiên, Hòa thượng Giác Nhiên. Chủ bút là Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám. Tôn chỉ tờ báo này trình bày chủ trương, đường lối hoạt động của hội và hoằng dương Phật pháp trên nhiều phương diện. Nội dung thường trình bày về kinh, luật, luận, xã luận, giảng giải giáo lý, văn chương, lịch sử, tin tức... Ngoài hai nội dung chính kể trên, *Viên Âm* thường cho đăng tải các chương trình học, tôn chỉ của hội cùng các vấn đề liên quan đến lịch sử, giáo dục Phật giáo... giai đoạn này. Tờ này ấn bản được 78 số thì đình bản.

Trong thời gian Phật giáo chấn hưng, tuần báo *Đuốc Tuệ* trở thành cơ quan hoằng pháp của Hội Phật giáo Bắc Kỳ. Tuần báo *Đuốc Tuệ* đã ra số đầu tiên vào ngày 10 tháng 12 năm 1935 do Hội trưởng Nguyễn Năng Quốc làm Chủ nhiệm. Nội dung gồm các mục Bàn luận về Phật

giáo, Dịch thuật các kinh Phật, Lịch sử chư Tăng, chư Bồ-tát, Truyện các cao Tăng, Ký danh lam thắng cảnh, Văn thơ, Giải đáp, Chú thích, Tin tức trong nước và thế giới. Ngoài ba tờ báo tiêu biểu nổi bật cho 3 hội Phật của ba kỳ (miền) trình bày trên, Phật giáo Việt Nam từ thời chấn hưng đến khi nước nhà thống nhất vào năm 1975, còn có các tờ khác lần lượt ra đời như *Duy Tâm*, *Tam Bảo*, *Tiến Hóa*, *Pháp Âm*, *Bác Nhã âm*, *Phương Tiện*, *Bồ Đề Tân Thanh*, *Giác Ngộ*, *Từ Quang*, *Liên Hoa*, *Phật giáo Việt Nam*, *Hải Triều Âm*, *Vạn Hạnh*, *Tư tưởng*, *Thiện mỹ*, *Giữ thơm quê mẹ*... mỗi tờ chính là cơ quan ngôn luận truyền bá Chánh pháp, văn hóa dân tộc nước nhà. Đây là những Tạp chí được xuất bản trước năm 1975. Số ấn bản chỉ vài trăm, thời gian hoạt động chỉ vài tháng, lâu nhất là trên 10 năm là kết thúc theo thời cuộc.

Sau năm 1975, từ đây báo chí Phật giáo bước sang thời kỳ mới của lịch sử truyền thông - báo chí Việt Nam. Từ tờ *Giác Ngộ*, Tạp văn (sau chuyển thành *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo*), kế tục là *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, rồi đến *Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy*, *Tạp chí Khuông Việt*, *Tạp chí Hoa Ưu Đàm*, đến nay báo chí Phật giáo Việt Nam có rất nhiều ấn bản và không ngừng phát triển về nội dung lẫn hình thức, **báo viết** và **báo nói** theo tinh thần chỉ đạo của Giáo hội: “*Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh hoằng pháp và chuyển tải các hoạt động Phật sự vào đời sống xã hội nhằm nêu cao giá trị Từ bi - Trí tuệ của Đạo Phật, hình ảnh tốt đẹp của Tăng Ni, Phật tử, của tổ chức Giáo hội các cấp trong sự nghiệp phụng đạo yêu*

nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa”.

Báo Giác Ngộ là tờ báo đầu tiên của Phật giáo ra đời tại thành phố Hồ Chí Minh, phản ánh đời sống sinh hoạt Phật giáo yêu nước, song hành cùng với quá trình vận động, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981. Trong quá trình phát triển, báo *Giác Ngộ* từ bán nguyệt san, trở thành tuần báo, đồng thời có thêm nguyệt san - phụ trương nghiên cứu Phật học, phiên bản điện tử *Giác Ngộ online*, gần đây là *Giác Ngộ TV*, là tờ báo có sức sống lâu dài nhất cho đến thời điểm này. Nhìn chung *Giác Ngộ* là kênh truyền thông báo chí có sức ảnh hưởng lớn trong lòng dân chúng Phật tử Việt Nam ở trong và ngoài nước.

Đại hội Phật giáo kỳ II, Trung ương Giáo hội giao cho Ban Văn hóa Trung ương chịu trách nhiệm xuất bản tờ *Tập văn* dưới hình thức tạp chí chuyên đề, chuyên khảo nội dung Phật học, văn hóa Phật giáo nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu cũng như tu học của Tăng Ni, Phật tử (nhân sĩ trí thức) trong thời kỳ đất nước hòa bình. Cư sĩ Võ Đình Cường là Trưởng Ban Văn hóa đồng thời kiêm Chủ nhiệm ra mắt số đầu tiên vào năm 1985. *Tập văn* được phát hành mỗi năm 3 số vào các dịp Xuân, Phật đản và Vu lan, mỗi số gần 1000 bản. Trải qua 19 năm (1985-2004), *Tập văn* ấn hành được 56 số. Năm 2004, Cư sĩ Võ Đình Cường đề nghị Giáo hội xin Nhà nước cho phép chuyển đổi *Tập văn* thành *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo* theo Quyết định của Bộ Văn hóa - Thông tin số 96/GP-BVHTT ngày 13 tháng 10 năm 2004. Cơ quan chủ quản là Giáo



hội Phật giáo Việt Nam, người có công điều hành tờ Tạp chí này là Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn và sau gần 16 năm hoạt động *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo* đã phát hành được 350 số báo, với sự cộng tác cùng nhiều nhà trí thức, nhân sĩ Phật giáo trong và ngoài nước.

Hiện nay, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ cao, sự xuất hiện của nhiều phương tiện truyền thông hiện đại và sự đa dạng, bùng nổ về thông tin, đã tác động sâu rộng đến mọi mặt đời sống xã hội. *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo* cũng theo đó mà chuyển mình để bước sang một giai đoạn mới: hội nhập - phát triển chuyên sâu, đa dạng về hình thức và cả nội dung chất lượng chuyển tải văn hóa Phật giáo trên nhiều phương diện và từ nhiều góc nhìn. Từ số báo 350, *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo* sẽ chính thức hội nhập cùng hệ sinh thái số với nhiều ứng dụng

công nghệ số mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã đem lại những giá trị cốt lõi trong xu thế toàn cầu hóa.

Nỗ lực của Ban Biên tập, nhưng công đầu phải kể đến TT. Thích Minh Nhẫn - Phó tổng Biên tập kiêm Thư ký tòa soạn đã vận hành tờ báo đến tay bạn đọc với nhiều chuyên mục thường kỳ: Phật giáo và thời đại:

1. Góc nhìn Phật giáo với các vấn đề của thời đại, thời sự;
2. Phật giáo - Văn hóa và Đời sống: Truyền tải giá trị văn hóa Phật giáo, văn hóa Việt Nam, văn hóa thế giới và Phật giáo liên hệ đến với các vấn đề đời sống;
3. Phật giáo - Khoa học và Triết lý: Chuyển tải các công trình nghiên cứu Phật học, khoa học Nhân văn phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Tạp chí. Điểm đáng nói, đọc giả không chỉ tiếp cận tạp chí dưới hình thức báo giấy mà còn được thể hiện qua báo nói, hòa nhập vào thế giới phẳng

cùng các trang mạng xã hội như: website tapchivanhoaphatgiao.vn, Phật sự online, tạo Fanpage trên Facebook, kênh YouTube, Zalo, Viber. Tất cả đã nói lên tinh thần truyền bá Văn hóa là phụng đạo, phụng đạo là yêu nước.

Và như thế, truyền thông - báo chí Phật giáo Việt Nam đã thể nhập vào đời sống thực tiễn - tâm linh bạn đọc, đồng thời lưu giữ và phát huy bản sắc văn hóa Phật giáo chính là văn hóa dân tộc từ xưa đến nay. Đây chính là cội rễ, ngọn nguồn của *Truyền thông - Báo chí Phật giáo Việt Nam* hòa nhập vào dòng chảy lịch sử truyền thông báo chí Việt Nam trong thời đại mới - thời đại 4.0. Thời đại Đất nước hội nhập, phát triển toàn cầu vì mục đích tối hậu: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

* TT.TS. Thích Phước Đạt - Ủy viên HĐTS, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương GHPGVN.



VỊ PHÁP THIÊU THÂN



(Nhân ngày vía Thích Quảng Đức Bồ tát)

Vị pháp thiêu thân cho đời
Trái tim bất diệt sáng ngời năm châu
Pháp bảo linh thiêng nhiệm mầu
Xả lợi soi sáng nhịp cầu từ bi
Thức tỉnh thế giới, lương tri
Bảo vệ Chánh pháp, Tăng Ni - đạo đời
Ngàn năm ngọn lửa rạng ngời
Trái tim xả lợi - tuyệt vời Việt Nam!

CHÚC CHƠN

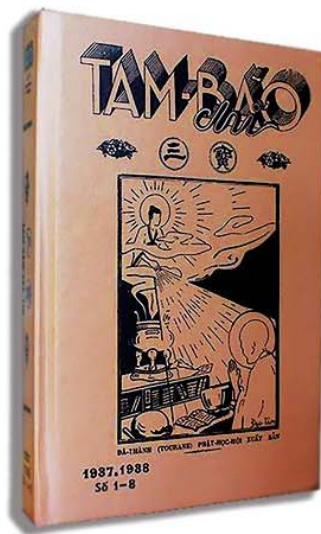
Vấn đề dân tộc và đại chúng trên báo chí Phật giáo Việt Nam trước năm 1945



Trên Đuốc tuệ số 127, ra ngày 1/3/1940, Dương Bá Trạc đã cho thấy rất rõ sự hiện hữu đầy ý nghĩa của Phật giáo giữa lòng dân tộc qua bài viết Mấy điều cốt yếu trong Đạo Phật.

(Ảnh Dương Bá Trạc: tư liệu)

SC. Thích Nữ Chúc Hiếu*



Tạp chí Tam bảo thì thường xuyên cho đăng những câu chuyện cao Tăng nước Việt, là những vị vừa có công với đất nước, vừa đạt được những thành tựu viên mãn trong quá trình tu tập hướng về đạo quả giải thoát.
(Ảnh: thuvienhuequang.vn)

PHẬT GIÁO VỚI VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Bản chất triết lý trong giáo lý của Đạo Phật mang tính nhập thế rất cao, thông qua học thuyết tuý duyên. Nhờ tinh thần dung thông, Đạo Phật đã sử dụng các dữ liệu tích cực của văn hóa dân gian để góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc. Có lẽ vì thế mà tư tưởng triết lý của nhà Phật từ lâu đã trở thành một phần trong đời sống tinh thần của người Việt Nam. Tinh thần từ bi, yêu chuộng hòa bình, tôn trọng sự sống và hiếu sinh của Phật giáo đã ảnh hưởng một cách sâu sắc trong tâm hồn người dân Việt Nam.

Trong các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, đặc biệt là Lý - Trần, tinh thần nhập thế của Đạo Phật đã thúc đẩy các vị cao Tăng Phật giáo đứng ra đảm trách vai trò cố vấn cho vận mệnh quốc gia, tham gia triều chính, vì họ nhìn thấy được sự cần thiết phải tham chính. Các triều đại về sau, Phật giáo dù không phải là hệ tư tưởng chủ đạo của triều đình nhưng vẫn là một dòng chảy tư tưởng lớn trong lòng dân tộc, là yếu tố an dân và củng cố cộng đồng. Đến thời Pháp thuộc, dù Phật giáo bị chế độ thực dân kìm hãm nhưng Tăng Ni, Phật tử đã vận dụng tích cực giáo lý nhà Phật vào công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đến đầu thế kỷ XX, trong bối cảnh tình hình nước ta có những biến đổi sâu sắc, thì những giá trị tích cực của Đạo Phật lại một lần nữa được kiểm chứng và thể hiện, đặc biệt là tinh thần nhập thế của Phật giáo.

Một trong những hoạt động nhập thế tiêu biểu của Phật giáo trong giai đoạn này là báo chí Phật giáo, đó là công cụ sắc bén để đấu tranh vì nền hòa bình, độc lập của dân tộc. Trên *Đuốc tuệ* số 127, ra ngày 1/3/1940, Dương Bá Trạc đã cho thấy rất rõ sự hiện hữu đầy ý nghĩa của Phật giáo giữa lòng dân tộc qua bài viết *Mấy điều cốt yếu trong Đạo Phật*. Ông khẳng định Phật pháp tuy có nhiều đường hướng, song mục đích cũng đều dạy người làm điều thiện. Đạo Phật là đạo rất yêu đời, như Đức Phật Thích Ca, Ngài chỉ vì lòng thương xót muôn loài mà hy sinh thân mình, hy sinh ngôi báu và tất cả vinh hoa phú quý để ra đi xuất gia, tìm cầu đạo vô thượng cứu độ cho đời. Đạo Phật là đạo dạy người ta biết tìm cái vui chân chính. Ở đời, ai cũng cầu vui, mà Đạo Phật dạy con người trước hết phải tìm nguyên nhân sự khổ, người đời thấy vậy vội cho Đạo Phật là chán đời. Nhưng không phải thế, vì con người có biết nguồn gốc sự khổ, có dứt được khổ thì mới tìm được cái vui chân chính. Đạo Phật là đạo tinh tiến, dũng mãnh. Nhiều người thấy Đạo Phật dạy người ta từ bi, nhẫn nhục, vội tưởng Đạo Phật là nhu nhược, không thích hợp với cuộc đời cạnh tranh này. Nhưng thật ra, Đạo Phật rất tinh tiến và dũng mãnh. Phật biết rằng lười biếng là căn bệnh thường xảy ra của con người, lười biếng sinh ra yếu hèn, nên Ngài luôn dạy muôn người phải lấy đức tinh tiến, dũng mãnh để hành xử mọi việc. Cho nên nói, Đạo Phật vẫn là từ bi, nhẫn nhục nhưng khi cần đến đức dũng mãnh thì lực lượng mạnh mẽ không gì ngăn

cần được. Bài viết vừa khơi dậy những giá trị đạo đức của Phật giáo, vừa như lời nhắc nhở, khuyên nhủ con người sống phải tinh tiến, dũng mãnh; phải biết lấy lòng từ bi, nhân nhục để đối nhân xử thế.

Điều đáng chú ý trên Tạp chí *Duy tâm Phật học* là ở số 42 năm 1941, chỉ với tác phẩm *Muốn biết Phật giáo có công với đời hay không cần phải soi gương dĩ vãng*, Huệ Quang đã cho tín đồ thấy rõ quá trình hội nhập và sự đóng góp tích cực của Phật giáo đối với dân tộc Việt Nam thời bấy giờ: “Trải qua các đời Đinh, Lê, Lý, Trần, Hán học được truyền sang nước ta là nhờ có Phật học, vì Phật giáo hồi bấy giờ rất thịnh, có nhiều vị Sư danh tiếng tinh thông Phật học lẫn Hán học, được quốc dân sùng kính và triều đình tôn chuộng như các cao Tăng: Vô Ngại, Phụng Định, Duy Giám, Đỗ Pháp Thuận, Ngô Chân Lưu...”.

Đuốc tuệ số 59 cũng nhấn mạnh thêm tinh thần nhập thế của Phật giáo qua bài *Tinh thần nhân gian Phật giáo của Việt Nam xưa*: “Xét từ đời Đinh cho đến đời Hậu Lê, thấy có ba vị đại tông sư ở ba thời đại đều đã từng chủ trương phát huy về tinh thần Đại thặng, là tinh thần cứu thế tích cực, tức ngày nay chúng ta gọi là chủ nghĩa “Nhân gian Phật giáo”. Ba vị đại tông sư ấy tức là Khuông Việt Thái sư ở đời Đinh Lê, Trần Thái Tông ở đời Trần và Hương Hải Thiền sư ở đời Hậu Lê”. Hai bài viết trên *Đuốc tuệ* đó như là lời kêu gọi chân tình đối với tín đồ Phật tử, hun đúc tinh thần vì dân tộc cho tín đồ, mong những thế hệ sau biết noi theo những gương sáng đó mà thực hiện vai trò của mình đối với dân tộc.

Trên *Đuốc tuệ* số 23, ra ngày 19/5/1936, Sa môn Trí Hải đã thể hiện cụ thể tư tưởng vì dân tộc của mình qua bài *Địa vị người học Phật*. Trí Hải đã khuyên nhắc mỗi người, ai cũng đều có một địa vị riêng, nên phải làm hết bốn phận thì mới xứng đáng đứng trong địa vị của mình. Từ đó, tác giả trực tiếp chỉ rõ: “Sứ mạng của người Phật tử là đem đạo pháp của Đức Phật ra truyền bá, giáo hóa cho muôn dân. Có như thế thì “trên mới hợp lòng của chư Phật, dưới mới có phần lợi ích cho chúng sinh vậy”.

Nếu trên *Đuốc tuệ* có nhiều tác giả không ngừng truyền bá tư tưởng vì dân tộc, muốn đem lại hòa bình, thịnh vượng cho đất nước thì đối với Tạp chí *Viên âm* cũng có nhiều người luôn thao thức mang sự an bình đến cho cả dân tộc Việt Nam. Trên *Viên*

âm số 2, Tâm Bình đã thể hiện bài luận *Thế gian thuyết*, cho thấy sự cống hiến của Phật giáo đối với dân tộc là rất thiết thực và hữu hiệu. Đó cũng là lời tâm huyết, một lần nữa khẳng định lại sự gắn bó giữa Phật giáo với dân tộc: “Đạo Phật truyền qua xứ ta, chùa tháp ngày càng nhiều, tín đồ càng ngày càng đông, cũng là nhờ giáo pháp không trái với phong tục nhân tâm mà tồn tại đã mấy mươi đời. Sự tín ngưỡng trong nhân gian nguồn gốc cũng đã sâu xa, chẳng phải đợi đến ngày nay, Đạo Phật xứ ta mới phát triển... Ảnh hưởng của Đạo Phật về tinh thần giáo dục xứ ta chẳng phải là ít”.

Tiếp đó, trên *Viên âm* số 10 năm 1934, tác giả Mật Khế chỉ rõ trách nhiệm của người xuất gia đối với quê hương đất nước qua bài viết *Bốn phận của người học Phật*. Tác giả nhấn mạnh người xuất gia ngoài việc nhớ ơn và báo ơn cha mẹ, thầy tổ và nhân quần xã hội, còn phải biết báo đáp ơn Tổ quốc. Theo tác giả giải thích, nếu trong nước không được thái bình, không có trật tự, người mạnh chèn ép kẻ yếu, v.v... thì con người đâu có cơm ăn, nhà ở cũng khó mà yên ổn, bởi quá nhiều sự quấy nhiễu. Điều này phải nhờ có những cơ quan chính trị quan tâm bảo vệ thì mới mong được an vui. Hơn nữa, nếu không có cơ quan chính trị lo công việc quốc phòng bề ngoài để khỏi bị các nước khác xâm lấn, lo giữ gìn trật tự bề trong cho mọi người được an cư lạc nghiệp, thì làm sao tránh khỏi nạn cốt nhục chia lìa, cửa tan nhà nát. Từ đó Mật Khế nhấn mạnh người đệ tử Phật cần phải báo đáp công ơn của quốc gia dân tộc. Muốn báo đền ơn ấy, người đệ tử Phật chẳng những không làm những việc trái với sự an bình, với điều công ích của đất nước mà còn phải tận tâm làm tròn bốn phận quốc dân, giữ gìn trật tự theo địa vị của mình, để cả nước đều chung hưởng thái bình, hạnh phúc.

Nhằm cổ động tinh thần cho tín đồ Phật giáo, xuất gia cũng như tại gia thực hiện đúng với nghĩa vụ của mình là “Phật giáo đồng hành cùng dân tộc”, trong lễ khai mạc Đại hội tại Phật học Tương Tế Sóc Trăng, ngày 13/7/1936, HT. Huệ Quang đã có bài thuyết giảng nói về nghĩa vụ của người tại gia và xuất gia cần phải thực hiện. Bài giảng này được đăng rất chi tiết trên *Bồ đề* Tạp chí số 2, ra tháng 9 năm 1936. Hòa thượng cho biết người xuất gia là một người tiêu biểu cho Phật pháp, nên phải có tinh thần dũng mãnh mà đánh đổ bao nhiêu dục vọng,



Bản chất triết lý trong giáo lý của Đạo Phật mang tính nhập thế rất cao, thông qua học thuyết tuý duyên. Nhờ tinh thần dung thông, Đạo Phật đã sử dụng các dữ liệu tích cực của văn hóa dân gian để góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa dân tộc.

là mầm mống thống khổ cho nhân loại. Nếu không phải là người có tinh thần cương quyết, giới hạnh trang nghiêm, hy sinh tất cả một đời, thì không thể làm tu sĩ. Hòa thượng còn nhấn mạnh đệ tử xuất gia của Phật không phải là kẻ trí tuệ tầm thường, không phải là người mê muội mà cũng không phải là kẻ trốn đời, chán đời tiêu cực. Còn tín đồ tại gia là người đã thọ tam quy ngũ giới, có kiến thức, có đạo tâm muốn hộ trì Phật pháp, vì thế cần phải giữ lòng chánh tín, tinh tấn trên con đường Đạo thì mới làm tròn nghĩa vụ chung vai “gánh vác sự nghiệp hoàng pháp lợi sinh”.

Quả thật, cách nhìn nhận của HT. Huệ Quang rất tích cực và thể hiện đúng với tinh thần Phật giáo vì dân tộc. Bài giảng của Hòa thượng cũng cho thấy lúc bấy giờ, Phật giáo hướng về dân tộc không chỉ thể hiện qua những bài viết trên báo chí để khuyến hóa lòng dân mà còn trực tiếp khuyến hóa mọi người trong những lúc thuyết giáo. Bằng mọi phương tiện có thể, Phật giáo luôn vì lợi ích chung cho cả dân tộc mà cống hiến hết sức mình.

Tạp chí *Tam bảo* thì thường xuyên cho đăng những câu chuyện cao Tăng nước Việt, là những vị vừa có công với đất nước, vừa đạt được những thành tựu viên mãn trong quá trình tu tập hướng về đạo quả giải thoát. Cụ thể ở Tạp chí *Tam bảo* số 1, ra ngày 15/01/1937 có bài viết *Lịch sử các vua triều nhà Trần xuất gia*, đã lần lượt nêu rõ quá trình xây dựng đất nước và thành quả tu học theo chính pháp của *Vua Thái Tôn, Vua Thánh Tôn, Vua Nhân Tôn...* Chủ

ý của Tạp chí *Tam bảo* với việc làm này là nhằm giúp cho tín đồ hiểu được sự đóng góp thiết thực đối với dân tộc của những vị vua, những bậc cao Tăng thời trước, qua đó có thể cổ xúy tinh thần vì dân tộc của người đệ tử Phật đương thời.

Như vậy, quá trình thể hiện tinh thần vì dân tộc của các Tạp chí trên cho chúng ta thấy chủ trương chính yếu của báo chí Phật giáo đối với dân tộc nửa đầu thế kỷ XX là hướng về giáo dục người đệ tử Phật phải biết thực hiện trọn vẹn bổn phận, nghĩa vụ của mình. Tức là giáo dục người học Phật nên noi gương tốt của người đi trước, biết nhớ ơn đền ơn và phải luôn thao thức đem chính pháp làm lợi lạc cho muôn dân, giữ gìn nền hòa bình của dân tộc. Hơn thế nữa, với tinh thần vì dân tộc, Tạp chí *Tiến hóa* còn có tầm nhìn sâu rộng ra thế giới, chẳng những chỉ lo bảo vệ sự an nguy trong nước mà còn nghĩ ra cách giáo dục gián tiếp đối với kẻ đối địch bằng con đường văn hóa dịch thuật. Đó là trên *Tiến hóa* số 2, ra tháng 2 năm 1938 đã đưa ra ý kiến cần phải chuyển dịch những bài kinh tụng thành nhiều thứ tiếng, để cho kẻ đối địch đọc hiểu, biết được tội phước mà sống có nhân nghĩa, đạo đức hơn. Đây quả là sáng kiến hay và có tác dụng rất lớn trong phong trào giành lại hòa bình, độc lập cho quê hương đất nước Việt Nam. Có thể nói, *Tiến hóa* là Tạp chí tiêu biểu trong phong trào đấu tranh vì dân tộc. Những nội dung Phật học được truyền tải trên *Tiến hóa* đa phần thể hiện tinh thần vận động chính trị chống thực dân Pháp và lý tưởng vì cách mạng. Tuy nhiên, nói đến Tạp chí *Tiến hóa* thì không thể

không nhắc đến sư Thiện Chiếu, là người sáng lập Tạp chí này và là người tiên phong trong phong trào “cởi áo cà sa, khoác chiến bào” vì sự hòa bình của quê hương đất nước. Năm 1937, Hội Phật học Kiêm Tế được thành lập tại Rạch Giá, lấy chùa Sắc tứ Tam Bảo ở làng Vĩnh Thanh Vân làm trụ sở. Hoạt động của Hội có tiếng vang rộng lớn ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ và lan rộng cả đến Sài Gòn, nơi có trụ sở các Hội Phật học Nam Kỳ, Hội Phật học Lương Xuyền (ở Trà Vinh). Hội Phật học Kiêm Tế có cơ quan ngôn luận là Tạp chí *Tiến hóa*, do sư Thiện Chiếu tổ chức bài vở và điều hành nội bộ. Ngài thực hiện chương trình cải cách Phật giáo mạnh mẽ, táo bạo, đó là mong muốn giới Tăng sĩ phải dấn thân vào đời, làm việc thực tế độ sinh, cải tạo xã hội. Đây là vấn đề mới lạ mà đương thời ít người Phật tử nào nghĩ đến.

Những tác phẩm *Tại sao tôi (Thiện Chiếu) hoàn tục* và *Tại sao tôi đã cảm ơn Đạo Phật* của sư Thiện Chiếu đã khẳng định rõ lý do sư hoàn tục là không phải bất mãn với Phật giáo hay giáo lý của Đức Phật Thích Ca. Từ niềm tin chắc chắn đối với Phật giáo và quá trình tu tập, thể nghiệm giáo lý Phật giáo đã hun đúc cho Sư tinh thần vì dân tộc, giúp Sư hiểu được quan điểm từ bi, mong muốn giải phóng chúng sinh ra khỏi vòng hệ lụy của những tham lam, ích kỷ... của cuộc đời hiện tại là phải cải tạo xã hội theo con đường “thế giới đại đồng”. Việc Sư tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940 tại Hóc Môn cũng đã chứng minh cho một thời điểm trong hành trình sống, hoạt động xã hội, chính trị, tôn giáo canh tân của mình. Sau đó, dù Sư bị Pháp bắt đày ra Côn Đảo, nhưng sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, được trở về đất liền, Sư vẫn tiếp tục tham gia kháng chiến chống Pháp với cương vị một công dân yêu nước, một Phật tử vì dân tộc trước nạn ngoại xâm.

Vào những ngày cuối đời, sư Thiện Chiếu vẫn sống, vẫn làm việc với cách sống như một nhà Sư và những diễn biến tư tưởng cải tiến của Sư từ những năm 1920, 1930 ấy mãi không thay đổi. Sư Thiện Chiếu đã đem cái biết của mình từ Đạo Phật ra thực thi với đời từ lứa tuổi thanh niên và cho đến ngày lia đời, sư đã chu toàn con đường học và tu Phật của mình. Sư Thiện Chiếu còn chứng minh cho mọi người biết sự cống hiến của Phật giáo đối với dân tộc qua những bài viết của mình. Ông nhấn mạnh:

“Vì họ là những người con của dân tộc Việt Nam, sống trên đất nước Việt Nam, không thể không đau xót trước cảnh đất nước bị chia cắt, bị xâm lăng, bị chiến tranh tàn phá. Họ không thể không tủi nhục và căm thù vì đồng bào và với phong trào yêu nước của đồng bào quần chúng nhân dân. Nhất là họ không thể đi chệch con đường tiến lên của dân tộc, con đường phát triển của xã hội loài người” [1].

Điểm qua vài nét về tinh thần báo chí Phật giáo với dân tộc, cụ thể hơn là tìm hiểu về tư tưởng yêu nước của sư Thiện Chiếu, đến đây vấn đề được đặt ra là Phật giáo đã đóng góp gì cho dân tộc trong giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX và cho đến ngày nay qua hoạt động của báo chí?

Có thể nói, tính dân tộc mà báo chí Phật giáo trước 1945 thể hiện là:

- Hun đúc ý chí và lòng yêu nước của quần chúng nhân dân qua những hoạt động của phong trào Chấn hưng Phật giáo. Chính phong trào này đã trực tiếp kêu gọi quần chúng Phật tử giữ gìn truyền thống yêu nước, gắn bó với dân tộc. Cụ thể trong hàng Tăng sĩ Phật giáo có rất nhiều người vẫn giữ nếp sống tu hành chân chính, nhưng đã tích cực tham gia kháng chiến chống quân xâm lược. Vì vậy có thể nói phong trào Chấn hưng Phật giáo là một phong trào phục hưng văn hóa dân tộc, một sự phục hưng dựa trên ý thức tự tôn dân tộc và với niềm tự hào về truyền thống yêu nước lâu đời.

- Khơi gợi lại những giá trị đạo đức của Phật giáo và dân tộc như lòng từ bi, tinh thần hiếu đạo, đức hy sinh...

- Khuyến dân chúng giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tích cực phát huy văn hóa chữ Quốc ngữ bằng các hoạt động phiên dịch kinh điển, mở rộng phong trào học Phật khắp nơi...

Nhìn chung, tìm hiểu về vấn đề Phật giáo với dân tộc qua báo chí Phật giáo trước 1945 cũng như qua tư tưởng, hành động thiết thực của sư Thiện Chiếu, đã giúp chúng ta thấy được mối liên hệ mật thiết giữa Phật giáo và dân tộc như nước hòa với sữa. Chính tinh thần vì muôn dân bền vững ấy mà Phật giáo vẫn đồng hành và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam. Có thể mượn câu nói của sư Thiện Chiếu để diễn tả cho sự kiện cao đẹp này: “Nếu là tinh hoa của Phật giáo thì nó sẽ tồn tại mãi mãi trong sức sống của dân tộc và cùng với sức sống đó tiến lên theo đà phát triển của nhân loại” [2].

PHẬT GIÁO VỚI ĐẠI CHÚNG

Phật giáo du nhập vào Việt Nam ngay từ buổi đầu đã thích ứng với văn hóa bản địa, trải qua nhiều thế kỷ vẫn luôn hài hòa trong lòng dân tộc. Tuy nhiên, từ khi Pháp có mặt ở Việt Nam cùng với chủ nghĩa tư bản và văn hóa phương Tây đã gây ra những xáo trộn không nhỏ trong xã hội Việt Nam và điều đó ảnh hưởng rất lớn đối với Đạo Phật. Tầng lớp khá giả thì theo lối sinh hoạt thành thị, theo văn minh phương Tây với những phương tiện sinh hoạt mới và hiện đại. Cùng với những thay đổi trong lối sinh hoạt là các thay đổi về ý nghĩ và cảm xúc. Từ đó khiến nhiều giá trị bền vững của dân tộc cũng phần nào bị tha hóa, nhất là Phật giáo bị thực dân Pháp ra sức xóa bỏ trong tư tưởng người dân Việt Nam, thay vào đó chúng khiến người dân tin theo những hủ tục mê tín dị đoan.

Nhờ có phong trào Chấn hưng Phật giáo do giới Tăng sĩ đứng ra chủ trương mà báo chí Phật giáo có cơ hội ra đời và phát triển qua con đường truyền bá Phật học bằng chữ Quốc ngữ. Từ đó Phật học lan rộng khắp nơi, cả ba miền, dân chúng đều có cơ hội tìm hiểu Phật pháp. Cho nên, nói đến vấn đề Phật giáo với đại chúng hay đại chúng hóa Phật giáo trong giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX mà báo chí Phật giáo đã thể hiện thì rất phong phú. Lúc bấy giờ, vì có số đông quần chúng nhân dân đang sống đau khổ trước những lo nghĩ vật chất và sự áp bức của chính quyền thuộc địa Pháp, cho nên họ rất khao khát có được cuộc sống an vui. Đời sống của nhân dân luôn bị đe dọa không dứt bởi những làn sóng bất an và sợ hãi, vì vậy họ tìm đến Phật giáo, là nơi hy vọng có thể đem lại cho họ sự an bình trong tâm và ý nghĩa của cuộc sống. Đồng thời, cũng có không ít học giả tìm đến Phật giáo, mong tìm ra giải pháp đấu tranh vì độc lập, hòa bình của dân tộc.

Hiểu rõ tình hình quần chúng nhân dân lúc bấy giờ đa phần còn mê mờ chính pháp, đồng thời với mục đích tuyên truyền văn hóa, giáo dục đạo đức nên báo chí Phật giáo trước 1945 hầu như đều đi theo hướng truyền đạt những giáo lý căn bản, những triết lý Phật học phổ thông gần gũi với đời sống nhân dân mà không phải là truyền đạt những triết lý cao siêu, khó hiểu.

Trong *Đuốc tuệ* số 127, ra ngày 01/3/1940, Thiều Chửu đã diễn giải rất rõ lợi ích thiết thực của những



Như vậy, báo chí Phật giáo đương thời đã cho thấy Đạo Phật đi vào lòng quần chúng không chỉ là để chuyển hóa cho cá nhân mỗi người mà còn chuyển hóa cả gia đình, cho đời sống kinh tế xã hội và cả đời sống đạo đức lễ nghĩa hằng ngày.

người sống trong xã hội nhưng biết học Phật, biết ứng dụng Phật pháp vào cuộc sống. Bài viết mang tính triết lý thiết thực, gắn liền với đời sống nhân dân, mọi giới ai cũng có thể dễ dàng đọc hiểu và tiếp nhận được. Trong bài viết, Thiều Chửu nhấn mạnh chương trình xây đắp cái nền nhân gian Phật giáo rất rõ ràng. Thiều Chửu chỉ rõ đối với sự tu dưỡng của từng người: Nhờ một cái lòng thì cả mình đều chuyển động, thối hơi lên trên không thì trên không hiện ra các làn sóng. Cho nên sự thiện ác của từng người có ảnh hưởng trực tiếp đến sự yên lành của gia đình, xã hội, nhà nước và cả cõi đời này. Từ đó, Thiều Chửu khuyên nhắc: “Muốn cho gia đình được hưng thịnh, xã hội được yên vui, cõi đời được hòa bình, trước hết phải chú trọng đến sự tu dưỡng của từng người, phải trừ tính ác mà làm điều thiện”.

Bài viết của Thiều Chửu còn cho ta thấy tinh thần “Không làm các điều ác, nên làm các điều lành” của Phật giáo đã thật sự ảnh hưởng sâu sắc trong tâm tư của quần chúng, nên họ mới biết khuyên nhủ người khác lấy pháp thiện của nhà Phật để giáo dục tự thân, xây dựng đời sống xã hội và ổn định cả quốc gia dân tộc. Lúc bấy giờ, vì sự mê tín dị

đoan của quần chúng còn quá nhiều, nên các nhà Phật học đã ra sức truyền bá Phật pháp để cải hóa tư tưởng cho muôn dân. Trên *Đuốc tuệ* số 75, ra ngày 15/12/1937, Sa môn Trí Hải đã *Bàn về sự đốt vàng mã*. Ngài cũng chỉ rõ mục tiêu xóa bỏ mê tín của Phật giáo đã tác động đến cả những cơ quan chức năng trong xã hội lúc bấy giờ. Cụ thể ở Thái Bình, cụ Thượng Vi đã ra chỉ thị cấm đốt vàng mã, song vì dân chúng còn quá nhiều mê chấp, nên công việc cũng chưa đạt được kết quả mỹ mãn mà chỉ có hiệu quả riêng từng nơi. Từ đó, Ngài kêu gọi các chùa nên đem nguyên nhân sự đốt vàng mã và sự lợi hại giảng cho mọi người hiểu, khẳng định việc đó là vô ích, là đại hại. Kết hợp cả nhà chùa lẫn các nhà chính trị thì không bao lâu hủ tục đó sẽ tiêu diệt hết.

Để việc tuyên truyền, bài trừ mê tín dị đoan này có tác dụng cao, Ngài Trí Hải đã đưa ra dẫn chứng cụ thể trong kinh Phật nói: “Ngay như trong kinh *Dược Sư*, là bộ kinh rất nhiều người tụng, ở trong đó có nói: “Thiêu tiền hóa mã, sát lục chúng sinh, tế tự quỷ thần, dân tăng tội nghiệp, phản tôn thọ hỷ”. Nghĩa là đốt giấy tiền và các thứ vàng mã cùng là giết chúng sinh để tế báo quỷ thần, chỉ thêm tội nghiệp và chóng chết mà thôi, không có ích lợi chi cả”. Tinh thần “Đại chúng hóa Phật giáo” còn được phổ cập riêng cho người phụ nữ. Có lẽ thân phận người phụ nữ lúc bấy giờ rất đáng thương, không được xem trọng nhiều, nên họ quyết sống vươn lên. Giáo lý Đạo Phật đã giúp họ thêm niềm tin và ý chí để xây dựng cuộc sống.

Trên *Viên âm* số 17, Diệu Phước đã mở ra cho giới phụ nữ một con đường đi thật tươi sáng và đầy nghị lực qua bài luận *Phụ nữ với Phật pháp*. Diệu Phước nhấn mạnh, Phật pháp rất thích hợp với khoa học thế giới ngày nay, cho nên chị em không phải ngần ngại gì mà không chịu thờ nền luân lý nhà Phật: “Chị em hấp thụ được luân lý nhà Phật thì nơi gia đình, chị em là tấm gương chiếu sáng cho cả gia đình khác, còn nơi xã hội thì chị em là người ích quốc lợi dân, không phải là sâu mọt của xã hội”. *Viên âm* số 13 năm 1935 có bài viết *Phật pháp hiệp với đời* còn chỉ cho chúng ta thấy không chỉ có chị em phụ nữ mới quan tâm đến Phật giáo mà cả những thanh thiếu niên cũng biết lĩnh hội. Với lứa tuổi thanh niên đầy nhiệt huyết, họ đã biết tìm đến Phật pháp để xây dựng, hun đúc cho lý tưởng cao đẹp của đời mình. Từ đó mà *Viên âm* đã quả quyết:



“Được như vậy thì anh em sẽ có cái vui của người thường làm lành, cái vui của người không sợ khổ và anh em sẽ rõ: duy có Đạo Phật là hiệp với đời, là có thể đem đến hạnh phúc đầy đủ cho nhơn loại”.

Sự phổ cập, hòa nhịp giữa Phật giáo và đại chúng quả là mật thiết và đem đến kết quả thiết thực, bởi những ai theo Đạo Phật đều trở thành những con người tốt, thật sự sống có ý nghĩa và làm tròn bổn phận trách nhiệm với cá nhân, gia đình cũng như xã hội. Điều này, Tâm Nguyệt cũng là đại diện cho giới phụ nữ cất lên tiếng nói thật khẳng khái trên Tạp chí *Viên âm* số 25 năm 1937, với chủ đề *Ảnh hưởng của Phật giáo trong gia đình*. Tâm Nguyệt khẳng định người đã theo Đạo Phật, thể theo tâm tính của Phật thì lòng thương cũng mở rộng thêm, chẳng những thương cha mẹ chồng, chồng con mà còn thương đến anh em bà con bên chồng. Một người vợ đã quy y Phật thì sẽ tôn trọng đức tính nhẫn nhịn, từ mẫu làm dâu. Một người mẹ biết quy y Phật sẽ biết làm tròn trách nhiệm người mẹ. Trong nhà Phật thường

dạy: “Người theo Đạo Phật, khi nào cũng phải biết ơn, mà biết ơn nếu không tìm cách trả ơn cho xứng với sự yêu quý ấy, thì kiếp sau người thọ ơn mắc nợ và phải trả. Vậy cho nên khi hưởng phước, ta chớ nên buông lung, ích kỷ...”.

Học được từ Đạo Phật tinh thần biết ơn đó, Tâm Nguyệt còn chỉ cho mọi người biết nhớ nghĩ đến cả tôi tớ trong nhà. Vì sao, vì Đạo Phật luôn xem trọng hai chữ bình đẳng, loài người khác nhau không phải do nơi địa vị sang hèn mà chủ yếu là do nơi tâm tính của mỗi người. Vấn đề quan chúng thể nhận tinh thần tri ân báo ân đó từ Đạo Phật, không chỉ có Tạp chí *Viên âm* đề cập đến mà cả Tạp chí *Quan âm* cũng dẫn chứng rất đầy đủ. Trên *Quan âm* số 10, Mật Khế khẳng định là người học Phật, tất nhiên phải noi theo gương Phật, làm những việc lành. Trong các việc lành, có một việc quan trọng là phải biết giữ tròn bốn phận, là báo đáp công ơn cha mẹ và công ơn mọi người trong xã hội. Khi ta muốn ăn đã có người làm ruộng, muốn mặc đã có người dệt vải may áo, muốn ở đã có người làm nhà... Vì thế cần phải nhớ công ơn muôn người trong xã hội mà gắng sức làm cho xã hội càng ngày càng thịnh vượng.

Quan chúng tiếp nhận và ứng dụng Phật pháp trong đời sống cá nhân, gia đình và xã hội là thế. Còn đối với đời sống kinh tế thì sao? Tạp chí *Viên âm* số 28 năm 1937 đã bàn về một chuyên mục riêng là *Phật pháp đối với thương nghiệp*. *Viên âm* nhấn mạnh người đi buôn bán hàng hóa phải làm tròn hai phận sự: Phận sự đối với mình và phận sự đối với người mua hàng. Tức là phải cân nhắc làm sao cho hai bên đều có lợi và biết tin cậy nhau, để tránh khỏi sự bóc lột, lường gạt, tranh đua. Hơn nữa, nếu người bán buôn còn biết phát tâm bố thí cúng dường, giúp duy trì nền đạo đức, thì lại càng quý biết bao. Vì những người đó đã hiểu thấu sự buôn may bán đắt là do phước báu đã tạo từ trước, nay gặp thời may, nên họ biết nghĩ đến người khác. Người đã giàu lòng từ thiện như thế thì trong thiên hạ, ai lại không hoan nghênh, yêu quý và đã yêu quý, tất nhiên mọi người sẽ sẵn sàng mua giúp hàng hóa. Mình thương người, người giúp mình, đó là tôn chỉ từ bi của Đạo Phật để thực hành trong chốn thương trường, nhằm diệt trừ những tệ nạn giả dối, lường gạt nhau vì mỗi lợi riêng tư. Rồi *Viên âm* kết luận: “Ai là bạn thương nghiệp, ai

là đệ tử Phật trong thương trường, nên xét kỹ chỗ lợi toàn thể, lợi lâu dài mà thực hành Phật pháp trong nghề buôn của mình. Nếu đạo tâm của các người buôn mà chắc chắn rồi thì ai lại không tin, có tin nhau mới mong làm các sớ to tát”. Tín đồ lĩnh hội Phật pháp, ngoài việc ứng dụng những giá trị đúng đắn để xây dựng hạnh phúc gia đình và đời sống kinh tế, còn biết thiết lập mối quan hệ nhân nghĩa, đạo đức cao cả trong xã hội. Học giả Văn Đàm với bài viết *Quốc dân ta cần phải nghiên cứu Phật học* đăng trên *Từ bi âm* số 23, ra ngày 01/12/1932 cho thấy xưa nay “Tín ngưỡng Phật giáo” luôn lấy đạo đức làm nền giáo dục, đâu có hủ tục di truyền đã lâu, nhưng tư tưởng thì vẫn in sâu vào trong đạo lý vô thượng. Phật pháp xưa nay vẫn lấy tôn chỉ từ bi, tế nhơn lợi vật, đủ tư cách để làm cho nhân loại đều phải khâm phục.

Tinh thần đạo đức mà quan chúng lĩnh hội được từ Phật giáo còn có sự hiểu kính. Từ Phật giáo, quan chúng đã biết ứng dụng đạo hiếu ngay trong cuộc sống hiện thực, như Tạp chí *Duy tâm Phật học* số 43 năm 1941 với bài viết *Nơi gương Đại hiếu* của Khánh Anh đã chứng minh rõ điều này. Tác giả kể về nhà Trưởng giả Huyện hàm Trương Hoảng Lâu tại tỉnh Cần Thơ, noi gương bố thí của thân mẫu, đã tổ chức Đại trai đàn trong dịp lễ Vu lan Thắng hội, để cầu siêu cho phụ mẫu trong bảy đời, tỏ chút lòng hiếu kính trong muôn một. Xưa kia, thân mẫu của Trưởng giả lúc còn sinh tiền từng đem vàng bạc trùng tu chùa Tây An, núi Sam, tỉnh Châu Đốc. Ngày nay, Trưởng giả cảm đức sinh thành đã phát tâm cúng ruộng cho mười chùa, rước 30 vị Tăng đến làm chay cúng dường, thỉnh thầy về thuyết pháp sáu thời v.v.. Qua đó, Khánh Anh đã kết luận: “Những công trình to tát, cuộc lễ long trọng như thế là bởi nhà Trưởng giả cảm đức sinh thành, nhớ công tác tạo. Thế cũng là ăn trái nhớ kẻ trồng cây, uống nước biết nơi nguồn mạch, chính Trưởng giả thuật chuyện: “Bà thân tôi thường nói: Má làm phước chùa Tây An là để lại cho con”.

Như vậy, báo chí Phật giáo đương thời đã cho thấy Đạo Phật đi vào lòng quan chúng không chỉ là để chuyển hóa cho cá nhân mỗi người mà còn chuyển hóa cả gia đình, cho đời sống kinh tế xã hội và cả đời sống đạo đức lễ nghĩa hằng ngày. Điều đó chứng minh được quan chúng đã tiếp nhận Phật giáo dưới mọi hình thức và ứng dụng trong mọi hoàn cảnh.

Có lẽ từ sự thể nhập sâu xa đó mà Võ Văn Cường mới thể hiện bài viết *Tâm hồn dân tộc Việt Nam với Phật giáo* đăng trên *Viên âm* số 48 năm 1942 để nói lên tất cả những kết quả tốt đẹp về Phật giáo trong lòng đại chúng. Ông cho rằng những người thường dân Việt Nam không tu tập, thể mà từ tiếng nói cho đến hành động, đều nhiễm những danh từ, những ý tưởng của Phật pháp một cách bất ngờ. Hễ một việc gì hơi quan trọng xảy đến trong đời, họ liền niệm: “Mô Phật”. Đời họ gặp cảnh khổ đau, sẽ tự nhủ một cách tự nhiên: “Vì kiếp trước mình đã vụng tu”. Những công việc của đời hiện tại chưa thành, họ xin hẹn đến kiếp sau. Qua đó, tác giả đã nhấn mạnh: “Không biết họ đã hiểu tự bao giờ cái thuyết luân hồi của nhà Phật?”.

Tác giả còn cho thấy người dân Việt Nam hầu như đã thấm nhuần đức từ bi và rõ thấu thuyết nhân quả - nghiệp báo của nhà Phật, nên họ thường răn bảo con cái phải biết thương yêu muôn loài, đồng thời nhắc nhở: “Bây đừng phung phí làm đổ cơm nước bậy bạ mà sau phải làm vẹt, làm trùng để đi lượm lại những hạt cơm đã đổ thối”. Họ thường dọa con: “Bây đừng ác với chó mèo mà sau thành chó mèo bị họ đánh đập cho chết”. Cuối cùng, Võ Văn Cường nhận định: “Sự liên lạc giữa Phật giáo và tâm hồn dân tộc Việt Nam đã chặt chẽ lắm rồi. Chặt chẽ vì nó hợp với thiên lý, vì đã mấy mươi đời, ông cha chúng ta đã di truyền vào trong cốt tủy... Những thuyết luân hồi, nhân quả, bình đẳng, từ bi, chúng ta đã áp dụng vào đời sống một cách tự nhiên, tuy không đến triệt để”.

Nhìn chung, điểm qua một số nét về quá trình truyền bá Phật học mà báo chí Phật giáo giai đoạn trước 1945 đã thể hiện, cho ta thấy rõ tính đại chúng tiêu biểu của Phật giáo giai đoạn này như sau:

- Tính phổ cập: Báo chí Phật giáo đã truyền bá nhiều bài giáo lý phổ thông, mang lợi ích thiết thực cho con người, nên hầu như đều được quần chúng đón nhận và thực hành ngay trong cuộc sống trên các lĩnh vực.
- Tính tuyên truyền: Báo chí Phật giáo đã cổ động, kêu gọi, thức tỉnh được lòng dân xóa bỏ mê tín dị đoan, hướng được tâm thức của người dân sống theo con đường chân chính.
- Tính giáo dục: Báo chí Phật giáo đã tác động, truyền bá những tư tưởng đạo đức nhằm giáo dục nhân cách sống cho muôn dân.

Như vậy cũng đủ cho chúng ta thấy rằng Phật giáo luôn hòa nhập với đời sống nhân dân, được quần chúng nồng nhiệt đón nhận, thực hiện đúng đắn và đã mang lại nhiều thành quả tốt đẹp cho đời sống nhân sinh. Có thể mượn lời của Xuân Thanh đã viết trong *Viên âm* số 6 năm 1935 về đề tài *Một nhà chơn chính học Phật là một nhà đại lao động giữa xã hội* để kết luận: “Kinh Pháp Hoa có nói: “Trong thế gian, dầu việc ăn làm, khoa ngôn ngữ, chính trị đều là Phật pháp cả”. Như vậy, thì đủ biết Phật pháp không ngoài thế gian mà chính ở trong thế gian vậy”.

Thay lời kết

Báo chí Phật giáo trước 1945 cho chúng ta thấy sự gắn bó giữa Phật giáo với dân tộc và với đại chúng qua lối truyền bá phổ thông, gần gũi. Những giá trị Phật học lúc bấy giờ vừa mang ý nghĩa giáo dục, vừa hun đúc tinh thần văn hóa dân tộc, yêu quê hương đất nước. Hơn nữa, những bài Phật học căn bản về triết lý đạo đức và cả những bài viết với nội dung tranh luận về linh hồn, Cực lạc... trên báo chí lúc bấy giờ, nhìn chung đều là những bài văn nghị luận với nghệ thuật diễn tả khá sắc sảo, lối hùng biện đanh thép. Cho nên có thể nói những tác phẩm Phật học vừa mang giá trị Phật học, vừa có giá trị văn học.

Báo chí Phật giáo lúc bấy giờ đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu tìm hiểu, học hỏi Phật pháp cho mọi tầng lớp độc giả và đóng góp công sức không nhỏ cho con đường hoằng dương chánh pháp đầu thế kỷ XX. Ngay trong cuộc sống hiện tại, con người có thể ứng dụng giáo lý Phật giáo nhằm xây dựng đời sống văn hóa, kinh tế, chính trị... ngày càng tốt đẹp hơn. Nói chung, Phật học trên báo chí Phật giáo trước 1945 đã mở ra cho quần chúng sự hiểu biết căn bản về đạo lý sống theo giáo lý Phật giáo, chuyển hóa được tầm nhìn của tín đồ từ mê tín thành chánh tín. Vì vậy, có thể khẳng định Phật học giai đoạn này là chiếc cầu nối giữa văn hóa truyền thống và đạo lý chân chính, góp phần ổn định xã hội và đấu tranh vì hòa bình độc lập của cả dân tộc.

Chú thích:

* SC Thích Nữ Chúc Hiếu, Tiến sĩ Ngữ văn.

[1], [2] Thích Như Niệm (2009), *Di cảo của nhà sư Thiện Chiếu*, Nxb Khoa học Xã hội, tr.31-32.



HOÀNG PHÁP
Online

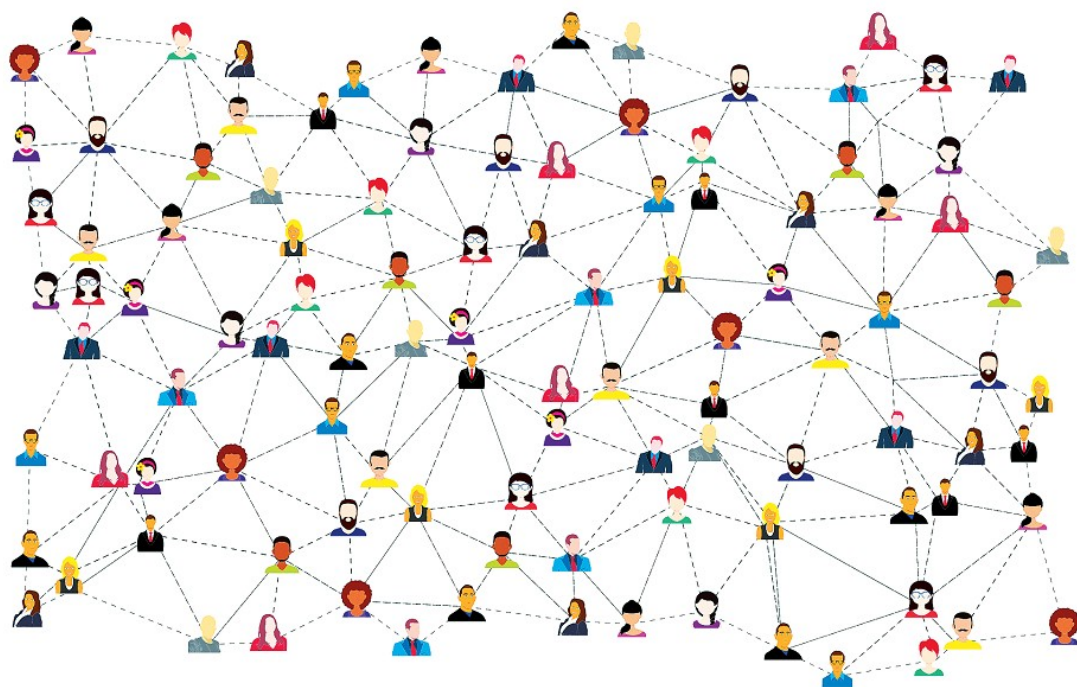
Kênh Youtube chính thức của Hoàng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoàng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp



Truyền thông Phật giáo Việt Nam định hướng cho cư sĩ Phật tử



Song song với sự tô bồi nhận thức của tín đồ Phật giáo về giáo lý Đạo Phật cùng các hoạt động Phật giáo trong nước và nước ngoài, truyền thông đại chúng của Phật giáo có vai trò quan trọng trong việc phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Phật giáo và hỗ trợ đời sống tinh thần, cũng như một phần đời sống vật chất của người dân tại các địa phương.

Thích Ngộ Trí Viên*

Trong 26 thế kỷ từ khi Đạo Phật xuất hiện tại Ấn Độ, hoàng pháp là hoạt động then chốt của chư Tăng Ni, xuất phát từ lòng bi mẫn [1] [2], có tầm quan trọng hàng đầu từ quá khứ, cho đến hiện tại và tương lai đối với Phật giáo các quốc gia trên thế giới nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng. Mục đích của hoàng pháp là làm lan tỏa giáo pháp của Đức Phật và đem lại sự an lạc, giải thoát cho con người [3]. Bên cạnh đó, đặc trưng của hoạt động hoàng pháp là luôn linh hoạt, nhất là gắn liền với tình thần khế lý, khế cơ, khế xứ, khế thời. Mỗi thời đại, quốc độ, xứ sở khác nhau thì Tăng, Ni phải có cách thức hoàng pháp phù hợp, đem đạo vào đời một cách hợp lý, thành công [4]. Trong gần thập niên trở lại, nền tảng truyền thông của Phật giáo Việt Nam đã phát triển mạnh, đồng hành cùng quý Tôn đức Tăng Ni từ các hoạt động Phật sự thường ngày đến những sự kiện lớn. Đứng trước những thuận lợi và cả thách thức từ truyền thông, Phật giáo Việt Nam cần có những giải pháp để tận dụng mặt

thuận lợi của truyền thông nhằm phát huy các thông điệp của Đức Phật, đồng thời chuyển hóa những nhận thức sai lầm đã xảy ra trước đây đối với một bộ phận tín đồ và những người hữu duyên.

VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG VỀ PHẬT GIÁO

Truyền thông là quá trình chia sẻ thông tin. Truyền thông là một kiểu tương tác xã hội, trong đó ít nhất có hai tác nhân tương tác lẫn nhau, chia sẻ các quy tắc và tín hiệu chung. Ở dạng đơn giản, thông tin được truyền từ người gửi đến người nhận. Ở dạng phức tạp hơn, các thông tin trao đổi liên kết người gửi và người nhận. Truyền thông được mô tả như việc truyền ý nghĩ, thông tin, ý tưởng, ý kiến, hoặc kiến thức từ một người, một nhóm người sang một người hay sang một nhóm người khác bằng lời nói, hình ảnh, văn bản hay tín hiệu [5]. Như vậy, “truyền thông là sự trao đổi thông điệp giữa các thành viên hay các nhóm người trong xã hội nhằm đạt được sự hiểu biết lẫn nhau” [6].



Không chỉ dừng lại ở sự học tập Phật Pháp, người Tăng sĩ cần tích hợp và nắm vững tri thức đa ngành (các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, ngành đặc thù) để tạo mối liên hệ tri thức chuyên ngành.



Thủ tướng Phạm Minh Chính trao bản cảm ơn ghi nhận sự đóng góp của Trung ương GHPGVN (Nguồn: VP 1 Trung ương GHPGVN)

Truyền thông là hoạt động có ý thức của con người. Đó là quá trình có thể dẫn đến sự thay đổi về nhận thức và hành vi. Trên cơ sở đó, truyền thông tôn giáo nói chung và truyền thông Phật giáo nói riêng là hoạt động giao tiếp có ý thức của con người, với việc một chủ thể (một người, một nhóm người, một tổ chức) truyền thông điệp về những vấn đề liên quan đến tôn giáo sang một đối tượng (một người, một nhóm người, một tổ chức) qua một hệ thống phương tiện truyền thông nhằm tăng cường nhận thức về tôn giáo giữa các cá nhân và nhóm người trong xã hội. Dựa trên nguyên lý đó, kết quả của truyền thông Phật giáo là tạo ra sự thay đổi về nhận thức và hành vi đối với Phật giáo và những vấn đề liên quan đến Phật giáo.

Song song với sự bồi đắp nhận thức của tín đồ Phật giáo về giáo lý Đạo Phật cùng các hoạt động Phật giáo trong nước và nước ngoài, truyền thông đại chúng của Phật giáo có vai trò quan trọng trong

việc phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với Phật giáo và hỗ trợ đời sống tinh thần, cũng như một phần đời sống vật chất của người dân tại các địa phương:

(i) Góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, chức sắc, tín đồ Phật tử thực hiện tốt quan điểm, chính sách, pháp luật về tôn giáo của Đảng và Nhà nước.

(ii) Việc đọc báo, Tạp chí, xem truyền hình đã góp phần nâng cao nhận thức của quý Tăng Ni, Phật tử và những người quan tâm đến Phật giáo về quan điểm, chính sách, pháp luật về tôn giáo. Từ đó, tạo sự chuyển biến về hành động trong việc chấp hành chính sách, tuân thủ pháp luật. Nhiều bài viết, phóng sự phát thanh, truyền hình đã phản ánh gương điển hình của quý Tôn đức, cư sĩ Phật tử thực hiện tốt chủ trương của Đảng và Nhà nước. Gần đây nhất, tại buổi lễ ra mắt Quỹ vắc-xin phòng, chống dịch COVID-19, thay mặt Trung ương GHPGVN, HT.

Thích Thanh Nhiễu - Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN đã trao biên ủng hộ mua vắc-xin 3,5 tỷ đồng [7].

(iii) Truyền thông đại chúng của Phật giáo góp phần tuyên truyền về công tác tôn giáo, về đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Chính truyền thông Phật giáo góp phần không nhỏ vào việc giải quyết các vụ việc tôn giáo, từ đó ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tôn giáo để truyền đạo trái pháp luật, gây mất ổn định trật tự trị an xã hội.

(iv) Tích cực khuyến tấn Tăng, Ni và hàng Phật tử tại gia hộ quốc an dân, phụng sự Phật giáo và nhân sinh, phát triển quê hương đất nước, đời sống văn hóa. Lịch sử dựng nước và giữ nước đã ghi nhận nhiều quý Tôn đức và cư sĩ có niềm tin bất hoại đối với Tam bảo, mà xây dựng quốc gia, giữ gìn sự bình ổn, có thể kể đến như Thiền sư Đỗ Pháp Thuận [8], Thiền sư Vạn Hạnh [9], Thiền sư Khuông



Truyền thông Phật giáo là một trọng trách của quý Tăng Ni để hoằng pháp độ sinh một cách hữu hiệu trong thời đại hiện nay.



Việt (Ngô Chân Lưu) [10] [11]. Truyền thống hộ quốc an dân vẫn tiếp tục trong thời hiện đại, như Ni sư Huỳnh Liên trong phong trào kháng chiến chống Mỹ cứu nước [12], cho đến những vị Tăng sĩ ngày nay đóng góp cho đất nước thông qua các hoạt động học thuật chuyên ngành, cứu trợ thiên tai, hiến máu - hiến mô tạng - hiến xác, xây dựng cầu đường v.v... Đó là sự tiếp nối con đường phụng sự nhân sinh mà chư vị tiền bối của Phật giáo nước nhà đã đi qua, phù hợp với những mối liên hệ giữa Đức Phật với các vị quốc vương tại miền Bắc Ấn Độ khi còn tại thế dưới vai trò vị cố vấn (Bimbisara, Pasenadi, Suddhodana) và lời dạy của Ngài về tư đức [13], pháp trị của người đứng đầu quốc gia [14] [15].

TRUYỀN THÔNG PHẬT GIÁO CÓ GIẢI PHÁP NÀO ĐỂ LAN TỎA GIÁO LÝ PHẬT GIÁO ĐẾN CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Trong Phật giáo, truyền thông được xem là phương tiện làm sáng tỏ trắng đen, phải trái, chân ngụy, chính tà, sửa chữa những luận điểm sai lầm, lệch lạc về giáo lý Phật giáo. Ngoài bảo vệ chân lý, truyền thông Phật giáo còn nêu lên tinh thần mang tính nhân văn, văn hóa của dân tộc [16]. Thông qua truyền thông, những lời Phật dạy, tấm gương các bậc danh Tăng, những vị Phật tử sống tốt đời đẹp đạo đều được phản ánh rõ nét và sinh động. Từ đó Phật giáo tác dụng hướng thiện rất lớn, hướng mọi người đến với các giá trị tốt đẹp của đời sống.

Một vai trò to lớn của truyền thông là vai trò định hướng. Đối với truyền thông đại chúng về Phật giáo, đó là sự định hướng mặt tâm linh, đạo đức cho hàng Phật tử tại gia. Trong thời điểm hiện nay, khi mà truyền thông nói chung và truyền thông Phật giáo nói riêng phát triển rất nhanh, nhất là trong mùa đại dịch Covid-19, thì những thách thức và bất cập của truyền thông

Phật giáo là điều cần được thảo luận để đưa ra các giải pháp phù hợp mà vẫn giữ được chất liệu Phật Pháp, giữ được chiều sâu tâm linh. Người làm truyền thông Phật giáo hiệu quả nhất chính là quý Tăng Ni, đặc biệt những Tăng Ni trẻ có sự năng động, sáng tạo. Chính Tăng Ni là nhân tố truyền bá tốt nhất giáo pháp của Như Lai, vì vậy giải pháp đối với truyền thông Phật giáo cũng chính là giải pháp cho quý Tăng Ni về khía cạnh truyền thông, báo chí. Tác giả đề xuất một số giải pháp (có thể không mới nhưng sẽ chi tiết hơn) mà có thể sẽ hữu ích phần nào đó:

(i) Quý Tôn đức Tăng Ni chia sẻ Phật Pháp qua các phương diện như thuyết giảng, tọa đàm, xuất bản sách (tạm gọi chung là hoằng pháp) cần trau dồi năng lực sử dụng các thiết bị ghi hình, thu âm, chụp ảnh, kỹ năng marketing trên mạng xã hội để đưa sản phẩm về Phật Pháp (một cách chọn lọc và phù hợp với tín đồ Phật tử) đến rộng rãi quần chúng, nhất là



Vì vậy, nắm bắt các kỹ năng, phương tiện truyền thông nhưng Tăng Ni vẫn không quên phát huy những tinh hoa giáo pháp của Đức Thế Tôn là quy chuẩn truyền thông đại chúng để vừa đảm bảo chất liệu tuệ giác, vừa lan tỏa thông điệp đến cộng đồng và xã hội.

những người bận rộn, không có nhiều thời gian đến chùa học tập giáo lý của Đức Thế Tôn.

(ii) Người Tăng sĩ cần thể hiện sự trang nghiêm, oai nghi, đạo hạnh của người xuất gia qua cách thể hiện ngôn từ, khung hình, hội thoại..., tránh đưa những thông tin phản cảm, làm ảnh hưởng đến hình ảnh Phật giáo Việt Nam mà chư Tôn giáo phẩm đã gây dựng.

(iii) Việc xác định ưu điểm, khuyết điểm của bản thân để hoằng pháp cho từng nhóm xã hội như thanh niên, sinh viên, công nhân, nông dân, doanh nghiệp, công chức...).

(iv) Các vị Tăng Ni ngoài việc giao tiếp qua mạng xã hội thì nên cân bằng việc tiếp xúc trong đời sống thường nhật; tiếp xúc, trải nghiệm, chia sẻ trực tiếp với hàng Phật tử và cộng đồng xã hội

để thông qua đó tiếp cận, lý giải Phật Pháp không chỉ bằng khẩu giáo mà còn bằng thân giáo.

(v) Nội điển: Chư Tăng Ni khi truyền thông giáo lý Phật-đà đến cộng đồng, xã hội không chỉ đặt nặng ở việc có nhân sự chuyên môn hộ trì mình, mà còn phải học tập Phật Pháp một cách có hệ thống, phương pháp để am tường lời dạy của bậc Giác Ngộ và chư vị tiền bối trong những thời kỳ Phật giáo, tông phái và nền triết luận. Khi đã tìm hiểu Phật Pháp từ căn bản lên nâng cao, người học Phật sẽ đạt được pháp hỷ trong những thời khóa thực tập. Từ đó, mỗi vị Tăng Ni sẽ luôn là suối nguồn tinh thức để truyền thông các thông điệp Phật Pháp cho những cá nhân, nhóm và nhóm xã hội hữu duyên, ở địa phương mà họ đang tu học.

(vi) Ngoại điển: không chỉ dừng lại ở sự học tập Phật Pháp, người

Tăng sĩ cần tích hợp và nắm vững tri thức đa ngành (các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, ngành đặc thù) để tạo mối liên hệ tri thức chuyên ngành, đáp ứng nhu cầu truyền thông Phật Pháp mà chính họ là nhân tố chủ đạo.

(vii) Giải pháp cho khủng hoảng truyền thông: Phật giáo hay bất kỳ tôn giáo nào trên thế giới cũng đều có những cuộc khủng hoảng truyền thông, thể hiện qua các vụ việc gây tai tiếng đến Phật giáo, làm mất tín tâm của người Phật tử, tạo dư luận không tốt. Vì vậy, ngành truyền thông và ngành hoằng pháp cần ngồi lại với nhau bằng các buổi tọa đàm để vạch ra những phương án dập tắt khủng hoảng truyền thông Phật giáo có nguy cơ xảy ra trong tương lai. Qua đó, người làm truyền thông sẽ giữ gìn bộ mặt chung của Phật giáo Việt Nam và kịp thời định hướng đối với những sự việc tiêu cực.



Trong 26 thế kỷ từ khi Đạo Phật xuất hiện tại Ấn Độ, hoàng pháp là hoạt động then chốt của chư Tăng Ni, xuất phát từ lòng bi mẫn [1] [2], có tầm quan trọng hàng đầu từ quá khứ, cho đến hiện tại và tương lai đối với Phật giáo các quốc gia trên thế giới nói chung và Phật giáo Việt Nam nói riêng.

Có thể nói, Truyền thông Phật giáo là một trọng trách của quý Tăng Ni để hoàng pháp độ sinh một cách hữu hiệu trong thời đại hiện nay. Dù cho xã hội có phát triển đến mức nào, sự tu tập, huân tập Pháp Phật vẫn là cốt lõi của bản thân mỗi người xuất sĩ. Vì vậy, nắm bắt các kỹ năng, phương tiện truyền thông nhưng Tăng Ni vẫn không quên phát huy những tinh hoa giáo pháp của Đức Thế Tôn làm quy chuẩn truyền thông đại chúng để vừa đảm bảo chất liệu tuệ giác, vừa lan tỏa thông điệp thiện lành đến cộng đồng và xã hội.

Chú thích:

* Thích Ngộ Trí Viên: Học viên Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM.

[1] Thích Minh Châu (dịch). (1992). “Kinh Đại Không”. *Trung Bộ kinh*, tập 3, kinh 122. TP. Hồ Chí Minh: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

[2] Thích Minh Châu (2001). *Chánh pháp và hạnh phúc*. Hà Nội: NXB Tôn Giáo.

[3] Mahāvagga – Đại Phẩm, Luật tạng, chương Trọng yếu, tụng phẩm thứ 2, đoạn

32. Xem bản dịch của Indacanda Nguyệt Thiên, <http://www.budsas.org/uni/u-luat-daipham/dp-00.htm>.

[4] Thích Tấn Đạt (2019). “Công tác hoàng pháp trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0”. *Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững*. Hội thảo quốc gia Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc lần thứ 16. Hà Nội: NXB Hồng Đức, tr.117.

[5] Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nguyễn Thúy Hà (2014). Truyền thông đại chúng về tôn giáo trong bối cảnh đa dạng tôn giáo tại Việt Nam hiện nay (Nghiên cứu trường hợp Phật giáo và Công giáo). *Xã hội học*, số 1 (125). Hà Nội: Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, tr.65.

[6] Tạ Ngọc Tấn (2001). *Truyền thông đại chúng*: NXB Chính trị Quốc gia, tr.7-8.

[7] Công thông tin điện tử Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ngày 06 tháng 06 năm 2021. *GHGPVN ủng hộ 3,5 tỷ đồng tại lễ ra mắt Quy Vắc-xin phòng chống Covid-19*. [<https://phatgiaovietnam.vn/ghgpvn-ung-ho-35-ty-dong-tai-le-ra-mat-quy-vac-xin-phong-chong-covid-19-d47530.html>]. Truy cập ngày 06/06/2021.

[8] Nguyễn Quang Khải (2016). Đỗ Pháp Thuận – một tăng sĩ tiêu biểu thời Lê. *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, 06 (2016).

[9] Nguyễn Đại Đồng (2010), trong *Phật giáo đời Lý* có đề cập về Thiền sư Vạn Hạnh đã nhiều lần được Lý Thái Tổ vời về kinh thành vấn yếu chỉ Thiền tông, bàn việc chính sự triều đình.

[10] Trần Trọng Dương. *Khuông Việt thiền sư hay phúc thể dung hội Nho-Phật*. Khoa Văn học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.

[11] Hoàng Văn Lâu (1996). Đi tìm địa chỉ Ngô Chân Lưu. *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (26), 1996: Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam – Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

[12] Trần Hồng Liên (2007). *100 câu hỏi đáp về Gia Định – Sài Gòn TP. Hồ Chí Minh*. NXB Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.195-197.

[13] Buddhaghosa. Trường lão Pháp Minh (dịch). *Sớ giải Kinh Pháp Cú*. NXB Tổng Hợp TP.HCM.

[14] Thích Minh Châu (dịch). (1991). “Kinh Chuyển luân thánh vương Sư tử hống”. *Trường Bộ kinh*, tập 2. TP.HCM: Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

[15] Tuệ Sỹ (dịch). “Kinh chuyển luân vương tu hành”. *Kinh Trường A-hàm*, tập 1. Tái bản 2021. Hà Nội: Nxb Hồng Đức.

[16] Thích Gia Quang (2006). Vai trò của báo chí trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, 5. TP.HCM-VNCPHVN, tr.25-29.21.

Với mong muốn công tác hoằng pháp có thể để bắt kịp những xu thế truyền thông trong thời đại hiện nay, bài viết đưa ra một số suy nghĩ, góp ý hoạt động của ngành hoằng pháp để nhanh chóng thích nghi với những thay đổi của thế giới mang lại.



Mấy gợi ý về công cuộc Hoằng pháp giữa thời đại mới

Lam Phương

Thứ nhất, việc thuyết giảng Phật pháp cần tăng cường kỹ năng tin học, vận dụng internet và các phương tiện công nghệ trong thời buổi online hiện nay, nhất là trong điều kiện do tình hình dịch bệnh. Hoằng pháp ngày nay không chỉ thuyết giảng trên pháp tòa mà còn thông qua các trang mạng xã hội Facebook, Zalo, Youtube,... để đưa bài pháp đến rộng rãi quần chúng, nhất là những người thường xuyên bận rộn công việc, không có thời gian đi đến Phật đường, giúp tất cả đều có điều kiện học hỏi giáo pháp của Đức Thế Tôn. Nhờ thành tựu của cuộc cách mạng 4.0 mà giáo pháp vi diệu của Đức Phật đến với đại đa số quần chúng nhân dân sâu rộng hơn trước kia rất nhiều, trong đó ảnh hưởng, lan tỏa đến những người dân ở vùng nông thôn xa xôi, vùng núi cao biên giới hiểm trở. Cho nên, chúng ta cần phát huy, nhân rộng các mô hình này hơn



Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là một xu thế, một tiến bộ lớn của loài người mà không ai có thể đảo ngược. Chúng ta, hàng Tăng Ni với trọng trách cầm ngọn đuốc chánh pháp, với trí tuệ của người con Phật cùng tinh thần khế lý, khế cơ, khế xứ, khế thời rất cần học hỏi, nắm bắt và tận dụng thành tựu của cuộc cách mạng này để áp dụng vào lĩnh vực hoàng pháp độ sinh.

nữa.

Thứ hai, hình ảnh Tăng Ni xuất hiện ngày một nhiều hơn trên các phương tiện truyền thông. Xã hội ngày càng hiểu rõ về vị trí, vai trò của người tu sĩ với sứ mạng tu tập giải thoát và nhập thế hành đạo. Cho nên, trong hoạt động tương tác với truyền thông, các vị Tăng, Ni cần phải thể hiện sự trang nghiêm, oai nghi tể hạnh của người xuất gia, tránh đưa những hình ảnh vô tình làm phản cảm hoặc bị những người chưa hiểu biết Phật pháp phát tán, gây ảnh hưởng đến Tăng đoàn nói riêng và Giáo hội nói chung. Điều này trong thực tế đã diễn ra.



Hình ảnh Tăng Ni xuất hiện ngày một nhiều hơn trên các phương tiện truyền thông. Xã hội ngày càng hiểu rõ về vị trí, vai trò của người tu sĩ với sứ mạng tu tập giải thoát và nhập thế hành đạo.

Thứ ba, truyền thông ngày nay là một thế giới đa chiều, đa thông tin. Vì thế, Tăng, Ni hoàng pháp cần chọn lựa những thế mạnh của mình để thích hợp với đặc điểm những nhóm xã hội khác nhau (thanh niên, sinh viên, công nhân, nông dân, doanh nghiệp, doanh nhân, các tập đoàn, công chức văn phòng). Ngoài ra, việc thuyết pháp qua truyền thông hiện nay cần hết sức ngắn gọn, mạch lạc, logic và truyền cảm cho quần chúng vì nhiều người không có thời gian. Do vậy, Tăng Ni tham gia thuyết giảng cần biết cách sắp xếp tư duy hợp lý để bài pháp dễ đi sâu vào lòng người, truyền cảm hứng cho họ tu học gắn với

Thứ tư, ngành hồng pháp cần tổ chức các buổi tọa đàm để vạch ra những kế hoạch hỗ trợ về vật chất, tinh thần cho những nhóm xã hội, nghề nghiệp dễ rơi vào tình trạng thất nghiệp trong tương lai do hệ lụy cuộc cách mạng 4.0 đem lại. Hay nói cách khác, họ là những nhóm dễ bị tổn thương, rất cần chúng ta giúp đỡ bằng tấm lòng từ bi. Theo chúng tôi, Phật giáo cần có biện pháp hỗ trợ họ bằng nhiều cách như: Chuyển đổi sinh kế, giáo dục kỹ năng, tư vấn, hỗ trợ về tâm lý, nhận thức, định hướng sao cho ổn định, thăng bằng cuộc sống trong cách sống mới. Qua đó, chúng ta sẽ hướng họ về với giáo pháp, về với Phật pháp một cách

cách mạng 4.0 tại Việt Nam, Phật giáo sẽ giữ một vai trò, vị trí quan trọng đối với người dân, cũng như đã từng gắn bó, đồng hành cùng dân tộc qua hơn 2.000 năm dựng nước và giữ nước.

Thứ năm, cuộc cách mạng 4.0 này sẽ làm cho con người giao tiếp, tương tác với nhau nhiều hơn. Nhưng giao tiếp chủ yếu là qua các thiết bị điện tử, mạng truyền thông mà ít có cơ hội tiếp xúc trực tiếp lẫn nhau. Như vậy, tôi muốn nhấn mạnh rằng, điều này phải chăng sẽ làm giảm đi tính nhân văn trong xã hội? Liệu rằng văn hóa giao tiếp giữa người với người để học hỏi về đạo đức, nhân cách, lối sống lẫn nhau sẽ phai mờ trước những hiện tượng do truyền thông dẫn dắt. Tôi suy nghĩ rất nhiều về điều này. Hoàng pháp qua các phương tiện truyền thông là qui luật, là mục tiêu hàng đầu. Nhưng các vị giảng sư cũng cần tiếp xúc, trải nghiệm, chia sẻ trực tiếp với hàng Phật tử và cộng đồng xã hội để thông qua đó họ tiếp cận, lý giải Phật pháp không chỉ bằng ý giáo, khẩu giáo mà còn cả thân giáo.

Thứ sáu, theo chúng tôi, các vị giảng sư trong Ban Hoằng pháp Trung ương nên xây dựng hình ảnh cá nhân hoặc của chùa, đặc biệt trên Facebook/Zalo để đăng tải các hoạt động của chùa, các bài thuyết giảng nhanh chóng đến với Phật tử. Để kết nối với đạo tràng tu tập của chùa, cũng như nắm bắt kịp thời tâm tư và mong muốn của Phật tử, chúng ta cần tạo nhóm để hiểu và đồng thời hướng dẫn họ tu tập một cách lành mạnh, dễ dàng và nhanh chóng hơn.



Thứ bảy, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Nguyễn Mạnh Hùng nhấn mạnh rằng: Trong thời đại 4.0, người học cần tích hợp kiến thức đa ngành. Cơ hội nằm ở liên kết các ngành, các tri thức khác nhau. Vì vậy,

Trong hoạt động tương tác với truyền thông, các vị Tăng, Ni cần phải thể hiện sự trang nghiêm, oai nghi tế hạnh của người xuất gia, tránh đưa những hình ảnh vô tình làm phản cảm hoặc bị những người chưa hiểu biết Phật pháp phát tán, gây ảnh hưởng đến Tăng đoàn nói riêng và Giáo hội nói chung.

theo các vị Tăng, Ni hoằng pháp thời nay cần học tập nhiều hơn nữa, hiểu biết nhiều hơn nữa, tích hợp và nắm vững tri thức đa ngành, từ Phật học cho đến các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên cũng như các kiến thức khác để có thể đáp ứng nhu cầu truyền bá Chánh pháp trong thời đại mới.

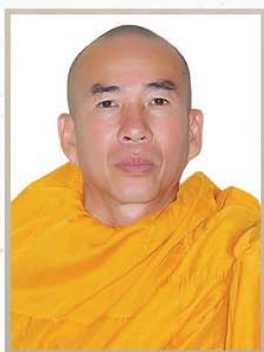
Có thể nói, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 là một xu thế, một tiến bộ lớn của loài người mà không ai có thể đảo ngược. Chúng ta, hàng Tăng Ni với trọng trách cầm ngọn đuốc chánh pháp, với trí tuệ của người con Phật cùng tinh thần khế lý, khế cơ, khế xứ, khế thời rất cần học hỏi, nắm bắt và vận dụng thành tựu của cuộc cách mạng này để áp dụng vào lĩnh vực hoằng pháp độ sinh. Làm được như thế, chúng ta sẽ hoằng truyền giáo lý vi diệu của Đức Phật một cách hữu hiệu trong thời đại văn minh với những thành tựu tiên tiến của khoa học kỹ thuật.

Tài liệu tham khảo:

1. Bhikkhu Bodhi (2016), Lời Phật dạy về sự hòa hợp trong cộng đồng và xã hội, Nxb Hồng Đức.
2. Phan Xuân Dũng (2018), Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cuộc cách mạng của sự hội tụ và tiết kiệm, Nxb Khoa học kỹ thuật.
3. Thích Nhất Hạnh (2008), Đạo Phật hiện đại hóa, Nxb Văn hóa thông tin.
4. Thích Nhật Từ (soạn dịch) (2017), Kinh Phật về đạo đức xã hội, Nxb Hồng Đức.

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thấp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hằng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn

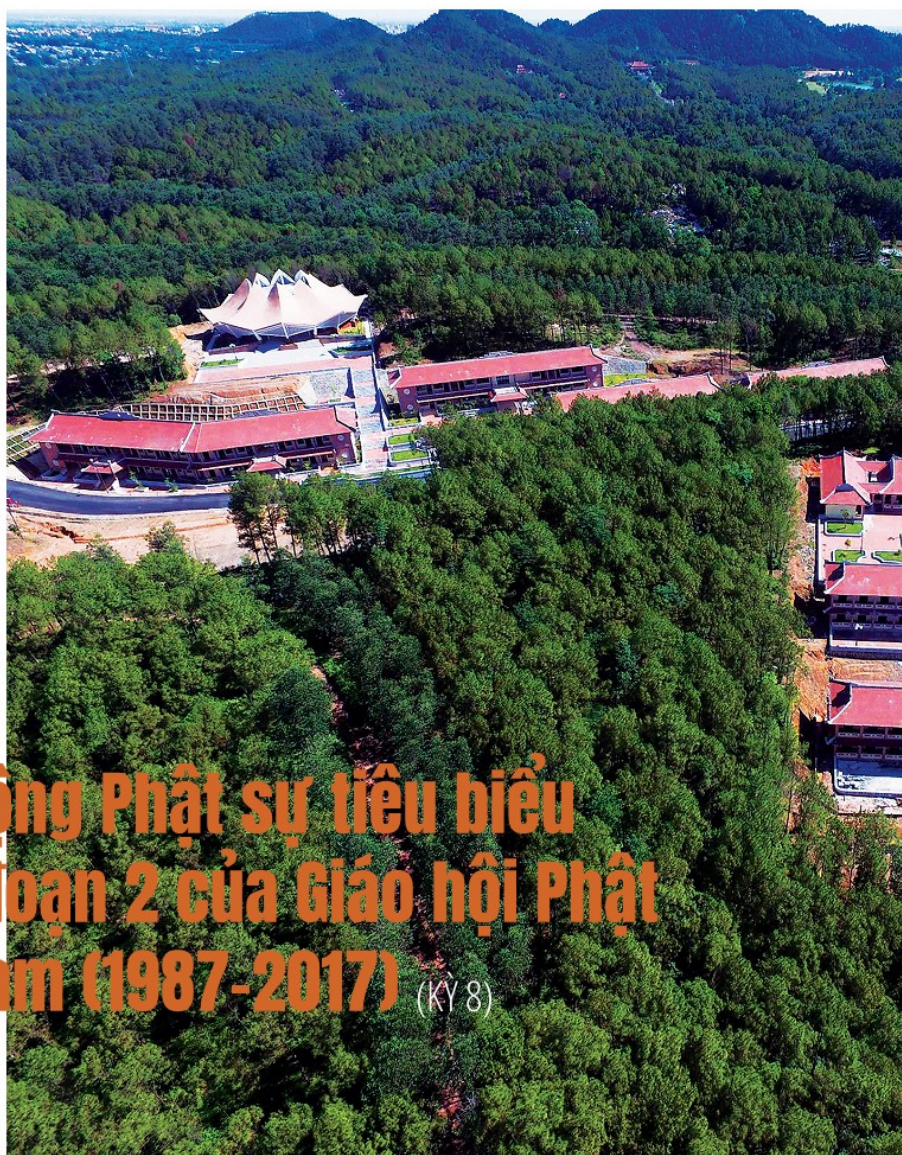




Hướng đến kỷ niệm

40 NĂM

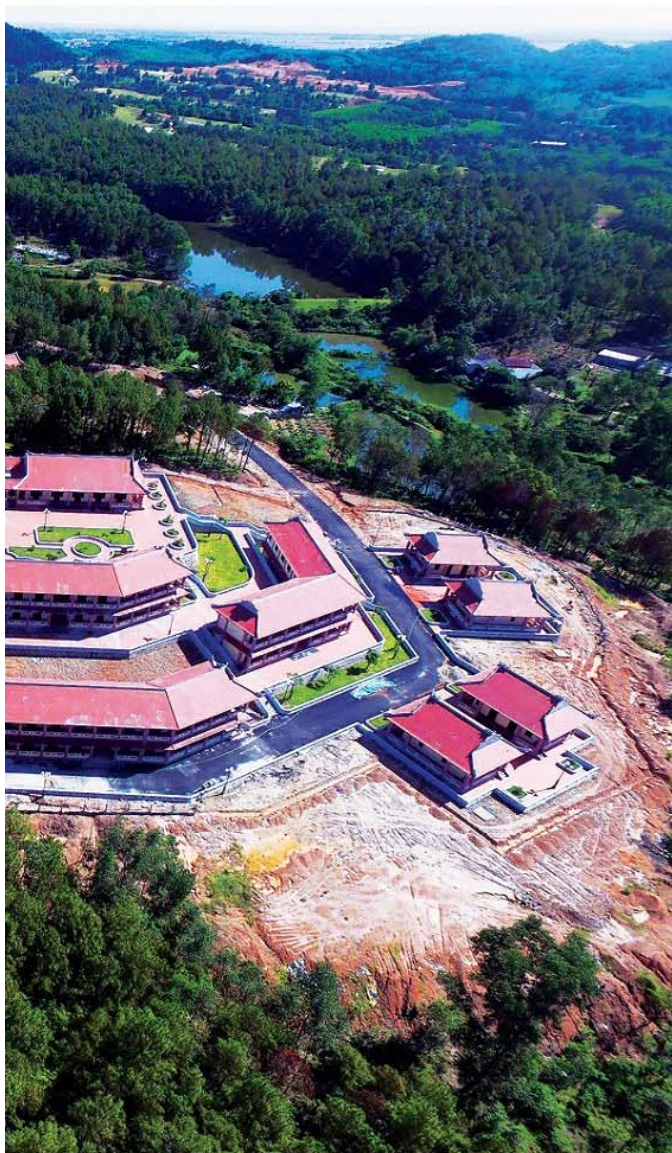
THÀNH LẬP GHPGVN



Các hoạt động Phật sự tiêu biểu trong Giai đoạn 2 của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1987-2017) (KỶ 8)

HT. Thích Huệ Thông*

Nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng trích đăng các bài viết thuộc tác phẩm Giáo hội Phật giáo Việt Nam: 40 năm hình thành và phát triển của Hòa Thượng Thích Huệ Thông. Các bài viết được sắp xếp và biên tập để cung cấp cho độc giả gần xa biết về những khó khăn, thách thức và nỗ lực không ngừng nghỉ của bao thế hệ chư Tôn đức Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam trong suốt nhiều năm, nhằm xây dựng, bảo vệ và phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam.



Học viện Phật giáo Việt Nam
tại Thừa Thiên Huế.
(Ảnh: tư liệu)

tên Trường Cao cấp Phật học thành Học viện Phật giáo Việt Nam; đến năm 2006, Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer tiếp tục được thành lập. Như vậy, Giáo hội có 4 Học viện Phật giáo phân bố theo khu vực là Hà Nội, Huế, TP.HCM và Cần Thơ. Riêng Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer là trường đào tạo chuyên biệt cho hệ phái Phật giáo Nam Tông Khmer, 3 Học viện còn lại đào tạo Tăng, Ni sinh của Phật giáo Bắc tông.

Để phát triển, nâng cao hệ thống giáo dục đào tạo của Giáo hội, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đã đề nghị và được Thủ tướng Chính phủ cho phép Trung ương Giáo hội mở thí điểm đào tạo Thạc sĩ (MA) chuyên ngành Phật học tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM vào năm 2012, sau đó Chính phủ chấp nhận chủ trương cho Giáo hội chính thức đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ Phật học tại 4 Học viện Phật giáo Việt Nam. Tính đến giai đoạn này, cả nước đã đào tạo 6.881 Tăng, Ni có trình độ Cử nhân Phật học và đang đào tạo 1.818 Tăng, Ni; có 60 Tăng, Ni hoàn tất chương trình Cao học Phật học và gần 100 Tăng, Ni tốt nghiệp Tiến sĩ tại các Trường Đại học các nước; có 8 lớp Cao đẳng Phật học đã đào tạo 2.125 Tăng, Ni và đang đào tạo 1.111 Tăng, Ni; có 31 Trường Trung cấp Phật học đã đào tạo 9.484 Tăng, Ni tốt nghiệp và đang đào tạo 4.811 Tăng, Ni.

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Về hoạt động giáo dục, cả nước có 4 Học viện Phật giáo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Trường Cao cấp Phật học). Ngoài Trường Cao cấp Phật học ra đời tại Hà Nội (1982) và tại TP. HCM (hình thành 1983, khai giảng 1984), đến năm 1997, Trường Cao cấp Phật học tại Huế được thành lập và tuyển sinh khóa đầu, cũng trong năm 1997 được sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ, Ban Tôn giáo Chính phủ đồng ý để Giáo hội Phật giáo Việt Nam đổi

Trong giai đoạn hai, Giáo hội đã cho phép và giới thiệu 300 Tăng, Ni du học tại Ấn Độ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Myanmar, Thái Lan, Sri Lanka, Úc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Đài Loan... và đã có 200 Tăng, Ni tốt nghiệp Tiến sĩ, Thạc sĩ chuyên ngành Phật học và các ngành khác đã về nước công tác tại các cấp Giáo hội, Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành, tham gia giảng dạy tại các Học viện Phật giáo Việt Nam, các lớp Cao đẳng, Trung và Sơ cấp Phật học...



Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM. (Ảnh: tư liệu)

Một trong những điểm nổi bật trong công tác giáo dục của Giáo hội trong giai đoạn thứ hai, đó là Giáo hội đã hình thành bộ giáo trình, giáo án một cách khoa học, tương đương với hệ thống giáo dục xã hội, trong đó ngành giáo dục Phật giáo Việt Nam đã thực hiện chương trình cải cách giáo dục hệ Trung cấp Phật học 3 năm, biên soạn hoàn chỉnh bộ sách Giáo khoa Trung cấp Phật học và đã phân phối đến các Trường Trung cấp Phật học một số đầu sách như Phật học cơ bản, Anh văn Phật pháp, Di giáo, Luật Sa Di, Oai nghi, Đại Bát Nhân Giác, Tứ Thập Nhị Chương, Lịch sử Phật giáo Ấn Độ, Văn điển Phật giáo...

CÔNG TÁC HOẰNG PHÁP

Về công tác hoằng pháp, nét nổi bật trong giai đoạn này, đó là Ban Hoằng pháp Trung ương đã tổ chức thành công các lớp đào tạo Cao - Trung cấp Giảng sư, đào tạo được 890 Tăng, Ni có trình độ Cao cấp và Trung cấp Giảng sư. Từ đó các hoạt động của đoàn Giảng sư Trung ương và các tỉnh, thành mang lại nhiều hiệu quả trong công tác Phật sự. Bên cạnh đó, Ban Hoằng pháp Trung ương đã phối hợp với Ban Trị sự, Ban Hoằng pháp các tỉnh, thành tổ chức thành công nhiều khóa bồi dưỡng, hội thảo và tập huấn Hoằng pháp viên tại một số địa điểm như:

Chùa Hội An trung tâm thành phố mới Bình Dương vào 2014 có trên 3.000 Phật tử tham dự; tại Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào năm 2014 có 300 Tăng, Ni và 3.000 Phật tử tham dự; tại khu du lịch Hồ Núi Cốc tỉnh Thái Nguyên vào năm 2014 có 300 Tăng, Ni và 5.000 Phật tử tham dự (cũng tại địa phương này vào năm 2017 có gần 1.000 Phật tử tham dự).

Cũng trong giai đoạn này, Ban Hoằng pháp Trung ương đã tổ chức 4 khóa bồi dưỡng, hội thảo và tập huấn Hoằng pháp viên tại chùa Bằng (TP.Hà Nội) cho Tăng, Ni và Giảng sư các Tỉnh, Thành hội Phật giáo phía Bắc; tại Trụ sở văn phòng Ban Trị sự Thành hội Phật giáo Đà Nẵng cho 430 Tăng, Ni thuộc Ban Hoằng pháp Trung ương, Ban Hoằng pháp các tỉnh, thành và hơn 620 cư sĩ Phật tử tại TP.Đà Nẵng và TP.Hà Nội tham gia tập huấn Hoằng pháp viên; tại Cung Văn hóa Hữu nghị Việt - Tiệp (TP.Hải Phòng) cho 400 Tăng, Ni các tỉnh, thành phía Bắc và đại diện 8 tỉnh, thành phía Nam tham dự, có hơn 1.000 Phật tử cùng tham gia khóa tập huấn Hoằng pháp viên; tại Nhà Thi đấu tỉnh Vĩnh Phúc cho các Giảng sư Ban Hoằng pháp, Tăng, Ni và Phật tử của 22 Ban Hoằng pháp các Tỉnh, Thành hội Phật giáo phía Bắc, với chủ đề “Phật giáo với tuổi trẻ, tuổi trẻ với



Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội. (Ảnh: tư liệu)

Phật giáo” và nhiều chương trình hoằng pháp được tổ chức tại các tỉnh, thành.

Đặc biệt, các Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc đã được Ban Hoằng pháp Trung ương phối hợp với Ban Trị sự Phật giáo một số địa phương lần lượt tổ chức thành công, như Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc năm 2010 tại Công viên Văn hóa An Hòa và chùa Phật Quang (tỉnh Kiên Giang) với chủ đề “Hoằng pháp với truyền thống hộ quốc an dân” có trên 1.000 vị Giảng sư và gần 20.000 Tăng Ni, Phật tử trong và ngoài tỉnh Kiên Giang tham dự; Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc năm 2011 tại sân vận động tỉnh Bình Dương và 7 địa điểm Hội thảo nhóm trong tỉnh Bình Dương: Nhà hát Thành Lễ, chùa Hội Khánh, chùa Tây Tạng, chùa Phước An, chùa Bửu Nghiêm, chùa Phật Học, chùa Phổ Thiện Hòa với chủ đề “Phật giáo với dân tộc” có trên 1.500 vị Tăng, Ni là giảng sư và gần 40.000 Tăng, Ni, Phật tử trong và ngoài tỉnh Bình Dương tham dự; Hội thảo Hoằng pháp toàn quốc năm 2015 tổ chức tại chùa Vạn Phật Quang (Đại Tòng Lâm - Bà Rịa Vũng Tàu) với chủ đề “Sứ mệnh hoằng pháp - Hội nhập và phát triển” có hơn 1.200 đại biểu Tăng, Ni thuộc Ban Hoằng pháp các Tỉnh, Thành hội Phật

giáo trong cả nước, cùng với trên 1.000 Hoằng pháp viên và Phật tử về tham dự...

Việc hình thành các khóa tu chính là một trong những mục tiêu quan trọng của ngành hoằng pháp, do đó trên cả nước đã hình thành 3.617 đạo tràng với sự tham gia thường xuyên của 592.983 Phật tử sinh hoạt, tu học. Trong đó có 1.242 Đạo tràng Bát Quan Trai với khoảng 81.265 Phật tử tham dự, 35 Đạo tràng tu Thiền có 7.750 Phật tử tham dự, 698 Đạo tràng Niệm Phật và Phật thất có 131.165 Phật tử tham dự; 80 Đạo tràng Pháp Hoa có 13.280 Phật tử tham dự; 40 Đạo tràng Dược Sư có 6.080 Phật tử tham dự; 81 Đạo tràng Đại Bi có 4.602 Phật tử tham dự; 232 Khóa tu Một ngày An lạc có 41.000 Phật tử tham dự; các Hội Quy Y [1] và các mô hình tu tập khác như Mật Tông, Địa Tạng, Lương Hoàng Sám có 103 đơn vị với khoảng 9.370 Phật tử tham dự. Bên cạnh đó, cả nước có 169 lớp giáo lý với sự tham gia của 17.250 Phật tử theo học; về sinh hoạt giảng đường có 53 đơn vị với khoảng 7.950 Phật tử tham dự. Có thể nói rằng, đây là những con số biết nói, đã cho thấy sự phát triển mạnh mẽ trong sinh hoạt tu học của tín đồ Phật giáo trong giai đoạn Phật giáo nước nhà thật sự ổn định và đang từng bước phát triển bền vững.



Nổi bật là sự kiện đón tiếp phái đoàn lãnh đạo cao cấp Hoa Kỳ do Tổng thống Obama dẫn đầu cùng các thành viên trong phái đoàn đến tham quan và lễ Phật tại chùa Ngọc Hoàng (quận 1, TP.HCM) vào tháng 5 năm 2016. (Ảnh: thanhnien.vn)



Hòa thượng Chủ tịch GHPGVN thăm Học viện Nam Tông Khmer

CÔNG TÁC PHIÊN DỊCH, VĂN HÓA VÀ TỪ THIỆN XÃ HỘI

Về công tác phiên dịch, trước tác và tổ chức hội thảo khoa học quốc tế của Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã biên dịch, ấn hành Đại Tạng Kinh gồm 37 tập, cùng hàng trăm đầu sách khác thuộc 10 trung tâm nghiên cứu chuyên môn của Viện. Đồng thời Viện cũng đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo quốc tế và trong nước, giao lưu tiếp cận với các tổ chức quốc tế mang lại những kết quả nhất định về văn hóa, ngoại giao và thu thập kinh nghiệm cũng như mặt tri thức. Vào tháng 9 năm 2020, Ban Thường trực HĐTS đã thống nhất với Viện Nghiên cứu Phật học về việc biên soạn ấn hành bộ Tam Tạng Thánh điển Phật giáo Việt Nam, nhằm đúc kết nền minh triết Phật giáo nước nhà trong suốt 2000 năm lịch sử làm Pháp bảo lưu truyền hậu thế.

Ngành Văn hóa đến giai đoạn này đã thành lập được các Nhà Văn hóa Phật giáo; Viện Bảo tàng Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội; Trung tâm Văn hóa Liễu Quán tại Huế; Nhà Truyền thống Văn hóa Phật giáo TP.HCM; Bảo tàng Văn hóa Phật giáo chùa Quán

Thế Âm - TP. Đà Nẵng; Bảo tàng Văn hóa Phật giáo Nam Tông Khmer - Trà Vinh và 756 cơ sở là Di sản Văn hóa cấp Quốc gia và nhiều cơ sở tự viện được công nhận di tích cấp tỉnh; cùng với sự hình thành và phát triển các Nội san, Báo chí, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, Nghiên cứu Phật học, Tạp chí Khuông Việt, Phật giáo Nguyên Thủy; Đặc san Ni giới, Báo Giác Ngộ... tại Ban Trị sự các tỉnh, thành cũng xuất bản nhiều tập san, Tạp chí, bản tin... tất cả hệ thống báo chí Phật giáo đã làm phong phú thêm không gian văn hóa Phật giáo nước nhà. Trong giai đoạn này, công tác từ thiện xã hội đã để lại những con số ấn tượng trên 2000 tỷ đồng/năm, điều này nói lên tấm lòng của Tăng, Ni, tín đồ Phật tử trước nỗi đau nhân thế, góp phần tích cực vào đời sống an sinh xã hội.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN HƯỚNG DẪN PHẬT TỬ

Về những hoạt động của Ban Hướng dẫn Phật tử, khởi đầu đã có 650 đơn vị Gia đình Phật tử đăng ký với Tỉnh, Thành hội Phật giáo, với gần 44.407 đoàn sinh và 5.409 huynh trưởng sinh hoạt trong Giáo hội. Tiếp theo, một số chương trình sinh hoạt Gia đình Phật tử cũng đã được Giáo hội triển khai,



Ban tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc 2014 (ICDV) diễn ra tại chùa Bái Đính (Ninh Bình) đón nhận 6 kỷ lục do Trung tâm xác lập kỷ lục Việt Nam công nhận. (Ảnh: Hieu Nguyen)

chẳng hạn như việc Giáo hội ra quyết định tạm thời và sau đó chính thức công nhận sinh hoạt Gia đình Phật tử, từ đó mở các khóa huấn luyện Huynh trưởng, Đoàn trưởng, bên cạnh đó là tổ chức các trại sinh hoạt truyền thống, trại sinh hoạt hè tại các Tỉnh, Thành hội Phật giáo miền Trung và phía Nam, thu hút hàng chục ngàn đoàn sinh tham dự. Được sự quan tâm của Giáo hội, sinh hoạt Gia đình Phật tử từng bước đi vào nề nếp, ngày càng phát triển mạnh mẽ, mở rộng sinh hoạt của Gia đình Phật tử đến các địa phương vùng sâu vùng xa.

Điều đáng hân hoan đó là tổ chức Gia đình Phật tử (một thành phần trực thuộc của Ban Hướng dẫn Phật tử) từng được xem là một bộ phận quan trọng của Phật giáo trước năm 1975, cho đến giai đoạn này đã thật sự hòa nhập và trở thành một thành phần quan trọng trong cơ cấu tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Cho đến thời điểm này, trên cả nước hiện có 35 tỉnh, thành phố đã có Gia đình Phật tử sinh hoạt theo Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Song chỉ mới có 26 tỉnh, thành đã thành lập được Phân ban Ban hướng dẫn Gia đình Phật tử, còn 09 tỉnh, thành phố vẫn chưa có Phân ban Gia đình

Phật tử như Đồng Tháp, Vĩnh Long, Hậu Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh và Hải Dương.

Trong giai đoạn này, Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương tổ chức Hội thảo, Hội nghị và nhiều sinh hoạt cho Phân ban Cư sĩ Phật tử... cùng với Phân ban Gia đình Phật tử Trung ương tổ chức Lễ kỷ niệm 60 năm danh xưng Gia đình Phật tử Việt Nam tại chùa Trúc Lâm - TP. Huế vào ngày 31 tháng 7 năm 2011 với sự tham dự của hơn 6.000 huynh trưởng, đoàn sinh, trong đó có nhiều bậc huynh trưởng kỳ cựu từng sinh hoạt trong Gia đình Phật tử thuộc tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất trước năm 1975, điều này cho thấy đã có một sự đoàn kết, hòa hợp thật sự của những người con Phật trên đất nước Việt Nam thân yêu, cũng cho thấy chủ trương, chính sách đúng đắn của Nhà nước trong mọi hoạt động tự do tín ngưỡng nói chung và đối với Phật giáo nói riêng. Cũng trong khuôn khổ Lễ kỷ niệm 60 năm danh xưng Gia đình Phật tử Việt Nam, Hội nghị Huynh trưởng Gia đình Phật tử Việt Nam lần thứ 11 đã diễn ra từ ngày 1 đến ngày 4/8/2011 tại chùa Từ Đàm (Huế) có gần 500 đại biểu Huynh trưởng Gia đình Phật tử của

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam đã phiên dịch, ấn hành Đại Tạng Kinh gồm 37 tập, cùng hàng trăm đầu sách khác thuộc 10 trung tâm nghiên cứu chuyên môn của Viện.



cả ba thế hệ cùng về tham dự, có thể nói đây là Hội nghị mang tính kế thừa lịch sử, đồng thời mở ra một thời kỳ mới của Gia đình Phật tử Việt Nam, đó là thời kỳ Kế thừa - Khế hợp - Hội nhập - Năng động - Đổi mới và Phát triển Gia đình Phật tử Việt Nam. Ngoài ra, Ban Hướng dẫn Phật tử tại một số địa phương như Quảng Trị, Đà Nẵng, Đắk Nông, Bình Phước, Lâm Đồng, Quảng Nam cũng đã tổ chức Lễ kỷ niệm 60 năm danh xưng Gia đình Phật tử Việt Nam có hàng trăm huynh trưởng, đoàn sinh tham dự trên tinh thần đoàn kết, hòa hợp, tinh thức và chánh niệm hướng về suối nguồn tuệ giác.

CÔNG TÁC QUAN HỆ QUỐC TẾ

Về công tác quan hệ quốc tế, đến giai đoạn hai, Giáo hội đã tích cực thể hiện tư cách là thành viên sáng lập và thành viên của các tổ chức Phật giáo quốc tế, như Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới tại Thủ đô Colombo, Sri Lanka; Hội Phật giáo Châu Á vì hòa bình (ABCP); thành viên sáng lập Hội Phật giáo Thế giới Truyền bá Chánh pháp; thành viên Hội Đệ tử Như Lai tối thượng (Sri Lanka); thành viên Ủy ban Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc (IOC - Thái Lan); thành viên Ủy ban Đại học và Cao đẳng Phật giáo Thế giới tại Thái Lan; thành viên Hội Nữ giới Phật giáo Thế giới (Sakyadhita); thành viên tổ chức Liên minh Phật giáo Toàn cầu tại Ấn Độ... Đặc biệt, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thành lập và lãnh đạo Hội Phật tử Việt Nam tại một số quốc gia như Nhật Bản, Đức, Bỉ, Pháp, Cộng hòa Séc (Czech), Hungary, Ba Lan và Ukraina. Bên cạnh đó, Ban Phật giáo Quốc tế Trung ương đã phối hợp với Trung ương Giáo hội và các Ban, Viện đón tiếp nhiều phái đoàn quốc tế, nhiều phái đoàn Phật giáo tại nhiều quốc gia trên thế giới đến thăm và làm việc tại Việt Nam, trong đó nổi

bật là sự kiện đón tiếp phái đoàn lãnh đạo cao cấp Hoa Kỳ do Tổng thống Obama dẫn đầu cùng các thành viên trong phái đoàn đến tham quan và lễ Phật tại chùa Ngọc Hoàng (quận 1, TP.HCM) vào tháng 5 năm 2016. Đặc biệt, chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội tham gia cùng đoàn Thủ tướng Chính phủ thăm và làm việc tại nhiều quốc gia khác.

Đặc biệt, Phật giáo đã xác lập được nhiều kỷ lục, trong đó Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Bình Dương đón nhận xác lập kỷ lục Tượng Phật nhập Niết bàn bằng đá Sapphire chùa Hội An đạt kỷ lục lớn nhất Việt Nam, do Hội đồng xác lập kỷ lục Việt Nam công nhận; Tượng Phật nhập Niết bàn nằm trên mái chùa dài nhất Châu Á, do tổ chức xác lập kỷ lục Châu Á tại Ấn Độ công nhận; Ban Tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc 2014 (ICDV) diễn ra tại chùa Bái Đính (Ninh Bình) đón nhận 6 kỷ lục do Trung tâm xác lập kỷ lục Việt Nam công nhận: Đại lễ cầu hòa bình cho thế giới - cầu quốc thái dân an lớn nhất, Bức tranh về chủ đề Phật giáo lớn nhất Việt Nam; Hội diễn văn nghệ Phật giáo quy mô lớn nhất; Lô đèn hoa đăng dâng cúng chư Phật nhiều nhất Việt Nam; Liên hoan phim Phật giáo đầu tiên, chiếu và giao lưu phim Phật giáo có quy mô lớn nhất Việt Nam; Câu đối chào mừng các đoàn đại biểu, Phật tử trong nước và quốc tế về dự Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc 2014 lớn nhất Việt Nam. Phật giáo tỉnh Nam Định cũng đã đón nhận 3 kỷ lục do Hội đồng kỷ lục quốc gia trao tặng chùa Phúc Lộc, huyện Nghĩa Hưng có Tháp tôn trí tượng Phật, Bồ tát bằng đồng nhiều nhất Việt Nam; chùa có Bảo Ấn ngọc Phật lớn nhất Việt Nam; và chùa có Tháp tôn trí tượng Phật hóa thân Bồ tát làm bằng đồng

nhiều nhất Việt Nam và nhiều kỷ lục khác trong hệ thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam...

Ban Thông tin Truyền thông chỉ mới được thành lập tại Đại hội Phật giáo toàn quốc vào năm 2012, nhưng bước đầu thể hiện sự tích cực năng động của ngành Thông tin Truyền thông Phật giáo. Hoạt động đáng kể của Ban Thông tin Truyền thông Trung ương trong thời kỳ đầu là tổ chức được 2 khóa Bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tin Truyền thông toàn quốc tại Quảng Ninh và TP.HCM mục đích nhằm nâng cao nghiệp vụ cho các thành viên của Ban và trong ngành. Thành quả ban đầu đáng ghi nhận, đó là tổ chức chương trình nghệ thuật “Đạo hiếu” tại Nhà hát lớn Hà Nội và phát trực tiếp trên sóng truyền hình VTC và An Viên, có thể nói đây là hoạt động nổi bật của Ban Thông tin Truyền thông trong thời kỳ đầu hình thành. Thành công này cũng là tiền đề để Ban Thông tin Truyền thông Phật giáo ngày càng phát triển và khẳng định vị thế của mình trong giai đoạn tiếp theo trên chặng đường 40 năm hình thành, ổn định và phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Nhận xét

Trên tinh thần đoàn kết, hòa hợp, trường dưỡng đạo tâm trang nghiêm Giáo hội, trong giai đoạn thứ hai, các cấp Giáo hội từ Trung ương đến địa phương đã tuân thủ Hiến chương, pháp luật Nhà nước và thực hiện hiệu quả các chủ trương, chương trình hoạt động của Trung ương Giáo hội, nhờ đó đã triển khai và thực hiện có hiệu quả các mặt hoạt động của Giáo hội từ các Ban, Viện Trung ương Giáo hội đến Ban Trị sự các tỉnh, thành hội trong cả nước. Trong đó, đáng nói là Văn phòng Trung ương Giáo hội đã được củng cố và tăng cường nhân sự hợp lý, quan hệ chặt chẽ, thông tin và giải quyết rất kịp thời nhiều Phật sự cấp thiết, như phổ biến các Thông tri, Thông bạch, ý kiến chỉ đạo của Trung ương Giáo hội đến các cấp Giáo hội địa phương; nhất là thực hiện tốt công tác tổ chức các Hội nghị thường niên của Trung ương Giáo hội đúng thời gian hoạch định. Đặc biệt, nhờ sự quan tâm sâu sắc của Nhà nước, Giáo hội có được thuận duyên nhất định để ổn định và phát triển trong bối cảnh hội nhập, dù đây là giai đoạn mà tình hình thế giới có nhiều biến động, cũng như vẫn tồn tại nhiều âm mưu gây chia rẽ, phá hoại sự nghiệp thống nhất và phát triển của Phật giáo, chính nhờ những thuận lợi căn cơ này mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã vượt qua những khó khăn thử thách,

hoàn thành sứ mệnh thiêng liêng của Giáo hội với đạo pháp và dân tộc.

Nhìn lại chặng đường 40 năm hình thành, ổn định và phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nếu nói giai đoạn đầu là giai đoạn hình thành, xây dựng và củng cố cơ sở Giáo hội, cùng với sự ra đời của 28 Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, thành và sự hình thành 6 Ban trong hệ thống tổ chức của Giáo hội, thì giai đoạn thứ hai do Hòa thượng Thích Trí Tịnh làm Chủ tịch Hội đồng Trị sự là giai đoạn Giáo hội kiện toàn, đổi mới cơ chế tổ chức và nội dung hoạt động; tăng cường sự ổn định, từng bước phát triển vững chắc theo định hướng mục tiêu “Kế thừa - Ổn định - Phát triển” với sự hình thành của 13 Ban, Viện Trung ương, cùng với những thành quả Phật sự đã đạt được trên nhiều lĩnh vực. Sự phát triển đó đã được lịch sử chứng minh qua từng bước cải cách guồng máy tổ chức, qua việc tu chỉnh, bổ sung các văn bản trọng yếu trong bản Hiến chương, sự ra đời các văn kiện quan trọng của Giáo hội, nhất là qua sự tăng cường từ 6 Ban, Viện lên đến 13 Ban, Viện Trung ương nhằm phục vụ hiệu quả công tác Phật sự trước yêu cầu thực tiễn, ban hành quy chế các cấp Giáo hội, nội quy các Ban, Viện và cơ chế tổ chức hành chính của Giáo hội.

Nhìn lại quá trình trong suốt 40 năm hình thành, ổn định và phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, từ ngày đầu mới thành lập Giáo hội cho đến giữa nhiệm kỳ VII (2012-2017), trải qua 7 nhiệm kỳ, dù ở trên cương vị nào, Hòa thượng Thích Trí Tịnh cũng tận tâm tận lực cống hiến cho sự nghiệp xua minh Giáo hội, nhất là trên cương vị Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam mà Ngài đảm nhận từ giữa nhiệm kỳ I (1981-1987) cho đến giữa nhiệm kỳ VII (2012-2017), Ngài đã kế thừa và phát huy nền móng vững chắc từ thời kỳ đầu, tạo thế ổn định vững chãi và từng bước phát triển ngôi nhà Giáo hội trong điều kiện Phật giáo Việt Nam đang trên đà hội nhập quốc tế, trong giai đoạn này, Ngài đã trí tuệ, bản lĩnh, lèo lái con thuyền Phật giáo Việt Nam vượt qua bao khó khăn thử thách, hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử giao phó.

Chú thích:

* HT. Thích Huệ Thông - Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[1] Đây là mô hình Hội của những Phật tử đã Quy y Tam bảo tại các tỉnh, thành phía Bắc.

Có một mùa hạ em giấu sau đáy mắt
Chim nhớ rừng chốn cũ buồn tênh
Lục bình tím bông bênh
Chung thủy
Phía mù khơi ai cất tiếng gọi dò

Miền ký ức còn âm ỉ tàn tro
Vị phù sa vẫn hoài mong tìm lại
Khúc đồng dao lẻ loi
Ngọn gió sông xa ngái
Mùa nôi mùa mãi miết
Mưa nắng phía sau lưng...

Ai còn thương nhớ người dung
Thăm thẳm mùa trăng
Biên biệt xứ sở
Thương tiếng dế từng đêm nức nở
Giấc chiêm bao nghiêng theo cánh lục bình

Một chiều gió lặng thinh
Ngồi bên sông nghe tháng ngày cuộn chảy
Ấu thơ vời vợi
Mưa sa nắng cháy
Vẫn vẹn nguyên rơm rạ thật thà

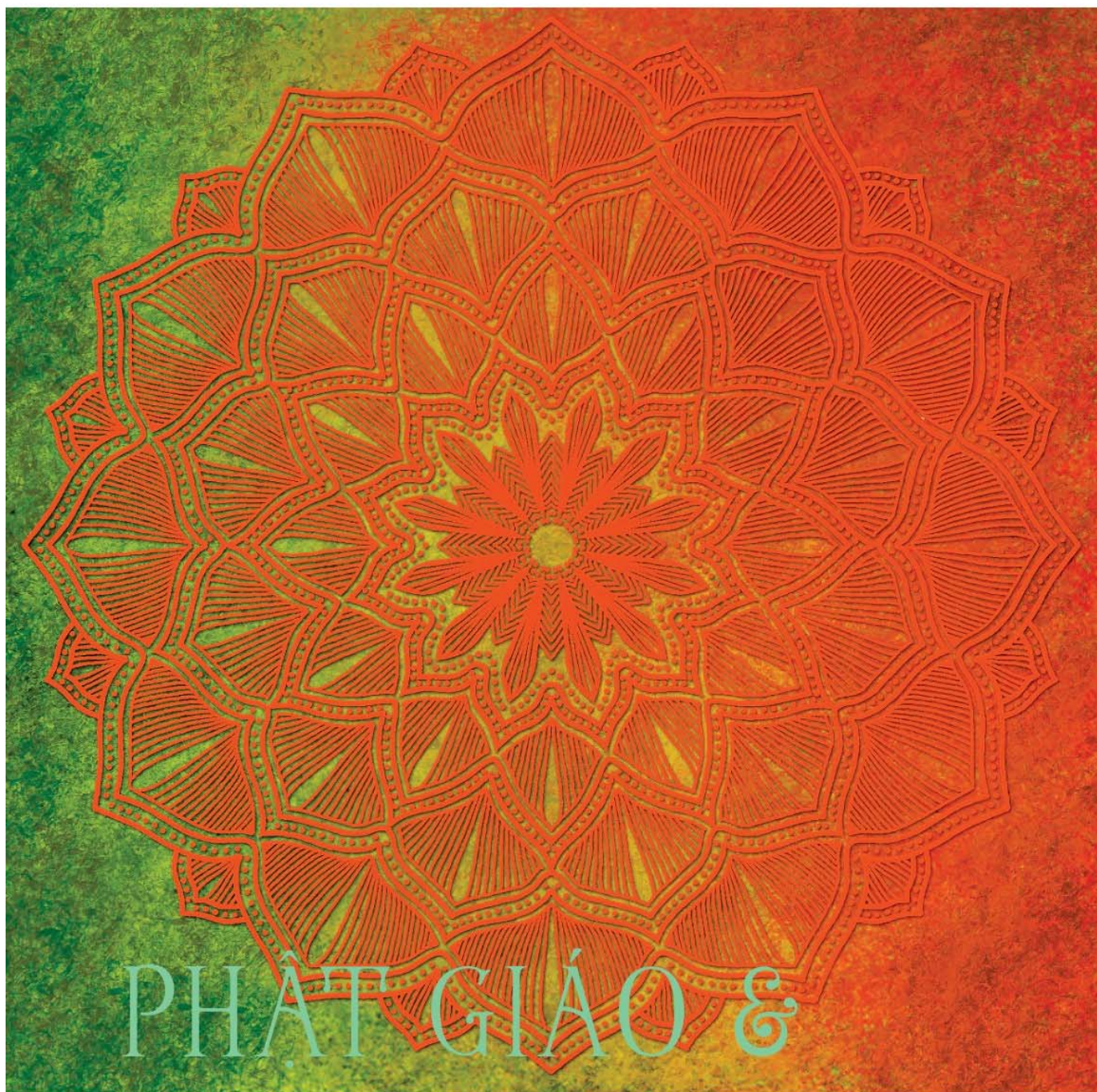
Có một lời hẹn đã xa...

miền



Hạ xưa...

TRẦN THANH THOA



THỜI ĐẠI



Nhận thức chuẩn về TINH THẦN NHẬP của Phật

HT. Thích Thiện Nhơn*

PHẬT GIÁO NHẬP THỂ TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC

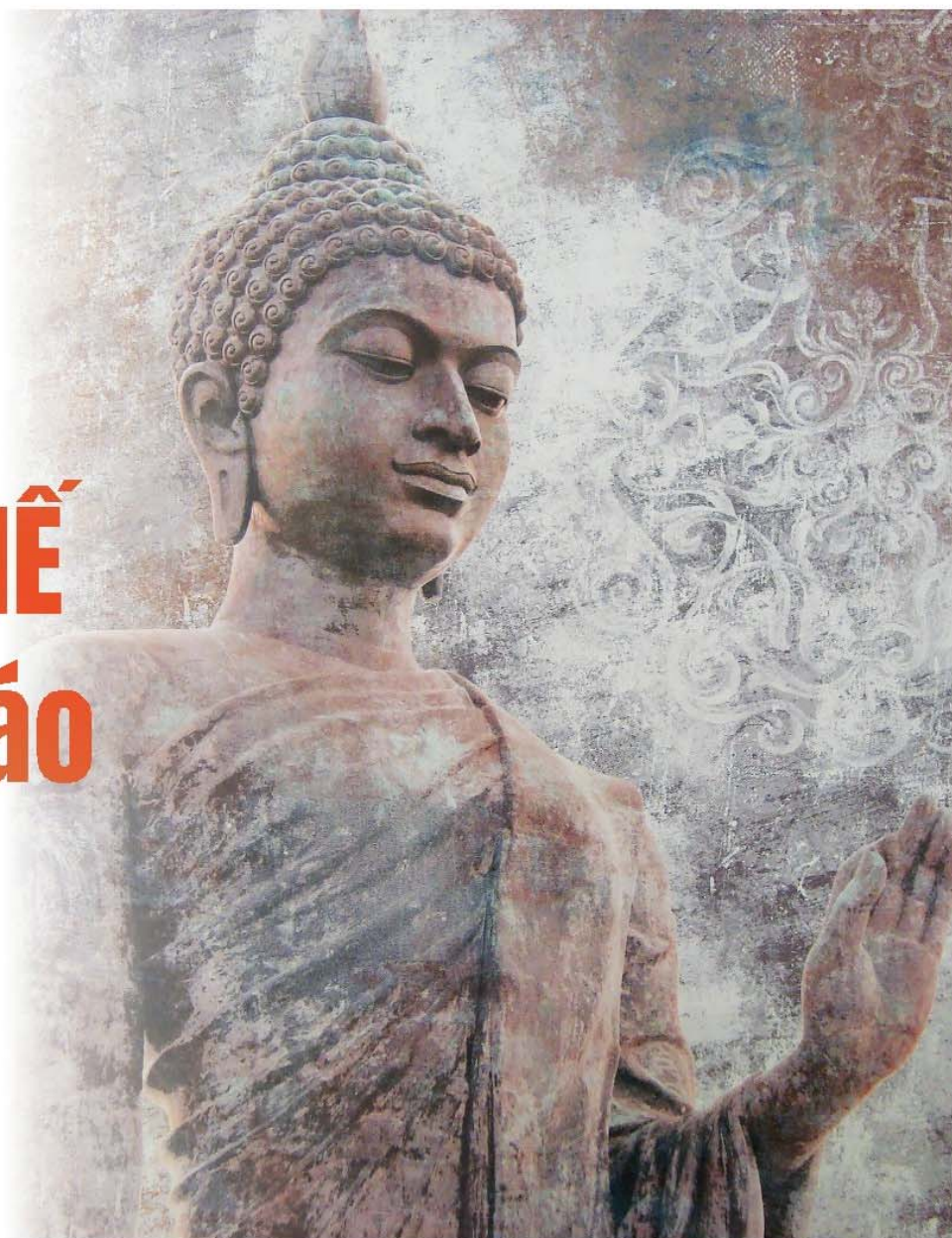
Bản thân Phật giáo vốn mang nét đặc thù của một thực thể giác ngộ giải thoát, chính điều này khiến cho việc nghiên cứu các hoạt động và những tính chất đặc thù của Đạo Phật sẽ khó xác định giữa bản chất và hiện tượng trong sinh hoạt Phật giáo, với mong muốn các nội dung nghiên cứu sẽ phù hợp với bản chất Đạo Phật. Mục đích của Đạo Phật là diệt khổ, bản chất của Đạo Phật là giác ngộ, giải thoát; muốn diệt

khổ thì phải y theo giáo pháp và giới luật của Đức Phật và thực hành cho đến khi thành tựu đạo quả. Sau khi thành tựu đạo quả, người con Phật phải mở lòng từ bi hóa độ chúng sanh. Như vậy thưở ban sơ Đạo Phật chỉ chú trọng việc thực hành giáo pháp và đi giáo hóa khi đã giác ngộ giải thoát. Thời Phật tại thế, sau khi được Đức Phật giáo huấn, các vị Tỳ kheo thường tìm nơi yên tĩnh như dưới gốc cây hay trong các khu rừng vắng để tọa thiền quán tưởng. Đến khi Tăng chúng trong

Giáo đoàn đông đủ, Đức Phật mới dạy các vị Tỳ kheo “Hãy đi khắp nơi vì lợi lạc và hạnh phúc của số đông, do lòng từ bi đối với cuộc đời, vì lợi lạc và hạnh phúc của Trời và Người”.

Đạo Phật là đạo từ bi và trí tuệ được thể hiện qua hành động: người có lòng từ bi thì không thể làm ngơ trước thống khổ nhân loại, hoằng pháp lợi sanh thì phải đi vào đời sống của nhân sinh. Đây chính là hành động thể hiện hạnh nguyện Bồ tát như tinh thần

THẾ giáo



Mục đích của Đạo Phật là diệt khổ, bản chất của Đạo Phật là giác ngộ, giải thoát; muốn diệt khổ thì phải y theo giáo pháp và giới luật của Đức Phật và thực hành cho đến khi thành tựu đạo quả. Sau khi thành tựu đạo quả, người con Phật phải mở lòng từ bi hóa độ chúng sanh.



Mục đích của Đạo Phật là diệt khổ, bản chất của Đạo Phật là giác ngộ, giải thoát; muốn diệt khổ thì phải y theo giáo pháp và giới luật của Đức Phật và thực hành cho đến khi thành tựu đạo quả. Sau khi thành tựu đạo quả, người con Phật phải mở lòng từ bi hóa độ chúng sanh.

nhập thế với tấm lòng từ bi thương tưởng cứu vớt chúng sanh. Đạo Phật hướng con người đến mục tiêu giác ngộ giải thoát. Tự giác - giác tha được xem là hành trình tất yếu mà mỗi hành giả Phật môn phải kinh qua. Với lòng từ bi lân mẫn, mong muốn mọi người đều giác ngộ như mình, chư Tăng đã đem giáo lý Phật Đà truyền bá vào đời sống, từ đây mở ra con đường nhập thế và nhập thế trở thành một hành dụng không thể tách rời trong quá trình hoằng pháp lợi sanh. Thời Phật tại thế, chư Tăng đi hoằng pháp là hướng trực tiếp đến những người khát khao tâm cầu chân lý giải thoát, đó là

hoằng pháp thuần túy về đạo. Vì vậy, thời bấy giờ con đường nhập thế chưa được mở rộng trong đời sống xã hội. Về sau qua mỗi giai đoạn lịch sử, thuận theo trào lưu tiến hóa và nhu cầu xã hội, định hướng hoằng pháp cũng được thể hiện qua nhiều phương cách, tùy theo yếu tố con người và bối cảnh thời đại, từ đó hành trạng nhập thế phát triển trên nhiều lĩnh vực trong đời sống xã hội.

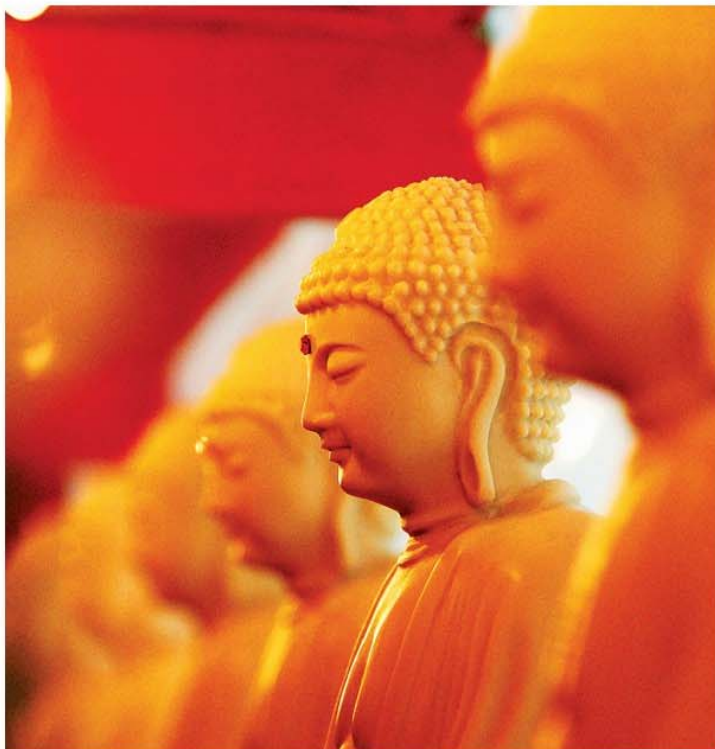
Từ khi du nhập vào nước ta, Đạo Phật đã nhanh chóng ăn sâu, bám rễ vào đời sống tinh thần của người dân, ảnh hưởng sâu sắc đến mọi mặt trong đời sống xã hội,

dưới các triều đại từ Đinh, Lê đến Lý, Trần. Tinh thần nhập thế của Phật giáo đã thể hiện mạnh mẽ trong đời sống xã hội đương thời, bằng chứng là các vị cao Tăng đạo hạnh và có uy tín của Phật giáo đã đứng ra đảm nhận vai trò quân sư, cố vấn triều đình lẽo lẽo con thuyền dân tộc.

Thời nhà Đinh, Thiền sư Ngô Chân Lưu được vua Đinh Tiên Hoàng phong chức Tăng thống, ban hiệu là Khuông Việt Thái Sư, đứng đầu Phật giáo thời bấy giờ. Điều này cho thấy triều đại nhà Đinh đã chính thức công nhận nhân sự của Phật giáo trực tiếp tham gia chính sự trong vai trò chỉ đạo tâm linh. Thời nhà Lê, vua Lê Đại Hành đã cho mời hai Thiền sư Pháp Thuận và Vạn Hạnh làm cố vấn chính trị, Thiền sư Vạn Hạnh được vua Lê Đại Hành đích thân xin ý kiến về cuộc kháng chiến chống quân Tống vào năm 980... Sang thời nhà Lý, Thiền sư Vạn Hạnh đã cố vấn vua Lý Công Uẩn dời đô từ kinh thành Hoa Lư (Ninh Bình) về Đại La, tức Thăng Long - Hà Nội ngày nay, biến nơi đây thành một trung tâm chính trị, văn hóa, xã hội, thương mại mang tầm vóc của nước Đại Cồ Việt. Lịch sử ghi nhận Thiền sư Vạn Hạnh đã đào tạo nên Lý Công Uẩn tại chùa Lục Tổ, Thiền sư Trí ở núi Cao Dã đã đào tạo nên Tô Hiến Thành, Ngô Hòa Nghĩa... đây là những bậc anh tài kiệt xuất trong lịch sử dân tộc. Các Thiền sư Đa Bảo, Viên Thông, Nguyễn Thường nhiều lần được vua Lý Thái Tổ thỉnh vào cung để luận bàn việc nước. Một số nhà sư đóng góp công lao to lớn với đất nước được triều đình phong làm Quốc sư như Quốc sư Viên Thông, Quốc

sư Thông Biện. Thời nhà Lý, sự gần gũi và gắn kết giữa vua quan với dân chúng, đã nói lên mức độ ảnh hưởng nền đạo đức và văn hóa tâm linh của Phật giáo rất sâu rộng, học giả Hoàng Xuân Hãn ghi nhận điều này trong cuốn Lý Thường Kiệt rằng: “Đời Lý có thể gọi là đời thuần từ nhất trong lịch sử nước ta, đó chính là ảnh hưởng của Đạo Phật”.

Đến thời nhà Trần, sự ra đời của thiền phái Trúc Lâm và Giáo hội Trúc Lâm, đã đánh dấu thời kỳ mở đầu của tổ chức Giáo hội Phật giáo độc lập và thuần Việt tại nước ta, khẳng định vị thế vững vàng của Phật giáo trong lòng dân tộc. Đặc biệt tư tưởng “Hòa quang đồng trần” của Tuệ Trung Thượng Sĩ và hành trạng hoàng pháp lợi sanh của Phật hoàng Trần Nhân Tông đã cho thấy chủ trương của Phật giáo thời nhà Trần là đem sự tu chứng đi vào cuộc đời, giúp người đời tiếp cận chánh pháp và tu hành theo đạo giải thoát ngay trong cuộc sống đời thường. Điều này đáp ứng được nhu cầu thực tế của đại bộ phận quần chúng nên đã hội tụ nhân tâm, đánh động lương tri, chuyển mê khai ngộ, khiến cho từ vua quan đến thứ dân bá tánh đều quy ngưỡng về Đạo Phật. Tư tưởng “Hòa quang đồng trần” mang đậm dấu ấn trí tuệ và tinh thần dân tộc, đã được Tuệ Trung Thượng sĩ, bậc thầy của Sơ tổ Trần Nhân Tông, tích cực đem ánh sáng giác ngộ chan hòa vào đời sống thế tục tạo hiệu ứng tác động đến môi trường sống xã hội, bằng tâm từ bi thương tưởng chúng sanh, vì an lạc hạnh phúc số đông, như hình ảnh con ong hút mật hoa được diễn tả trong kinh Pháp Cú: “Như ong đến với



Thời Phật tại thế, sau khi được Đức Phật giáo huấn, các vị Tỷ kheo thường tìm nơi yên tĩnh như dưới gốc cây hay trong các khu rừng vắng để tọa thiền quán tưởng. Đến khi Tăng chúng trong Giáo đoàn đông đủ, Đức Phật mới dạy các vị Tỷ kheo “Hãy đi khắp nơi vì lợi lạc và hạnh phúc của số đông, do lòng từ bi đối với cuộc đời, vì lợi lạc và hạnh phúc của Trời và Người”.

hoa; không hại sắc và hương; che chở hoa, lấy nhụy; bậc Thánh đi vào đời cùng thế”.

Vào thời nhà Trần, các vua Trần không chỉ là những Phật tử thuần thành mà còn là những hành giả thâm chứng Phật pháp, với tư tưởng “Phật tại tâm, Tâm tức Phật” và chủ trương “không xa lánh cõi đời, cùng gánh vác việc đời”. Các vua Trần đã thiết lập thể chế chính trị được xây dựng trên tinh thần từ bi, đạo đức, khoan dung của Đạo Phật, khiến cho trật tự xã hội vô cùng ổn định, nhờ đó đã gắn chặt khối đại đoàn kết dân tộc và phát huy truyền thống

tự lực tự cường của dân tộc, bảo vệ vững chắc giang sơn xã tắc Đại Việt. Điều này được thể hiện qua Hội nghị Diên Hồng do đích thân vua Trần Nhân Tông đứng ra hiệu triệu toàn dân tộc đồng lòng chung sức đánh tan giặc ngoại xâm Nguyên Mông. Đặc biệt, vua Trần Nhân Tông vừa là một nhà chính trị tài ba, một thiền sư lỗi lạc, một nhà lãnh đạo uy tín của Phật giáo. Sau khi hoàn thành trọng trách đối với dân tộc trên cương vị của một bậc minh quân, suốt cuộc đời làm Tăng của vua Trần Nhân Tông là một chuỗi ngày hoạt động tích cực và hiệu quả vì sự nghiệp hoàng pháp



Thực tế trên cho thấy, tinh thần nhập thế của Phật giáo đã nói lên vai trò tích cực của mình trong đời sống xã hội đương đại, không những tạo ra các giá trị chân chính đóng góp thiết thực vì lợi ích tha nhân mà còn bảo tồn nguyên vẹn các giá trị truyền thống và bản chất của Đạo Phật.

lợi sanh. Hành trạng nhập thế độ sanh của vua Trần Nhân Tông đã tạo ảnh hưởng rất lớn trong đời sống đạo đức xã hội, công cuộc đem đạo vào đời của vua Trần Nhân Tông đã không ngừng nâng cao vị thế nhà Trần, củng cố triều đại, tạo nguồn an lạc trong đời sống nhân dân. Lịch sử Phật giáo đã ghi lại lời quốc sư Trúc Lâm, tức Thiền sư Đạo Viên đã giáo huấn vua Trần Thái Tông về bổn phận của một nhà chính trị khi là một Phật tử: “Đã là người phụng sự dân thì phải lấy cái muốn của dân làm cái muốn của mình, phải lấy ý dân làm ý mình, trong khi đó không được xao lãng việc tu học của bản thân”. Hay như vua Trần Nhân Tông đã khẳng định

đường lối trị nước của mình: “Nhà chính trị phải thực hiện Đạo Phật trong xã hội”, từ đó chúng ta có thể khẳng định rằng, vai trò tích cực nhập thế của Phật giáo thời nhà Trần đã góp phần to lớn vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước Đại Việt.

Ở thời hiện đại, nhất là trong hai cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân Việt Nam, Phật giáo đã đồng hành cùng Dân tộc, góp phần giải phóng quê hương thống nhất đất nước, giang san nối liền một dải Bắc Nam sum họp một nhà.

PHẬT GIÁO NHẬP THẾ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa,

mỗi người trong chúng ta đều có nguy cơ bị ảnh hưởng liên đới bởi những biến động và diễn biến tiêu cực xảy ra ở bất cứ một nơi nào đó trên thế giới, do vậy việc chuyển hóa nghiệp lực thế giới mà chúng ta đang sống trở thành trách nhiệm chung của toàn nhân loại, nhất là đối với Phật giáo. Trên tinh thần đó, bằng tinh thức và chánh niệm, mỗi thành viên của tổ chức Phật giáo sẽ tích cực mang vào đời thông điệp hòa bình, tư tưởng hóa giải oán kết hận thù và hành động chuyển hóa nghiệp lực. Đây là việc làm có mục đích và trách nhiệm của Phật giáo thời đại và đây cũng chính là động cơ Phật giáo tích cực tham gia giải quyết các vấn đề xã hội.

Ngày nay, chúng ta đang sống trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, song song đó là việc xây dựng nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, đây là thời kỳ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin phát triển như vũ bão, nhất là sự bùng nổ của hệ thống mạng và sự du nhập của các nền văn hóa đã tác động không nhỏ đến đời sống con người. Trong bối cảnh này, Phật giáo đã tích cực tham gia góp phần giải quyết các vấn đề xã hội với khả năng của mình. Cộng đồng Phật giáo đã nghiêm túc và khuyến tấn nhau trong việc giữ gìn “ngũ giới”, đây là giới căn bản thể hiện đạo đức nhân cách của một người con Phật. Trong “ngũ giới”, việc giữ gìn giới “sát sanh” không phải chỉ là “không giết” mà còn thể hiện bằng hành động ngăn chặn mọi hành vi “giết hại” xảy ra trong đời sống. Do vậy, việc một tu sĩ Phật giáo tham gia các diễn đàn chống chủ nghĩa khủng bố nhằm ngăn chặn sự “sát sanh hại vật” có nguy cơ xảy ra trong cuộc sống, vừa giữ được truyền thống tu hành của Đạo Phật lại vừa mang tính phổ độ chúng sanh. Chỉ riêng việc giữ giới cũng đã nói lên tinh thần tích cực của Phật giáo trong việc tham gia giải quyết các vấn đề xã hội. Bước vào thời hiện đại, trước những vấn nạn trầm trọng của xã hội về môi trường sinh thái, bệnh dịch, mại dâm, về bạo động, khủng bố và chiến tranh, tinh thần tích cực của Phật giáo luôn được dân trải trên các phương diện xã hội nhằm góp phần làm giảm bớt khổ đau và khủng hoảng trong đời sống con người.

Về vấn đề môi trường sinh thái, Phật giáo luôn khuyến khích mọi

người tôn trọng mạng sống muôn loài, đồng thời tham gia trồng cây gây rừng và bảo vệ nguồn nước không bị ô nhiễm; về bệnh dịch HIV/AIDS, Phật giáo phối hợp với Mặt trận Tổ quốc về: “Sáng kiến của lãnh Đạo Phật giáo” tham gia phòng chống HIV/AIDS đã cùng với các đoàn thể xã hội tích cực tuyên truyền về cách ngăn ngừa nhằm làm giảm đi cường độ lây lan của căn bệnh thế kỷ vốn đang có chiều hướng gia tăng gây tai họa cho xã hội.

Về giáo dục, Phật giáo chủ động tổ chức mở các lớp đào tạo chuyên ngành giáo dục sư phạm mầm non nhằm tạo điều kiện cho nữ cư sĩ Phật tử phụng sự xã hội trên phương diện nuôi dạy trẻ.

Về vấn nạn bạo hành và bất ổn trong đời sống hôn nhân gia đình, Phật giáo đã không ngừng chuyển hóa bằng cách hướng dẫn quần chúng Phật tử sống tôn trọng, thông cảm và có trách nhiệm với nhau theo những điều Đức Phật đã dạy trong kinh Ca Thi La Việt.

Về trách nhiệm cá nhân đối với gia đình và xã hội, về vấn đề chiến tranh, bạo động và khủng bố, Phật giáo luôn khuyến khích quần chúng thể hiện lòng từ bi, sống trong tinh thức và chánh niệm vì một đời sống hòa bình, hạnh phúc và an lạc.

Trong thời gian qua, GHPGVN đã phối hợp với UBATGTQG tổ chức lễ cầu siêu cho các nạn nhân tử vong vì tai nạn giao thông nhằm chia sẻ đau thương, sự mất mát của những người chết vì tai nạn giao thông, đồng thời tuyên truyền mọi người tích cực chấp hành luật an toàn giao thông. Hay

các vị Giáo phẩm của Giáo hội tham gia vào các tổ chức đoàn thể và cơ quan lập pháp để giám sát và đóng góp ý kiến xây dựng cơ chế và chủ trương chính sách phù hợp với tình hình thực tế xã hội, đáp ứng nguyện vọng của cử tri, nhằm xây dựng đời sống xã hội tốt đẹp hơn, nhất là tham gia chương trình bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu do Liên Hiệp Quốc và Nhà Nước chủ trương... Thực tế trên cho thấy, tinh thần dần thân nhập thế của Phật giáo đã nói lên vai trò tích cực của mình trong đời sống xã hội đương đại, không những tạo ra các giá trị chân chính đóng góp thiết thực vì lợi ích tha nhân mà còn bảo tồn nguyên vẹn các giá trị truyền thống và bản chất của Đạo Phật.

Nhìn lại những đóng góp hiệu quả của Phật giáo đối với dân tộc suốt chiều dài lịch sử, đặc biệt là Phật giáo thời nhà Trần cũng như Phật giáo Việt Nam ngày nay, cho thấy tinh thần tích cực của Phật giáo đã mang lại những lợi ích to lớn, thiết thực cho đời sống xã hội và đây cũng chính là mục đích cao cả mà Phật giáo mọi thời đại luôn hướng đến. Tuy nhiên, trong quá trình hoằng pháp lợi sanh, dù tích cực đem ánh sáng giác ngộ đi vào cuộc đời, sẵn sàng tham gia các hoạt động vì lợi ích tha nhân và xã hội, nhưng Phật giáo cũng không đặt nặng vấn đề cho rằng nhập thế là chủ trương của Đạo Phật, bởi điều này không quan trọng bằng kết quả đóng góp thiết thực mang lại nguồn an lạc, hạnh phúc cho đời sống con người trong hiện tại và tương lai trên hành tinh này.

* HT.TS. Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch HĐTS GHPGVN.

Vai trò của hành vi nhân viên trong tổ chức với việc tăng cường chính sách và nâng cao cách thức quản trị con người

Tạ Hoàng Giang*

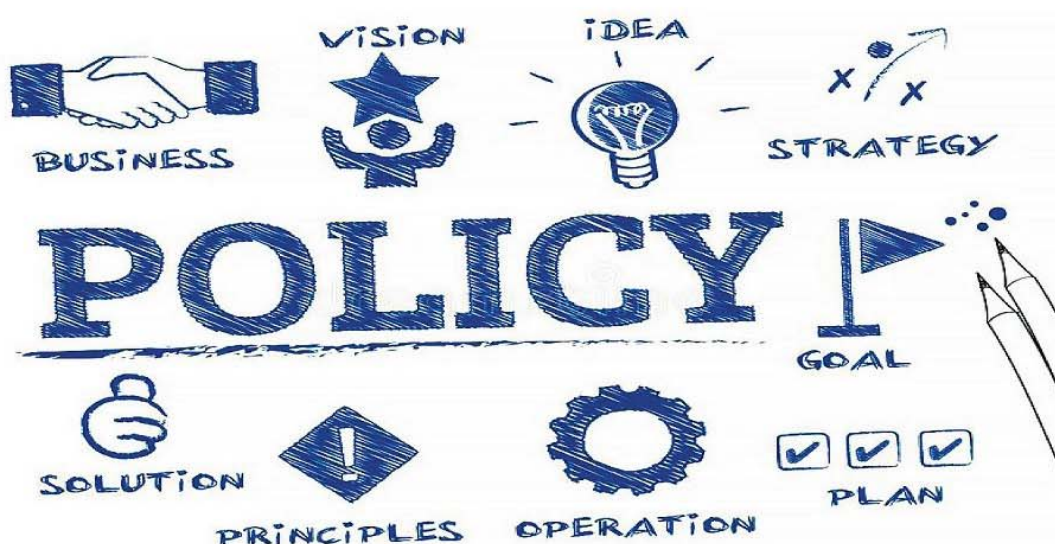


Theo như định nghĩa của Dennis xuất hiện vào năm 1988 thì Hành vi nhân viên trong tổ chức (Organizational Citizenship Behavior - OCB) là *“những hành vi cá nhân mang tính linh hoạt, không được thừa nhận một cách trực tiếp hay rõ ràng thông qua hệ thống khen thưởng chính thức, và tăng cường tính hiệu quả của các chức năng trong tổ chức”*. Ý tưởng này xuất phát khi Organ nhìn thấy sự thành công của các công ty Nhật vào thập niên 1960 và 1970, theo ông thành công có được do các hành động tình nguyện của nhân viên và đường

như họ xem công ty giống như gia đình của mình. Nói cách khác, OCB được định nghĩa bao gồm những hành động trong đó nhân viên sẵn sàng làm thêm và vượt quá những yêu cầu trong công việc đối với vị trí của họ. Thang đo **Hành vi nhân viên trong tổ chức** (Dennis Organ, 1988) bao gồm 4 thành phần: **Tính quảng đại** (Sportsmanship); **Đạo đức nhân viên** (Civic virtue); **Sự tận tâm** (Conscientiousness); **Sự tận tình** (Altruism); **Sự nhã nhặn** (Courtesy).

Từ những thành phần cấu tạo nên OCB, có thể dễ dàng thấy được

mỗi thành phần có vai trò khác nhau đối với tổ chức. Ví dụ, yếu tố sự tận tình làm cho công việc trong tổ chức diễn ra hiệu quả, có năng suất cao bởi vì nhân viên có thể tận dụng thời gian rảnh của mình để hỗ trợ đồng nghiệp thực hiện một nhiệm vụ cần thiết hơn. Trong khi đó, yếu tố Đạo đức nhân viên lại có thể bao gồm các đề nghị nhằm giảm chi phí, tiết kiệm nguồn lực, có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của tổ chức. Từ khi xuất hiện đến nay đã có rất nhiều nghiên cứu cho thấy nâng cao thang đo OCB trong tổ chức là cách thức hiệu quả nhất





với mức chi phí thấp nhất đối với các doanh nghiệp nhằm đạt được sự hiệu quả trong quản lý.

Trước tiên hãy nói đến ích lợi hết sức hấp dẫn mà tổ chức đạt được từ OCB như nâng cao sự tăng trưởng, hiệu quả, năng suất, tính phối hợp giữa các nhóm, phát triển bền vững,... (Kaur, P., 2011). Tất cả những điều này đạt được là do “người lao động thỏa mãn cảm thấy được đối xử một cách công bằng và được tin cậy bởi tổ chức thường sẵn lòng hơn trong việc tham gia, gắn bó với những hành vi vượt trên những mong đợi, hoặc đòi hỏi với công việc của họ” (Nguyen, H.L., 1996, tr.12). Theo nghiên cứu của Borman và Motowildo thực hiện năm 1997, họ cho rằng các nhân viên quản lý có thêm thời gian cho những công tác quan trọng hơn khi nhân viên cấp dưới của họ biết hỗ trợ lẫn nhau trong công việc. Lợi ích mà OCB đem đến cho cá nhân có thể thấy rõ

nhất là môi trường làm việc thân thiện, hòa đồng nơi mà mọi người không những tích cực hoàn thành công việc được giao hơn cả mong đợi mà còn sẵn sàng hỗ trợ lẫn nhau khi cần, từ đó cá nhân có thể đạt được hiệu quả ở mức tốt nhất. Cũng theo Organ, nhờ vào thành phần Đạo đức nhân viên mà các cá nhân hiểu lẫn nhau tốt hơn và làm cho mối quan hệ giữa họ ít xung đột hơn, trong khi đó thành phần Tính quảng đại giúp giảm thiểu mâu thuẫn nội bộ trong nhóm cũng như thời gian giải quyết mâu thuẫn đó (Chiboiwa, M.W., 2011).

Yếu tố con người ngày nay được xem là lợi thế cạnh tranh quan trọng giữa các tổ chức với nhau. Hơn thế nữa, làm thế nào để quản lý con người trong tổ chức hiệu quả nhất, để thu hút nhân tài và ngăn chặn tình trạng chảy máu chất xám luôn là vấn đề làm đau đầu các nhà quản trị nhân sự. Với sự hỗ trợ của Thang đo

OCB, vấn đề quản lý con người nói chung và giữ chân người tài được tăng cường một cách mạnh mẽ. Nghiên cứu của George và Batternhausen (1990) cho thấy có sự liên hệ giữa việc giữ chân người tài và Thang đo OCB, theo đó các nhân viên giỏi thích làm việc trong môi trường tích cực có mối quan hệ chặt chẽ giữa cá nhân. Với những nhân viên tài năng, mức lương cao không còn là yếu tố quyết định, cái họ cần là những lợi ích tinh thần như sự nhiệt tình, hoà hợp, giúp đỡ lẫn nhau và cùng hướng đến mục tiêu chung của tổ chức (Chiboiwa, M.W., 2011). Thông qua sự hiểu biết về thang đo OCB và mối liên kết trên, các nhà quản trị hiểu được tầm quan trọng của OCB, từ đó cố gắng thiết lập các thành phần, duy trì và không ngừng nâng cao chúng.

Hiểu được vai trò của Thang đo OCB, công ty mong muốn nâng cao sự cam kết, tính trung thành



từ các nhân viên, từ đó ngăn chặn tình trạng thay đổi nhân sự và tập trung vào kinh doanh. Chính sách được thiết lập xoay quanh ba yếu tố: mức độ hài lòng trong công việc, các giá trị động viên và môi trường làm việc thích hợp được chứng minh có liên hệ với Thang đo OCB (Mohammad, J., 2011). Mức độ hài lòng trong công việc: như đã trình bày bên trên, ngoài mức lương thỏa thuận công ty cần phải biết nhân viên của mình mong muốn những gì để từ đó đáp ứng ở mức hợp lý.

Các giá trị động viên: Có thể hiểu là các giá trị giữ chân người nhân viên lại, tiếp tục gắn bó một khi họ gặp khó khăn trong công việc và muốn từ bỏ. Giá trị này thay đổi tùy theo tính cách từng cá nhân và từng thời điểm cụ thể. Môi trường làm việc thích hợp, cần tạo ra môi trường làm việc mà ở đó người nhân viên cảm thấy thoải mái nhất, giảm đến mức có thể những xung đột nhóm

để nhân viên làm việc với năng suất cao nhất của họ.

Tâm quan trọng của OCB không những đối với hoạt động của tổ chức mà còn có ảnh hưởng đến biểu hiện của từng cá nhân trong tổ chức đó, thang đo OCB được xem là một trong những công cụ quan trọng phục vụ cho công tác quản lý con người bằng việc xây dựng các giá trị rất đơn giản, các giá trị này làm cho mỗi cá nhân cảm thấy họ và tổ chức là một, sẽ nâng cao sự cam kết và lòng trung thành đối với tổ chức. Từ đó, hết lòng và trung thành làm việc cho tổ chức, công ty sẽ giải quyết được vấn đề chảy máu chất xám và hướng đến ổn định phát triển.

Có thể nói, những khái niệm và lý thuyết mới trong lĩnh vực hành vi tổ chức xuất hiện ngày càng nhiều, nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý cơ cấu tổ chức và đội ngũ nhân viên ngày càng hiệu quả, tăng doanh thu, giảm chi phí của

các doanh nghiệp. Những khái niệm mới ra đời sau này thể hiện rõ ưu điểm vượt trội so với những quan niệm khô cứng trước kia, vốn cho rằng cách thức chủ yếu nâng cao năng suất làm việc của nhân viên là mức lương cao và phúc lợi tốt. Những khái niệm sau này đã đem lại cái nhìn mới cho các nhà lãnh đạo, làm cho họ hiểu rằng điều để giữ chân nhân viên và quản lý người tài là công nhận giá trị của họ, tìm hiểu mong đợi của họ đối với công ty, từ đó cố gắng đáp ứng một cách hợp lý. Một tổ chức sẽ phát triển ngày càng hiệu quả và một cách bền vững nếu xây dựng được một cơ cấu hoạt động hiệu quả từ trên xuống dưới, đội ngũ quản lý tài năng và lực lượng nhân viên trung thành, hết sức cống hiến cho sự phát triển của tổ chức đó.

* TS. Tạ Hoàng Giang, Trường khoa Du lịch - ĐH Phan Thiết.

Tài liệu tham khảo

1. Dennis Organ (1988), *Organizational Citizenship Behavior*.
2. Chiboiwa, M.W., Chipunza, C. & Samuel, M.O, (2011), *Evaluation of Job Satisfaction and Organizational Citizenship Behavior: Case Study of Selected Organisations in Zimbabwe*, South Africa, University of Fort Hare.
3. George, J. M., & Bettenhausen, K. (1990). Understanding prosocial behavior, sales performance, and turnover: A group-level analysis in a service context. *Journal of Applied Psychology*, 75(6), 698-709.
4. Kaur, P., (2011), *Organizational Citizenship Behavior: Changing Employees into Citizens*, India, New Delhi Insitution of Management.
5. Mohammad, J., Habib, F.Q. & Alias, M.A., (2011). *Job Satisfaction and Organisational Citizenship Behavior*, US, An Empirical Study at Higher Learning Institutions,
6. Nguyen, H.L. (1996), *Hành Vi Tổ Chức*. HCMC, Giao Duc Publisher.

Thanh thiếu niên lựa chọn và gắn kết với đạo Phật như thế nào: Góc nhìn từ lý thuyết xã hội hóa tôn giáo



Lê Tấn Lộc*

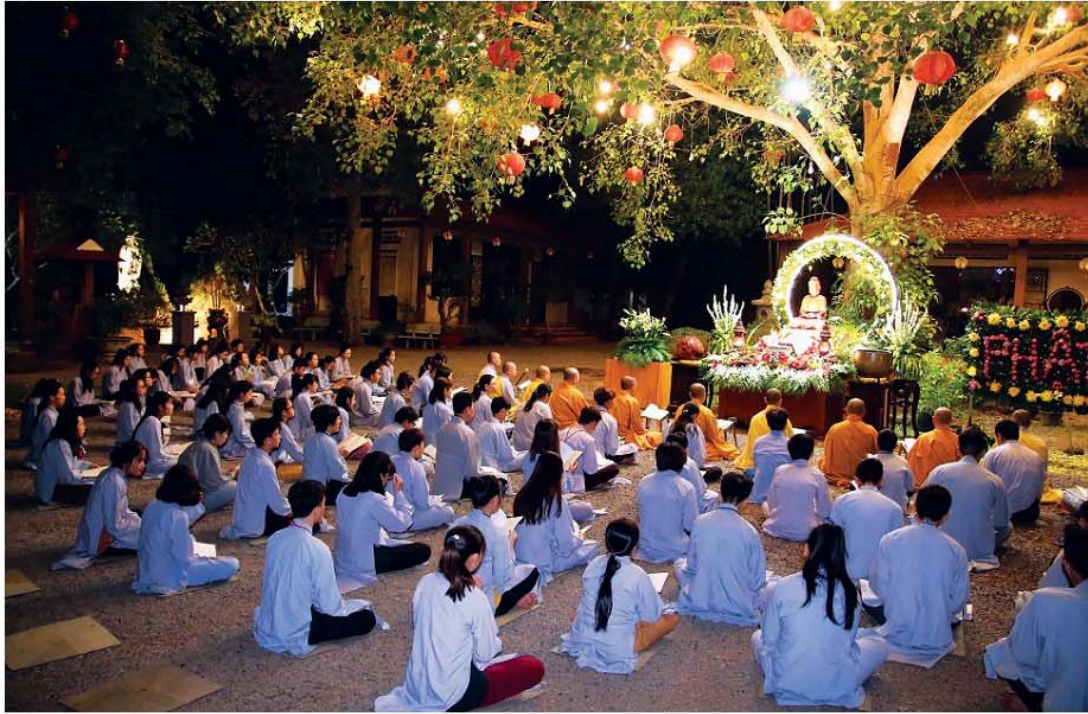
ĐẶT VẤN ĐỀ

Việc giáo dục đạo đức cho giới trẻ ngày nay không còn là công việc riêng của ngành giáo dục mà đó là công việc chung của toàn xã hội. Vì vậy, trong những năm gần đây một số tự viện Phật giáo thường tổ chức các khóa tu dành cho thanh thiếu niên với mục đích giúp các em sống tốt hơn. Điều này đã tạo ra một hiệu ứng tích cực từ xã hội và được đông đảo phụ huynh đồng tình ủng hộ. Dù có nhiều bài viết nhận định đạo đức Phật giáo phù hợp cho việc giáo dục đạo đức cho thanh thiếu niên, nhưng hầu hết chỉ dừng lại ở việc phân tích những giá trị đạo đức từ kinh điển và đưa ra nhận định. Thực tế thì hiệu quả đến mức độ nào còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố tình cảm và niềm tin của người học. Một khi người học có tình cảm và niềm tin vào những giá trị đạo đức, việc thực hành sẽ thường xuyên hơn. Tiến sĩ Nguyễn Hữu Tuấn (2010), Viện Nghiên cứu Thanh thiếu niên Việt Nam, khi nhận định về vai trò của Phật giáo đối với thế hệ trẻ đã khuyến nghị: “*Nhận biết và thực*

hành theo giáo lý của Đạo Phật, tôi tin rằng các bạn trẻ sẽ sống tốt hơn. Đời sống của các bạn trẻ sẽ an lành và hạnh phúc”. Từ đó cho thấy thanh thiếu niên đến với Đạo Phật và lựa chọn Đạo Phật để làm điểm tựa tinh thần cho mình là rất cần thiết. Tuy nhiên, việc lựa chọn này có thể chịu tác động của nhiều yếu tố. Vì vậy, bài viết này sẽ đi vào kiểm chứng lý thuyết *Xã hội hóa tôn giáo* của E. Sherkat (2003) bằng một nghiên cứu mang tính khám phá trường hợp thanh thiếu niên đến các thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam để tham gia SHTH (SHTH) hàng tuần với mục đích để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn Đạo Phật của thanh thiếu niên (TTN).

LÝ THUYẾT XÃ HỘI HÓA TÔN GIÁO

Theo lý thuyết *Xã hội hóa tôn giáo* của E. Sherkat, xã hội hóa tôn giáo là một quá trình tương tác mà ở đó những tác nhân xã hội ảnh hưởng đến niềm tin và nhận thức về tôn giáo của cá nhân. Theo đó, một số tác nhân xã hội cần được xem xét:



Khóa tu tuổi trẻ đón mừng năm mới 2020 tại chùa Huệ Viễn.
(Ảnh: phatgiaodongnai.org)

Thứ nhất, gia đình được xem là một tác nhân quan trọng bậc nhất. Cha mẹ và những người thân khác trong gia đình có thể đưa ra những lời giải thích căn bản cho con em mình về những cái siêu nhiên và dạy cho con em mình biết về những cái siêu nhiên. Điều này có khả năng ảnh hưởng đến sự lựa chọn tôn giáo của các em. Thực tế qua các nghiên cứu mang tầm quốc gia và mang tính hệ thống đều chứng minh rằng cha mẹ quyết định đến niềm tin và sự quy thuộc tôn giáo trong suốt cuộc đời của con cái. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng giữa cha mẹ và con cái có thể là sự ảnh hưởng hai chiều. Điều này có nghĩa là niềm tin của con cái ở giai đoạn vị thành niên chịu ảnh hưởng của cha mẹ, nhưng khi con cái bước vào giai đoạn trưởng thành lại có thể ảnh hưởng đến niềm tin của cha mẹ.

Tác nhân thứ hai là do yếu tố hôn nhân. Vì đối tượng nghiên cứu là TTN từ 12 đến 18 tuổi nên yếu tố này sẽ không xem xét. Tác nhân thứ ba là các nhóm tôn giáo. Trong những năm gần đây, ảnh hưởng của yếu

tố này không còn được xem là quan trọng nữa. Tuy nhiên, ảnh hưởng của tác nhân này có thể sẽ thông qua việc tổ chức sinh hoạt tôn giáo, phát hành các ấn phẩm tôn giáo và có thể thông qua các hoạt động quyên góp,... Tác nhân thứ tư là giáo dục. Giáo dục ở bậc tiểu học và phổ thông cũng chưa đề cập nhiều đến vấn đề tôn giáo. Ở bậc giáo dục cao hơn, những tư tưởng chống lại tôn giáo có thể bắt đầu xuất hiện. Những nghiên cứu mang tính hệ thống đều cho thấy giáo dục làm giảm sự lựa chọn tôn giáo, khuyến khích tính vô thần. Chính vì vậy giáo dục cũng là tác nhân ảnh hưởng đến sự lựa chọn tôn giáo. Vì mẫu nghiên cứu thuộc đối tượng học sinh phổ thông cơ sở và phổ thông trung học nên yếu tố này cũng không được đánh giá.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo dạng nghiên cứu khám phá bằng việc kết hợp giữa hai phương pháp định tính và định lượng. Mục đích của nghiên cứu là

trả lời câu hỏi thanh thiếu niên lựa chọn và gắn kết với Đạo Phật như thế nào.

Mẫu nghiên cứu

Đối tượng tham gia vào nghiên cứu bao gồm 140 TTN trong độ tuổi từ 12 đến 18, có thời gian tham gia SHTH tại ba thiền viện thuộc Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam (Thiền viện Viên Chiếu, tỉnh Đồng Nai; Thiền viện Trúc Lâm Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa; và Thiền viện Trúc Lâm Chánh Pháp, tỉnh Tuyên Quang) từ 6 tháng trở lên (Độ tuổi trung bình = 14,9, độ lệch chuẩn = 2,17). Theo lý thuyết về các giai đoạn phát triển nhận thức của J. Piaget, TTN sau 11 tuổi có khả năng nhận thức mang tính hệ thống (Dương Thị Diệu Hoa và cộng sự, 2012, tr.34-35). Vì số lượng mẫu nghiên cứu thỏa mãn điều kiện trên hạn chế, nên tất cả TTN đang tham gia SHTH tại ba thiền viện nêu trên đáp ứng được yêu cầu đã nêu và tự nguyện tham gia đều được lựa chọn.

Ngữ cảnh nghiên cứu

Vào chủ nhật hàng tuần, TTN đến các thiền viện tham gia SHTH. Trong ngày tu học, các em được dạy giáo lý, hướng dẫn tọa thiền và thọ trai (ăn trưa) trong chánh niệm. Ngoài ra, còn tham gia vào các hoạt động vui chơi tập thể.

Phương pháp thu thập dữ liệu

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và PVS 12 trường hợp (6 nam và 6 nữ). Về thang đo, một số thang đo chủ yếu có liên quan đến bài viết này được mô tả như sau:

Động cơ tham gia SHTH

Động cơ tham gia SHTH có thể được phân thành hai loại: Động cơ trong và động cơ ngoài. Động cơ trong là xuất phát từ việc cá nhân nhận thấy hoạt động là hứng thú, là được thỏa mãn, là thử thách đối với bản thân; còn động cơ ngoài là nhằm đáp ứng mục tiêu bên ngoài như để được khen thưởng, do bị sức ép, hoặc là để tránh sự trừng phạt,... (Phạm Thành Nghị, 2016, tr.129). Nghiên cứu tiến hành khảo sát động cơ hiện tại (tại thời điểm khảo sát) TTN đến các thiền viện tham gia SHTH bằng cách xây dựng câu hỏi với các lựa chọn sau: 1. Do gia đình bắt buộc, 2. Do tự thích đi, 3. Do bạn bè rủ đi, và 4. Lý do khác (được đề nghị ghi cụ thể). Theo cách phân loại động cơ nêu trên, biến số này có thể được mã hóa lại còn hai giá trị: 1. Động cơ ngoài (bao gồm sự tác động của gia đình và bạn bè, tạm gọi



Tiến sĩ Nguyễn Hữu Tuấn (2010), Viện Nghiên cứu Thanh thiếu niên Việt Nam, khi nhận định về vai trò của Phật giáo đối với thế hệ trẻ đã khuyến nghị: “Nhận biết và thực hành theo giáo lý của Đạo Phật, tôi tin rằng các bạn trẻ sẽ sống tốt hơn. Đời sống của các bạn trẻ sẽ an lành và hạnh phúc”. (Ảnh: sưu tầm)

là tác động bên ngoài) và 2. Động cơ trong (bao gồm TTN tự cảm thấy thích đi hoặc do có động cơ tích cực như để tu sửa bản thân, để trở thành con ngoan trò giỏi, để học hỏi điều hay,...) khi xem xét trong mối tương quan với biến số khác. Đồng thời nghiên cứu cũng tiến hành khảo sát động cơ ban đầu TTN tham gia SHTH bằng cách tương tự trên với mục đích là để xem xét có sự thay đổi về động cơ hay không.

Thái độ của cha mẹ đối với Đạo Phật

Thanh thiếu niên trả lời về việc theo hay không theo Đạo Phật của cha mẹ bằng cách lựa chọn một trong các khả năng sau: 1. Cha và mẹ không theo Đạo Phật, 2. Có cha hoặc mẹ theo Đạo Phật, và 3. Cha và mẹ theo Đạo Phật.

Mức độ thường xuyên tham gia SHTH của thanh thiếu niên

TTN trả lời mức độ thường xuyên tham gia SHTH của mình từ lúc bắt đầu biết đến thiền viện cho đến thời điểm tiến hành khảo sát bằng cách lựa chọn một trong các khả năng sau: 1. Tham gia ít hơn 50% số ngày SHTH, 2. Tham gia khoảng 50% số ngày, và 3. Tham gia hơn 50% số ngày. Nếu tham gia ít hơn 50% số ngày sinh hoạt, TTN được đề nghị cho biết lý do.

Hoạt động tu học

Biến số này gồm 11 mệnh đề thể hiện mức độ đánh giá của TTN về các nội dung tu học: Quý thầy/cô

	Do tác động của gia đình	Do tác động của bạn bè	Do tự thích đi hoặc vì lý do tích cực khác
Động cơ lúc ban đầu	23,9	18,8	57,2
Động cơ hiện tại	8,1	7,4	84,4

Bảng 1. Sự thay đổi động cơ tham gia SHTH của thanh thiếu niên (%)

giảng bài dễ hiểu, thích quý thầy/cô giảng bài, vận dụng được những bài học giáo lý vào cuộc sống, nắm được phương pháp tọa thiền, cảm thấy thoải mái khi tọa thiền, cảm thấy thực sự được thư giãn sau khi tọa thiền, được hướng dẫn nghi thức thọ trai cụ thể, được giải thích ý nghĩa của nghi thức thọ trai, được học bài học bổ ích từ nghi thức thọ trai, giờ học kỹ năng thanh niên thực sự hữu ích và giờ sinh hoạt tập thể thực sự hữu ích. Các mệnh đề được đánh giá theo thang đo 5 mức độ (1: Hoàn toàn không đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý). Hệ số tin cậy của thang đo là khá tốt (0,84).

Công cụ phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng được phân tích bằng các phép thống kê thông thường và các phép kiểm định T-test cũng như Spearman từ phần mềm SPSS 20.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Ảnh hưởng từ yếu tố gia đình

Về mức độ thường xuyên tham gia SHTH của TTN, kết quả phân tích thống kê thể hiện TTN tham gia khá thường xuyên. Có đến 71,3% TTN tham gia hơn 50% số ngày SHTH, 16,9% tham gia khoảng 50% số ngày, và chỉ có 11,8% tham gia dưới 50% số ngày. Lý do những trường hợp tham gia ít hơn 50% số ngày qua phân tích số liệu đều xuất phát từ những lý do khách quan như bận học thêm hoặc bận công việc gia đình. Kết quả phân tích mối tương quan giữa biến số về việc theo Đạo Phật của cha mẹ và biến số về mức độ thường xuyên tham gia SHTH của TTN bằng phép kiểm định Spearman cho thấy hai biến số có mối tương quan thuận chiều nhau: $r_s(113) = 0,19$, $p < 0,05$. Hệ số tương quan này (0,19) theo cách phân loại của Khamis (2008) thuộc tương quan yếu. Điều này có nghĩa là việc theo Đạo Phật của cha mẹ dù có tác động tích cực đến việc thường xuyên tham gia SHTH của con em mình nhưng mức độ là không đáng kể. Xét về động cơ tham gia SHTH, qua so sánh động cơ tham gia SHTH của TTN lúc mới bắt đầu đến thiền viện và động cơ

tham gia tại thời điểm khảo sát, có một sự thay đổi rất tích cực (Bảng 1).

Kết quả PVS (PVS) cũng thể hiện được xu hướng thay đổi tích cực nêu trên. Đặc biệt là việc cha mẹ theo hay không theo Đạo Phật đều muốn cho con em mình làm sao sống tốt hơn, chưa có cơ sở thể hiện có sự áp đặt về niềm tin tôn giáo. Một TTN nữ, 17 tuổi cho biết: “Ở nhà con, bố không theo Đạo Phật, chỉ đi đền (thờ mẫu), mẹ con thì nửa theo Phật, nửa theo bên đền. Còn bà con có theo Đạo Phật, trước đây có ở chung, bây giờ đã chuyển đi chỗ khác rồi. [...] Trước bà con cũng kể nhiều chuyện về Đạo Phật nhưng con cũng lơ mơ. Sau bố mẹ mới bảo ở trong này xây thiền viện cũng lâu rồi và thấy cũng có nhiều người vào trong này. Trong này cũng có cái tốt nên khuyên con vào trong này. Nghe lời bố mẹ con theo vào [...]. Lúc này con cảm thấy thích đi sinh hoạt rồi ạ. Đi sinh hoạt đầy đủ 100% thì con không chắc, nhưng khoảng 80%. Những lúc vắng là do các hoạt động của lớp hoặc phải đi học thêm hay việc gia đình gì đấy”.

“Cha con có theo Đạo Phật, còn mẹ thì không. Lúc đầu là do cha mẹ bắt đi [theo bạn cho biết là vì bạn ở nhà nghiện game online] nhưng sau đó nó dường như là bản năng, thói quen rồi ạ. Trong lòng thực sự thích đi ạ vì những lời Phật dạy có những câu rất đúng với trường hợp của con” (Kết quả PVS một TTN nam, 14 tuổi).

Những gì thu thập được qua PVS cũng thể hiện có sự tác động trở lại từ TTN đối với cha mẹ dù hiện tượng này chỉ là cá biệt. Một TTN nam, 14 tuổi kể về quá trình đến với Đạo Phật của cha mình như sau: “Như bố con trước đây hay uống rượu. Về sau khi đi sinh hoạt về hay kể cho cha nghe hôm nay các thầy dạy cái gì. Về sau bố bỏ uống rượu, bỏ thuốc lá các thứ ạ. Sau đó, bố đến thiền viện quy y Tam bảo. Hiện mỗi ngày bố đều ngồi thiền”.

“Con cố gắng hướng mẹ theo Phật. Tối hôm qua nằm ngủ thì hai mẹ con có tâm sự. Mẹ bảo giờ mẹ nghĩ vô thường, cái gì đến cứ để nó đến, nó đi thì cứ để nó đi. Bây giờ mẹ con có mất cái gì thì mẹ con cũng chấp nhận, mẹ con không đau. Vì từ lúc con đi thiền viện, mẹ con cũng không có tìm hiểu về Đạo Phật đâu nhưng con cũng thường hay nói chuyện về thiền viện cho mẹ nghe đó, con cũng cảm thấy mẹ con thay đổi rất nhiều. Mẹ con không còn suy nghĩ nhiều như trước đây” (Kết quả PVS một TTN nữ, 18 tuổi).

Như vậy, có thể thấy, cha mẹ dù có biết đến Đạo Phật hay không cũng có ảnh hưởng vào lúc ban đầu khi TTN mới đến với Đạo Phật. Tuy nhiên sau đó, nếu cha mẹ có theo Đạo Phật sẽ có ảnh hưởng tích cực dù chỉ ở mức hạn chế đến sự gắn bó với Đạo Phật của TTN. Và sự gắn bó đó còn tùy thuộc vào TTN.

Ảnh hưởng của môi trường SHTH: Việc thay đổi động cơ nêu trên có khả năng là do ảnh hưởng của môi trường SHTH ở các thiền viện. Quả thật kết quả phân tích số liệu bằng kiểm định T-test đã chứng minh rằng nhóm TTN tham gia SHTH với động cơ bên trong (do tự thích đi hoặc do lý do tích cực khác) đánh giá hoạt động tu học cao hơn so với nhóm TTN tham gia vì tác động của gia đình hoặc bạn bè: $M = 4.20$ ($SD = 0.49$) so với $M = 3.73$ ($SD = 0.76$) và $p = 0.002$. Kết quả PVS thể hiện sự thay đổi động cơ nêu trên của TTN là rất duy lý, xuất phát từ những lý do rất chính đáng. Việc TTN đánh giá cao môi trường SHTH cũng là xuất phát từ nhận thức của chính các em. Không dừng lại ở đó, niềm tin của TTN đối với Đạo Phật dù chưa được phân tích ở góc độ định lượng trong phạm vi bài viết này, nhưng qua PVS cho thấy TTN có niềm tin vào Đạo Phật và niềm tin đó cũng hoàn toàn là duy lý.

“Con rất tin đối với Phật pháp, con rất tin vào Đức Phật và quý thầy cô. Quý thầy cô giảng bài dễ hiểu và con rất thích [...]. Khi biết đến Phật pháp, con thấy mình biết suy nghĩ hơn, biết chăm lo cho ông bà hơn [bạn đang sống với ông bà], giúp ông bà mọi thứ như nấu cơm, rửa bát và đặc biệt chú ý hơn đến việc học. So với trước đây thì việc học của con bây giờ tiến bộ hơn, con đứng đầu lớp. Đối với các bạn trong lớp con cũng cư xử tốt hơn. Trước con cũng nghiện facebook, lên face để tham gia chửi



n nhau và nói lời thô tục, nay con không còn nữa và con cũng đóng face luôn vì con thấy không cần thiết nữa, chỉ làm mình tiêu tốn thời gian. Trước đây khi thấy cô giáo la rầy mình cứ nghĩ là thầy cô muốn đim mình xuống, còn bây giờ con hiểu thầy cô nói là để cho mình tốt hơn [...]. Những bài học Phật pháp làm con thay đổi là Luật Nhân quả và lịch sử cuộc đời Đức Phật. Đức Phật từ bỏ ngai vàng và vượt qua nhiều gian khổ để vươn lên một tâm cao mới thì tại sao mình lại không làm được” (Kết quả PVS một TTN nữ, 15 tuổi).

“Đối với Đức Phật, Ngài có thật hay không là không quan trọng. Điều quan trọng Ngài là người tốt và giúp người khác tốt nên mình phải học theo Ngài, nên con rất tin. Ngài đã ngồi thiền dưới gốc Bồ Đề 49 ngày đêm, còn con một ngày ngủ nhiều hơn là học. Từ đó con cố gắng học hơn [...]. Con thích nhất là ngồi thiền. Vì lúc đó con kiểm lại mình để thay đổi. Có những lúc nhớ lại hồi học ở cấp 2, con bị bắt nạt và con cảm thấy rất căm thù những người bắt nạt mình, nhưng khi ngồi thiền con lại xuôi đi. Nhiều lúc muốn giữ lại cảm giác

câm thù nhưng khi ngồi thiền hoặc làm gì liên quan đến Phật pháp thì con cảm thấy nó vui đi [...]. Con cũng thích giờ học Phật pháp. Con có nghiệm ra Luật Nhân quả rất là hay. Ví dụ có ai đó làm cho con tức lên, làm tổn thương con. Lúc ấy, con biết nhìn lại mình, kiểm lại Luật Nhân quả, lúc đó con tức, con giận hay buồn bã 'bay' đi hết" (Kết quả PVS một TTN nam, 17 tuổi).

Đến đây có thể thấy, sự gắn kết giữa TTN với Đạo Phật còn tùy thuộc vào môi trường tu học. Khi TTN nhận thấy được những lợi ích từ việc tham gia SHTH sẽ phát sinh niềm tin và gắn kết với Đạo Phật.

NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Việc ban đầu TTN đến với Đạo Phật không hoàn toàn do tác động từ cha mẹ hoặc bạn bè. Một bộ phận TTN đến với Đạo Phật là xuất phát từ sự lựa chọn của chính các em. Mặc dù có một tỷ lệ nhất định do tác động từ cha mẹ hoặc bạn bè, nhưng đó chỉ là bước đầu, thời gian sau đó tùy thuộc vào môi trường SHTH. Dĩ nhiên, nếu cha mẹ có theo Đạo Phật thì cũng sẽ là yếu tố giúp các em gắn kết với Đạo Phật thường xuyên hơn nhưng sự tác động đó là không đáng kể. Phần lớn TTN lựa chọn Đạo Phật là duy lý, xuất phát từ nhận thức của chính các em. Yếu tố quan trọng để giúp cho các em nhận thức đúng về Đạo Phật, tìm thấy được lợi ích từ việc lựa chọn của mình lại nằm ở vai trò của các tự viện, mà cụ thể là Tăng Ni. Từ đó cho thấy việc xây dựng chương trình tu học dành cho TTN cần phải được chú trọng. Một điều phát hiện từ kết quả nghiên cứu là sự tác động của cha mẹ dường như chỉ nhằm mục đích cho các em sống tốt hơn, không có chứng cứ thể hiện sự tác động nhằm mục đích hướng các em đến một niềm tin tôn giáo. Dù cha mẹ có theo hay không theo Đạo Phật cũng khuyến khích các em đến chùa tham gia SHTH. Đây là một điều rất đặc biệt. Có lẽ Đạo Phật không đơn thuần là một tôn giáo mà còn là một khoa học và một triết lý sống như Tola & Dragonetti (2007) đã nhận định. Hay nói theo cách của một nhà nghiên cứu Phật học Việt Nam, Giáo sư Minh Chi (2003), "*Tâm quan trọng của tư tưởng Phật giáo là ở tính người của nó (nay thường gọi là tính nhân bản), thay vì tính thần thiêng liêng hay là siêu nhiên, mà các tôn giáo khác thường cho là đặc hữu của mình*".

Tóm lại, những gì được phát hiện qua nghiên cứu này vừa có những điểm phù hợp và không phù hợp với lý thuyết *Xã hội hóa tôn giáo* của E. Sherkat (2003). Sự ảnh hưởng của cha mẹ, tổ chức tôn giáo và bạn bè đến việc lựa chọn niềm tin của TTN là có cơ sở, nhưng cha mẹ không phải là tác nhân quyết định hoàn toàn và cha mẹ không áp đặt niềm tin của mình đối với con cái. Phát hiện qua nghiên cứu này cho thấy dường như vai trò của tự viện Phật giáo là quan trọng. Việc tự viện Phật giáo truyền tải được bản chất thật của Đạo Phật đã tác động đến nhận thức của các em, hình thành niềm tin ở các em, tạo thành chất keo để gắn kết các em với Đạo Phật. Cũng theo lý thuyết trên, chỉ con cái đã trưởng thành mới có khả năng tác động trở lại đối với niềm tin của cha mẹ. Kết quả nghiên cứu này cũng đã phát hiện sự tác động trở lại từ niềm tin vào Đạo Phật của TTN đối với cha mẹ dù các em chưa thực sự là người đã trưởng thành. Tuy nhiên, phát hiện này chỉ mang tính cá biệt, vì vậy cần được nghiên cứu ở một phạm vi rộng hơn. Nghiên cứu này chỉ mang tính chất khám phá, được tiến hành trong một phạm vi tương đối hẹp. Vì vậy, rất cần có những nghiên cứu thực nghiệm trên phạm vi rộng hơn để vừa đi vào kiểm nghiệm thực tế các lý thuyết nghiên cứu có liên quan vừa đánh giá một cách khách quan vai trò của Phật giáo đối với việc giáo dục đạo đức cho thanh thiếu niên.

Chú thích:

* Lê Tấn Lộc: NCS Phật học, Viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tài liệu tham khảo:

1. Dương Thị Diệu Hoa, Nguyễn Ánh Tuyết, Nguyễn Kế Hào, Phan Trọng Ngọ, & Đỗ Thị Hạnh Phúc (2012). *Giáo trình tâm lý học phát triển*. Nxb ĐH Sư phạm, tr.34-35.
2. Khamis, H. (2008). "Measures of association: how to choose?". *Journal of Diagnostic Medical Sonography*, 24: 155-162.
3. Minh Chi (2003). *Truyền thống văn hóa & Phật giáo Việt Nam*, Nxb Tôn giáo.
4. Nguyễn Hữu Tuấn (2010). Đạo Phật với tuổi trẻ để sống tốt hơn trong thế giới ngày nay. *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, 2, 21-29.
5. Phạm Thành Nghị (2016). (2016). *Tâm lý học giáo dục*. Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
6. Sherkat, D. E. (2003). Religious socialization: Sources of influence and influences of agency. In Dillon, Michele (ed), *Handbook of sociology of religion*, (pp.151-163). Cambridge: Cambridge University Press.
7. Tola, F. and Dragonetti, C. (2007). Buddhism: Science, philosophy, religion. *Pensamiento*, 63 (238): 713-742.

8 hoạt động bổ ích giữ năng lượng tích cực trong đại dịch



ĐD. Thích Không Tú*

Đại dịch COVID-19 đang tác động đến toàn thế giới. Đây không chỉ là một cuộc khủng hoảng mà còn là một biến cố lớn đối với nhân loại, ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế, thương mại, sức khỏe cộng đồng và an toàn xã hội. Tại Việt Nam, lần tái phát thứ 4, kèm theo dịch bệnh COVID-19 đang có những diễn biến hết sức phức tạp, nhất là khi có sự xuất hiện của biến chủng mới. Vì vậy, bên cạnh việc khẩn trương đưa vắc xin vào sử dụng trong cộng đồng, thì thực hiện giãn cách xã hội được xem là biện pháp song song được áp dụng để phòng, chống dịch theo Chỉ thị 15 và Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ.

Có thể nói, đại dịch COVID-19 đã gây ra những xáo trộn to lớn trong đời sống xã hội, làm đảo lộn cuộc sống của nhiều người, nhiều gia đình. Báo Tuổi trẻ số

ra ngày 28/5/2021 đã đăng bài phát biểu của Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, trong đó có đoạn: “Đại dịch COVID-19 đã và đang đe dọa an toàn - sức khỏe nhân dân ta. Xã hội bị xáo trộn, kinh tế bị ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt là với những người dân nghèo. Rất nhiều gia đình đã mất việc làm, hoặc thu nhập hết sức bấp bênh trong 1 năm rưỡi qua”.

Ngoài ra, có thể kể thêm đại dịch làm gián đoạn các hoạt động giáo dục đào tạo. Rất nhiều trường học ở tất cả các cấp phải đóng cửa. Việc học tập của học sinh, sinh viên cũng gặp không ít xáo trộn, lịch học, lịch thi trong năm học phải điều chỉnh liên tục... Hệ quả là tâm lý của học sinh, sinh viên bị ảnh hưởng tiêu cực. Trong bài viết này, chúng tôi chia sẻ đến bạn đọc một số hoạt động bổ ích, thiết

thực có thể làm trong thời gian giãn cách xã hội, phòng chống covid để vượt qua giai đoạn khó khăn này một cách nhẹ nhàng, tinh thức.

TRƯỚC HẾT, đại dịch là một sự thật đã và đang diễn ra khiến chúng ta vô cùng lo ngại. Nhưng tránh né không phải là cách, hãy đối diện với những lo sợ để tìm cách vượt qua

Nếu bạn đang cảm thấy buồn chán, căng thẳng, vô vọng, mất phương hướng, luôn suy nghĩ về những điều tiêu cực để rồi lo sợ hoặc tức giận. Tình trạng này trong khủng hoảng là điều bình thường, và để không rơi vào nguy cơ trầm cảm bạn hãy trò chuyện và chia sẻ với chuyên gia sức khỏe tâm thần hoặc ai đó mà bạn tin tưởng như quý Linh mục ở nhà thờ, quý Mục sư Tin lành hay quý Thầy quý Sư cô ở



Đại dịch COVID-19 đang tác động đến toàn thế giới. Đây không chỉ là một cuộc khủng hoảng mà còn là một biến cố lớn đối với nhân loại, ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế, thương mại, sức khỏe cộng đồng và an toàn xã hội. (Ảnh: sưu tầm)

các ngôi chùa. Bằng không, bạn cũng có thể tâm sự với bạn bè, đồng nghiệp, người thân yêu trong gia đình... Hãy nói với họ về mối quan tâm, cảm giác cũng như việc Covid-19 đang ảnh hưởng đến bạn như thế nào. Họ sẽ giúp bạn những lời khuyên để xử lý tình trạng này.

Không gặp nhau trực tiếp thì bạn hãy duy trì các mối quan hệ xã hội với những người thân yêu ngay tại nhà bằng cách gọi điện thoại, gửi email, tin nhắn, trò chuyện qua video và các nền tảng truyền thông xã hội. Hãy nhắc nhở bản thân rằng, dịch bệnh đã gây ra những xáo trộn không nhỏ trong đời sống xã hội, làm đảo lộn cuộc sống của rất nhiều người chứ không riêng gì bạn hay tôi. Và mỗi chúng ta đều có vai trò quan trọng trong việc chống lại đại dịch này.



Mỗi chúng ta đều có vai trò quan trọng trong việc chống lại đại dịch này. (Ảnh: internet)

THỨ HAI. Người xưa có dạy: “một tinh thần minh mẫn, trong một thân thể tráng kiện” tinh thần khỏe mạnh, cơ thể khỏe mạnh, tinh thần vui vẻ, lúc nào cũng lạc quan yêu đời. Vì thế hãy chăm sóc bản thân nhiều hơn trong thời gian này nhé

Trong thời gian giãn cách xã hội, hãy duy trì lối sống lành mạnh, bao gồm chế độ ăn, ngủ, tập thể dục, xem phim, nghe nhạc giải trí một cách hợp lý. Luôn nhớ rằng, thực hiện bất kỳ vận động nào ở nhà cũng đều tốt hơn là không làm gì cả, vì thế hãy vận động để rèn luyện sức khỏe về thể chất lẫn trí não cho bản thân mình. Thêm nữa, hãy liệt kê những cách bạn đã sử dụng trong quá khứ từng giúp bạn vượt qua khó khăn, và dùng những cách này để kiểm soát các cảm xúc tiêu cực của bản thân.

THỨ BA, trong trái tim mỗi người đều có một ngọn lửa thấp sáng, ngọn lửa đó là niềm khao khát cháy bỏng cho những ước mơ, hoài bão. Có biết bao điều chúng ta ấp ủ mà chưa làm được, hãy tận dụng thời gian này để thực hiện các dự định, công việc mình chưa làm

Phải ở nhà, hạn chế ra đường, hạn chế tiếp xúc với mọi người có thể khiến tinh thần bạn đi xuống. Điều này có thể khiến bạn ì ra, từ bỏ các hoạt động thường ngày. Đây là phản ứng rất thường khi gặp phải điều bất như ý. Tuy nhiên, nếu tình cảnh kéo dài bạn dễ rơi vào trạng thái ngưng hoạt động, trì trệ thật sự. Cho nên, khi gặp phải tình huống khó khăn, hãy tập trung vào những thứ bạn có thể thay đổi, chấp nhận những chuyện nằm ngoài sự kiểm soát và luôn

cố gắng sống bằng giá trị của bản thân mình. Hãy cố gắng tìm động lực để tham gia vào các hoạt động bạn yêu thích. Đó có thể là nghe một bài nhạc, đọc tiếp một cuốn sách còn dang dở; một môn học mình yêu thích; một kỹ năng mình còn thiếu; hay một ngoại ngữ mình cần bổ túc... Tất cả chúng sẽ giúp bạn khôi phục sức khỏe tinh thần và giữ cân bằng trong cuộc sống.

THỨ TƯ, tất cả kho báu trên trái đất này không thể nào sánh bằng hạnh phúc gia đình vì thế hãy quan tâm và chăm sóc gia đình nhiều hơn

Cuộc sống hằng ngày bận rộn, hối hả với công việc ngoài xã hội khiến nhiều người không có đủ thời gian chăm sóc cho mái ấm gia đình. Trong những ngày giãn cách xã hội, mọi sinh hoạt, công việc đều diễn ra dưới mái nhà chung đã khiến họ có cơ hội nhiều hơn cho gia đình; có thời gian gần gũi với cha mẹ, vợ chồng, con cái... Những việc vốn bình dị nhưng trong ngày thường bạn rộn, không phải ai cũng có thể làm được. Ban đầu có lẽ bạn sẽ gặp rắc rối về vấn đề cân đối quỹ thời gian dành cho công việc và thời gian gia đình, nhưng tôi tin những xáo trộn sẽ nhanh chóng được sắp xếp theo trật tự mới với sự hỗ trợ, chung sức của tất cả các thành viên.

Và bạn ơi, hãy thực hiện vai trò của mình để bảo vệ những người có nguy cơ lây nhiễm COVID-19 cao nhất. Tổ chức y tế khuyến cáo những người trên 60 tuổi hoặc những người đang mắc bệnh nền như phổi, tim mạch, đái tháo đường, các bệnh lý làm suy giảm hệ miễn dịch khác. Thứ đến



là trẻ em, nhất là trẻ em nhỏ, sức đề kháng còn kém, cũng cần quan tâm chăm sóc để phòng ngừa bệnh tốt hơn. Nếu trong gia đình mình có người bị cách ly, bạn hãy quan tâm đến họ nhiều hơn nhé, vì người bị cách ly có thể cảm thấy rất cô đơn, sự cô đơn khiến con người dễ suy sụp về thể chất lẫn tinh thần. Hơn bao giờ hết, lúc này hãy kết nối với họ thông qua mạng xã hội, điện thoại và trò chuyện trực tuyến; khuyến họ giữ vững tinh thần lạc quan, yêu đời. Sự quan tâm, động viên từ gia đình là điều tuyệt vời nhất để họ vượt qua khoảng thời gian căng thẳng này.



THỨ NĂM, những khó khăn trong cuộc sống là điều không thể tránh khỏi, việc cần làm là chọn cách thức để vượt qua. Hãy thực tập thiền định và sống trong chánh niệm để cảm nhận cuộc sống màu nhiệm và ý nghĩa hơn

Chúng ta dễ bị choáng ngợp trước cảm xúc, tâm trí luôn bận rộn. Việc chạy lòng vòng làm tâm trí của chúng ta không yên ổn, dễ stress. Thiền trong Phật giáo là một phương pháp rèn luyện tâm trí để tâm trí của ta sáng suốt và bình tĩnh hơn, trong cơ thể và trong cuộc sống. Hãy ngồi xuống và hít thở thật sâu, bắt đầu theo dõi hơi

thở vào ra, cho phép bản thân cảm nhận được sự bình yên. Bạn có thể dành một chút thời gian để nghĩ về tất cả những phẩm chất mà bạn yêu thích ở bản thân. Bạn cũng có thể nghĩ về một người thực sự yêu bạn, đó có thể là một đối tác, một người bạn hoặc thậm chí là một con vật cưng. Hãy nắm bắt thời điểm này và kết nối với lòng tốt của chính bạn. Khi bản thân ngập tràn những cảm giác yêu thương và biết ơn, bạn có thể bắt đầu chuyển những cảm xúc này sang người khác. Hãy nhớ đến một người nào đó trong cuộc sống của bạn khiến bạn dễ dàng yêu họ. Sau đó gửi một lời cầu chúc cho người

đó luôn khỏe mạnh sẽ là điều rất tuyệt vời trong thời gian này.

THỨ SÁU, càng hiểu biết càng thấy cuộc sống thật dễ dàng. Vì thế, hãy liên tục cập nhật các thông tin lây truyền covid-19 và các biện pháp bảo vệ cho mình và người thân

COVID-19 lây truyền chủ yếu từ người sang người. Phòng chống dịch bệnh là trách nhiệm chung của chúng ta. Hãy cập nhật thường xuyên nội dung các cụm từ 5K, 7K, các biện pháp phòng chống dịch bệnh,... và biến chúng thành thói quen mới trong sinh hoạt hằng ngày nhé



Không gặp nhau trực tiếp thì bạn hãy duy trì các mối quan hệ xã hội với những người thân yêu ngay tại nhà bằng cách gọi điện thoại, gửi email, tin nhắn, trò chuyện qua video và các nền tảng truyền thông xã hội.

(Ảnh: sưu tầm)

THỨ BẢY, khi trong lòng có tình người sẽ thấy cuộc đời rất ấm, khi trong tâm có Phật cuộc sống trở nên từ bi. Vì vậy hãy cùng cộng đồng chia ngọt sẻ bùi

Trước tiên là y bác sĩ, công an, bộ đội,... họ là những người chiến sĩ tuyến đầu chống dịch đã làm việc không biết mệt mỏi để cứu sống từng người bệnh trong giai đoạn dịch. Hãy luôn hỗ trợ và cảm ơn vì tất cả những công việc họ đang làm. Tiếp đến là những người yếu thế trong xã hội. Trong tình hình hiện nay, vắc xin phòng ngừa, các nhu yếu phẩm, trang thiết bị y tế và kinh phí phục vụ cho công tác phòng chống dịch đối với nhiều địa phương còn rất hạn chế. Vì thế, đồng bào chúng ta cùng “tương thân tương ái” hỗ trợ cơ quan chức năng, hỗ trợ bà con sớm vượt qua giai đoạn khó khăn của đại dịch. Việc giúp đỡ người khác về vật chất và tinh thần, cùng nâng cao ý thức kiểm soát cảm xúc cá nhân, vượt qua trầm cảm và lo lắng. Tìm những cách an toàn để cung cấp hỗ trợ xã hội cho người khác, điều này thể hiện tấm lòng, nghĩa cử cao đẹp của dân tộc Việt từ ngàn đời, rất đáng trân trọng.

THỨ TÁM, ngạn ngữ phương Tây có câu “một nửa ổ bánh mì vẫn là bánh mì nhưng một nửa sự thật thì không phải là sự thật”. Nếu cao tình thần cảnh giác trước thông tin thiếu chính xác về dịch bệnh

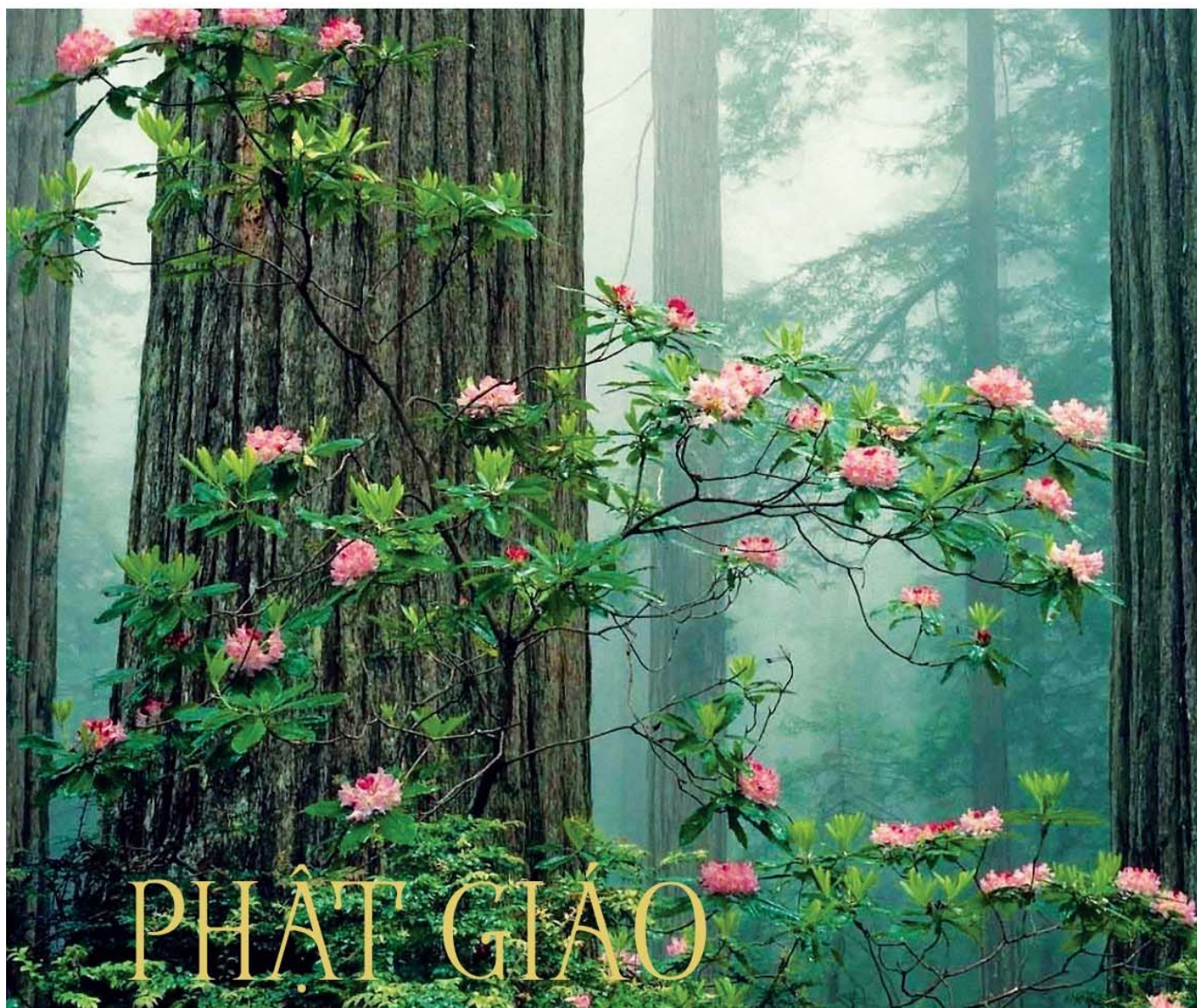
Trên mạng xã hội xuất hiện ngày càng nhiều những thông tin sai sự thật, thông tin chưa được kiểm chứng về dịch bệnh, gây hoang mang dư luận, tác động không nhỏ đến tâm lý, đời sống cộng đồng, có thể dẫn đến những hậu quả khôn lường. Người dân chúng ta cần tỉnh táo, thận trọng khi tiếp nhận các thông tin trên mạng xã hội, tránh tin, nghe theo những đồn đại vô căn cứ, thông tin chưa được kiểm chứng hoặc cơ quan chức năng chưa xác nhận; đồng thời tuyệt đối không chia sẻ những thông tin này đến gia đình, bạn bè hay người thân.

Cuộc sống luôn cho chúng ta cơ hội thứ hai đó gọi là ngày mai. Đại dịch một lần nữa nhắc chúng ta về Thông điệp bất hủ của Đức Phật: “Không có giai cấp trong dòng máu cùng đờ, không có giai

cấp trong giọt nước mắt cùng mặn. Tình thương là sợi dây nối liền người với người”. Bất kỳ ai ở bất cứ quốc gia nào, dù văn minh hay lạc hậu, Đông hay Tây, thành phần dân tộc, màu da, tình trạng khuyết tật, tuổi hay giới tính. Tất cả đều mong manh trước Covid-19, không quốc gia đơn lẻ hay cá nhân nào có thể một mình vượt qua. Chúng ta hãy cùng gắn kết, cùng nêu cao trách nhiệm xã hội, trách nhiệm cộng đồng, góp phần vào các nỗ lực chung vượt qua thách thức của đại dịch.

Hàng ngày, có nhiều quốc gia, nhiều người nhiễm bệnh đang tốt dần lên và hồi phục trước COVID-19. Vì thế chúng ta vẫn có thể tìm thấy mục đích sống của mình qua việc thực hiện tám hành động bồ ích trên để đồng hành cùng thế giới, các cơ quan chức năng trong nước chống lại đại dịch, vượt qua giai đoạn khó khăn này. Cầu chúc quý vị mạnh về thân thể, khỏe về tinh thần, cân bằng về đời sống để gia đình mãi hạnh phúc an vui.

* Đại đức - Tiến sĩ Thích Không Tú, Chùa Bửu Đà, TP. HCM.



PHẬT GIÁO

VĂN HÓA
& ĐỜI SỐNG

Chùa Hải Tạng trên đảo Cù Lao Chàm (Quảng Nam)



Đình Thị Toàn*

Đến nay chùa vẫn lưu giữ khá nguyên trạng
kết cấu kiến trúc, mỹ thuật. (Ảnh: sưu tầm)

Cù lao Chàm là một cụm đảo nhỏ nằm cách Cửa Đại khoảng 15km về phía Đông, thuộc địa giới hành chính của TP Hội An, tỉnh Quảng Nam. Thời nhà Nguyễn, cù lao này được lập làm xã Tân Hiệp, thuộc tổng Thanh Châu, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, nay đổi thành phường Tân Hiệp. Cù lao gồm 7 hòn đảo nhỏ được đặt tên là Hòn Mồ, Hòn Dài, Hòn Lao, Hòn Nhòn, Hòn Tai, Hòn Khô và Hòn Lá. Trong đó, Hòn Lao là nơi nằm xa đất liền nhất, có diện tích lớn nhất, cũng là nơi sinh sống chủ yếu của cư dân. Trên đảo nay có hơn 20 di tích (chùa, đình, miếu...) được xếp hạng và đăng ký bảo vệ, trong đó có 01 ngôi chùa và 02 Tịnh xá. Bài viết này giới thiệu về chùa Hải Tạng - một trong những công trình được xây dựng lâu đời nhất trên đảo và được xếp hạng di tích cấp quốc gia vào năm 2006.



Cù lao Chàm là một cụm đảo nhỏ nằm cách Cửa Đại khoảng 15 km về phía đông, thuộc địa giới hành chính của TP Hội An, tỉnh Quảng Nam. (Ảnh: Hữu Tiến)

NIÊN ĐẠI VÀ LẦN ĐẠI TRÙNG TU ĐẦU TIÊN

Chùa Hải Tạng nằm ở xóm Cẩm, thôn Bãi Làng, được dựng vào năm Cảnh Hưng thứ 19 (1758). Bia đá dựng năm đầu niên hiệu Tự Đức (1848) hiện còn ghi: “Vào năm thứ 19 niên hiệu Cảnh Hưng, bốn phường đồng tạo chùa Hải Tạng, nền móng mới mẻ, để lại vạn đời, bất ngờ vào tháng 9 năm trước bị gió lớn thổi khiến điện thờ bị sập. Đến nay kính chọn giờ lành ngày 11 tháng 3 năm Mậu Thân dựng cột thượng lương, trùng tu cựu tích. Bốn phường đều thành tâm tôn phụng, bỏ tâm trí sức lực để dựng lại, nền móng đã thành, tái tạo quy mô. Tuy cột kèo cũ nhưng việc trùng tu đã làm tăng thêm vẻ tráng lệ, mới mẻ”.

Lần trùng tu này được đông đảo quan viên lạc cúng như Thự Tổng đốc Bình Phú Liễu Trùng vương cư sĩ, Quảng Nam Thủy quân lĩnh quan binh Tôn Thất Sự, Phó quản cơ nhưng lĩnh Yên hộ Hồ Văn Hòa, Quảng Nam Tả cơ Chánh quản cơ Tôn Thất Hòa, Quảng Nam Tả thủy vệ Phó vệ úy Trần Đăng Điền,

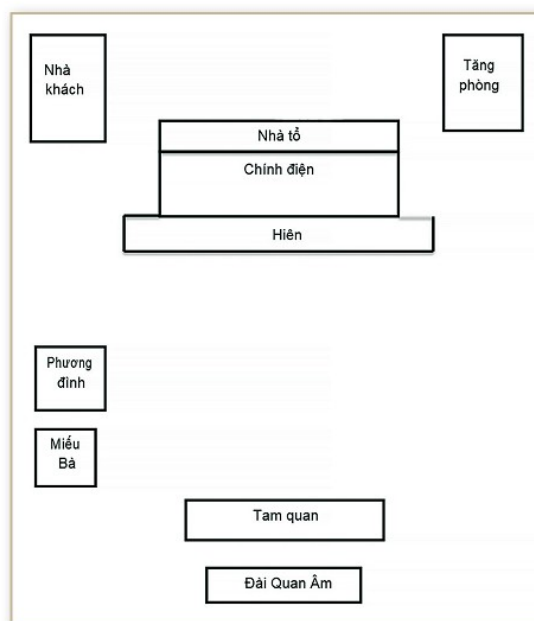
Quảng Nam Trung cơ Chánh quản cơ Nguyễn Tài... Có hơn 230 cá nhân, đơn vị quyên cúng, ngoài chức sắc, lý dịch bốn phường và người dân sở tại, còn có các công ty, tổ chức, các thiện tín nam nữ ở đất liền. “Nghĩ có hiền nhân quân tử, thiện nam tín nữ tôn sùng Phật đạo, chẳng dám lười biếng, lòng từ hỷ cúng, thiện duyên thêm dày phúc phần. Có tự này phục tu, tuy vốn chỉ một làng tạo nền móng cũ, nay trông nhờ vào thập phương mà viên thành, nên chẳng dám bỏ quên danh tính những người phụng cúng vậy” (Văn bia chùa).

CÁC HẠNG MỤC KẾT CẤU CÔNG TRÌNH

Tọa lạc trên khu đất cao ráo và rộng thoáng, mặt tiền chùa trông ra khoảng đất trống trũng thấp, lưng tựa vào núi. Phía trước có đài Quan Âm Nam Hải dựng trên mặt hồ vuông vức, nằm tách biệt với khuôn viên bên trong. Công tam quan vẫn giữ phong cách xưa với ba lối đi hình cuốn vòm, tam quan giữa tạo giả lầu hai tầng. Biển và câu đối trên công được đắp



Đài Quan Âm nằm trước cổng tam quan.



Sơ đồ các hạng mục công trình
chùa Hải Tạng

nổi bằng đại tự cả ở mặt trong và ngoài. Sư thầy trụ trì cho biết những câu đối chữ Hán này được giữ lại nguyên vẹn, không hề thay đổi.

Khuôn viên chùa không quá bề thế. Chánh điện nằm giữa khu đất, nhà tổ nối tiếp ngay sau chánh điện và có diện tích nhỏ hẹp. Phía tả chánh điện là tăng phòng, hữu là nhà khách nằm vuông góc. Tất cả đều là nhà cấp bốn mà không phải dựng tầng lầu như thường thấy ở các chùa trên đất liền. Ngay nhà khách cũng mới được dựng trong vài năm gần đây, chứ nguyên sơ chỉ có chánh điện và tăng xá. Một phương đình được dựng mới không lâu làm nơi dừng chân của du khách, cách khu nhà khách chừng 5m về phía trước. Gần phương đình có một miếu Bà nhỏ, thờ Ngũ Hành tiên nương.

ĐẠI HÙNG BẢO ĐIỆN

Chánh điện có diện tích khoảng 180m² nằm chính giữa khuôn viên chùa. Lầu chuông và lầu trống nằm hai bên tả, hữu hiền, dựng kiểu “trùng thiềm”, bên trong đặt trống và đại hồng chung. Riêng tượng Hộ pháp đặt ở nội thất mà không phải ở hai đầu hồi hiền như thường thấy ở đa phần chùa Quảng Nam. Nội thất chánh điện vững chãi, mang nét cổ kính nhờ kiến trúc gỗ với kết cấu chông rường giả thủ gần như giữ nguyên toàn bộ. Ba gian thờ đặt nhiều



Cổng tam quan chùa đầy rêu phong nhuốm màu thời gian. (Ảnh: sưu tầm)

lớp pháp tượng có niên đại khoảng thế kỉ XVIII - XIX. Đặc biệt, do nằm tách biệt ngoài biển, ít có sự giao lưu văn hóa thường xuyên, cộng với khó khăn trong xây dựng là một trong những nguyên nhân đưa đến việc bảo lưu kết cấu cũ, ít thay đổi về bố cục lẫn hệ thống di vật. Thậm chí, một vài kiểu cách bố trí tượng thờ có đôi chút khác biệt. Ví như sự xuất hiện của các tượng Quan Công, Châu Thương, Quan Bình không phải hiếm ở các chùa khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng, nhưng phối thờ bên trong chánh điện là điều ít thấy. Ngoài ra, có sự xuất hiện của tượng Ngọc Hoàng nằm ở gian chính giữa, phía trước tượng Đức Phật Thích Ca. Có thể nói, thiết chế tôn giáo này không chỉ thờ Phật mà còn thờ Thánh, Thần.

DI VẬT

Chùa hiện còn lưu giữ nhiều di vật có giá trị. Trước hết là bộ tượng Tam thế Phật, tôn trí ở gian chính giữa, ước đoán có niên đại vào thế kỉ XIX. Tất cả các tượng đều trong tư thế chân ngồi song bàn, tay kiết ấn ngửa lòng đặt trước bụng dưới, mắt mở. Ba tượng có kích thước khác nhau, trong đó tượng giữa lớn nhất với chiều cao 88cm, vai rộng 43cm; tượng bên tả cao 72cm, vai rộng 36cm, tượng còn lại cao 66cm, vai rộng 35cm. Tượng giữa làm bằng đồng, hai tượng còn lại bằng chất liệu gỗ. Ngoài ba tượng

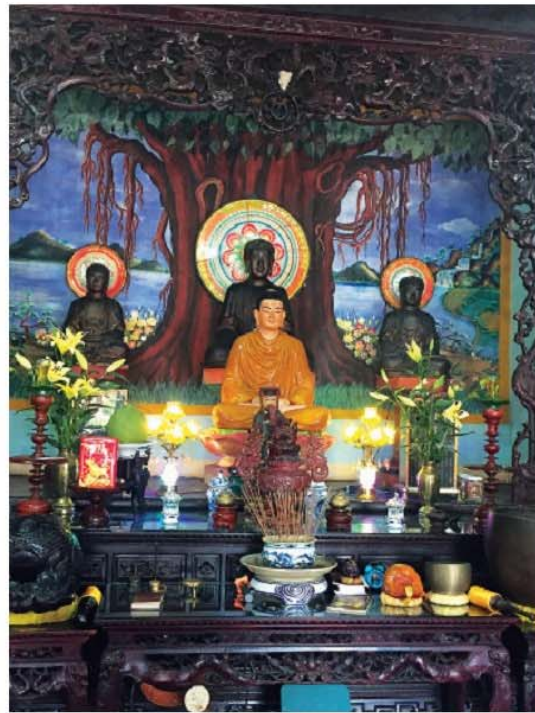
trên, còn có bộ ba tượng Quan Công, Châu Thương và Quan Bình, 02 tượng Hộ pháp và 01 tượng Địa Tạng có thể có cùng niên đại.

Vào năm Canh Dần (1830), dưới sự chứng minh của Hòa thượng Minh Giác, một đại hồng chung mới được chủ tạo. Chuông đáng thon dài, miệng loe, quai chuông hình hai con rồng đầu lưng vào nhau. Kiểu cách hoàn toàn giống với các chuông chùa khác có cùng niên đại ở Đà Nẵng như: Chùa Tam Thai (1826), chùa Hải Châu (1832); chùa Linh Ứng (1844), chùa Thanh Khê (1847), chùa Thái Bình (1849)... Chiều cao thân chuông là 85cm, quai cao 22cm, đường kính miệng 57cm. Thân chia làm 4 mặt khắc ghi địa điểm, thời gian chủ tạo, người chứng minh và một số dòng khấn nguyện "*Hoàng đồ vĩnh cố, để đạo hà xương, Phật nhật tăng huy, Pháp luân thường chuyển*". Tất cả đều bằng chữ Hán. Đến nay, các sư tăng vẫn sử dụng chuông này trong pháp sự của chùa.

Nằm về hai tường đầu hồi chánh điện, hai bia đá có kích thước tương đương nhau (cao 110cm, rộng từ 80 - 90cm) được gắn trực tiếp vào tường. Bia hình chữ nhật đứng, vát góc hai bên, giạt cấp và có trang trí hoa văn. Chữ trên bia khắc cạn, lòng bia có dấu hiệu mòn mờ. Cả hai bia đá đều có niên đại vào năm đầu niên hiệu



Chánh điện chùa. (Ảnh: sưu tầm)



Tượng thờ ở gian giữa chánh điện



Bộ ba tượng Quan Công,
Châu Thương, Quan Bình



Đại hồng chung
đúc năm 1830

Tự Đức, dừng sau khi chùa tiến hành trùng tu với mục đích ghi rõ phương danh những người đã tâm thành hỷ cúng tiền bạc cho nhà chùa. Ngoài các di vật trên, chùa còn lưu giữ 5 bức hoành phi có niên đại từ thời Tự Đức trở về sau. Khác với nhiều nơi khác thường làm mới và thay thế hoành phi, liễn đối, chùa Hải Tạng vẫn giữ các di vật này và đặt nguyên vị trí ở chánh điện như một sự mặc định đây chính là bảo vật của cổ tự.

ĐỊA ĐIỂM THAM QUAN TRANG NGHIÊM

Nằm trong tuyến tham quan của du khách khi đến với cù lao Chàm, với số lượng khách du lịch đến thăm viếng đông đảo, nhưng không khí ở Phật tự không hề ồn ào, xô bồ. Chùa chuẩn bị sẵn áo lam lẫn váy dài nếu khách nữ mặc áo quần không phù hợp với nơi tôn nghiêm, tất cả đều được gấp gọn gàng trước và sau khi sử dụng, đặt ở một góc của hiên. Ý thức được tâm lý nguyện cầu của đa phần khách khi đến đây, các đạo hữu ở chùa thường chủ động giảm bớt

nhang ở các lư hương sau khi khách rời khỏi nhằm hạn chế khói. Những đồng tiền được đặt ở ban thờ hoặc tôn tượng được thu hồi ngay và đưa vào hòm công đức. Các quầy bán hàng ở phía trước cổng rất trật tự và không hề lớn tiếng lôi kéo du khách. Đặc biệt, du khách sẽ ngạc nhiên khi thấy không chỉ chùa mà trên toàn bộ các công trình tín ngưỡng tâm linh khác cùng với nhà dân, không hề xuất hiện rác thải ni lông. Thay vào đó, cách quãng vài mét sẽ có thùng đựng rác có phân loại đặt sát vệ đường và trong vệ tham quan ở đây, chính quyền đã tính vào chỉ phí quản lý và bảo vệ môi trường để nâng cao chất lượng phục vụ, nêu cao ý thức bảo vệ di sản văn hóa và môi trường tự nhiên. Chính những điều này làm nên sự đặc biệt khó có được ở hòn đảo cù lao Chàm.

Ấn tượng của chúng tôi khi đến nơi này có lẽ chính là nét cổ kính ít pha trộn của kiến trúc chùa và sự mộc mạc, giản dị trong cách tiếp đón, khiến mỗi một người bước vào cổng cũng phải ghi nhớ:

萬古慈悲觀自在
一心清淨見如來

*Vạn cổ từ bi quan tự tại,
Nhất tâm thanh tịnh kiến Như Lai.*

Giống như câu đối này khắc ở cổng tam quan như một lời nhắc nhở vậy.

* Thạc sĩ Đinh Thị Toan, Nhà Trưng bày Hoàng Sa, TP. Đà Nẵng.

Giới thiệu bộ tượng quý hiếm tại Bảo tàng Văn hóa Phật giáo chùa Quán Thế Âm



Trần Trung Sáng

Bảo tàng Văn hóa Phật giáo. (Nguồn: danangfantasticity.com)

SỰ RA ĐỜI CỦA BẢO TÀNG VĂN HÓA PHẬT GIÁO

Bảo tàng Văn hoá Phật giáo (BTVHPG) đầu tiên của Việt Nam được hình thành ngay trong khuôn viên chùa Quán Thế Âm (Đà Nẵng), khánh thành và đón khách từ 24/12/2015. Bộ sưu tập của BTVHPG được hình thành và bổ sung liên tục qua ba đời trụ trì, gồm nhiều hiện vật phản ánh di sản văn hóa Phật giáo của Việt Nam và châu Á. “Có được bộ sưu tập hiện vật và không gian trưng bày như hôm nay đối với chùa Quán Thế Âm như một phép màu, khi sự phát nguyện được tôn trí nhiều vị Phật và Bồ tát trong mười phương, ba đời để trấn bảo Sơn môn và gìn giữ di sản văn hóa Phật giáo cũng là di sản quý giá của dân tộc cho muôn đời sau”, Thượng tọa Thích Huệ Vinh chia sẻ.

Về quá trình thành lập bảo tàng, cũng theo Thượng tọa: “Khoảng năm 2011, anh Hà Phước Mai, nguyên là Giám đốc Bảo tàng Đà Nẵng cùng PGS. TS Đặng Văn Bài, nguyên Cục trưởng Cục Di sản Văn hóa và các chuyên gia từ Hà Nội vào miền Trung nghiệm thu cổ vật tàu đắm. Nhân dịp này anh Mai đã giới thiệu bộ sưu tập hiện vật văn hóa Phật giáo của chùa Quán Thế Âm với các nhà chuyên môn. Ngạc nhiên trước sự đa dạng và phong phú của bộ sưu tập, các chuyên gia trong đoàn đã gợi ý nên thành lập một BTVHPG đặt tại chùa với sự hỗ trợ chuyên môn của Bảo tàng Đà Nẵng. Sau đó, khoảng 500 hiện vật thuộc sưu tập đã được lập danh mục, thẩm định và tiến hành nghiên cứu sơ bộ với sự hỗ trợ của Hội đồng Giám định Cổ vật thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gồm :TS Phạm Quốc Quân, TS Nguyễn Đình Chiến, phối hợp với Bảo tàng Đà Nẵng. Đến cuối năm 2014, UBND TP Đà Nẵng có Quyết định thành lập BTVHPG tại chùa Quán Thế Âm. Đây được xem là BTVHPG đầu tiên ở Việt Nam”.

BỘ TƯỢNG PHẬT GỒM 8 PHO QUÝ HIẾM

Trong số hàng trăm hiện vật trưng bày tại bảo tàng, mỗi hiện vật đều có giá trị khác nhau với riêng một cơ duyên, một câu chuyện thú vị kèm theo. Tuy nhiên, theo TT. Thích Huệ Vinh, nếu được giới thiệu một bộ tượng quý hiếm nhất, có thể ví như bảo vật quốc gia, đó là nhóm 8 pho tượng Phật: “Tôi có dịp thăm một số bảo tàng của nhiều nước trên thế giới, đặc biệt ở châu Á ... nhưng chưa từng thấy những pho tượng tương tự. Tôi cũng tham khảo ý kiến của nhiều nhà chuyên môn về chúng, hầu hết đều thừa nhận là chưa từng gặp loại hợp kim như thế. Với cảm nhận riêng của tôi khi tìm hiểu, nghiên cứu về tượng Phật, tôi thấy rằng một tượng Đức Phật cầm xương chuỗi; một vị cầm chày kim cang có thể thuộc về Kim cang thừa... đó có thể là Đức Thích Ca Mâu Ni, Đức A Di Đà, Đức Phật Kim cang... Tôi nghĩ rằng, đây là tài sản rất quý, không chỉ của



Thượng tọa Thích Huệ Vinh và nhóm tượng Phật bằng hợp kim trong sưu tập của BTVHPG.

BTVHPG mà còn ở Việt Nam... Hy vọng các cấp thẩm quyền sẽ quan tâm và thẩm định giá trị của nhóm tượng này, tiến tới công nhận là bảo vật quốc gia nếu nhóm tượng hội đủ các tiêu chí theo quy định nhà nước về Luật Di sản”.

Nguồn gốc nhóm tượng Phật quý hiếm

Nhóm tượng Phật trên vốn thuộc sưu tập của Linh mục Nguyễn Trường Thăng (1942-2018), do linh mục sưu tập từ giáo dân Trà Kiệu và không nằm trong sưu tập của nhà thờ Trà Kiệu. Sau này đã được anh Trần Xuân giới thiệu và giúp thỉnh về bảo tàng.

Nhóm tượng Phật qua góc nhìn chuyên môn và nghệ thuật

Sau khi nghe câu chuyện về nhóm tượng Phật được đạo tại BTVHPG, chúng tôi đã gặp nhà nghiên cứu lịch sử nghệ thuật Trần Kỳ Phương để tìm hiểu thêm. Về chuyên môn, trong nhóm tượng này, tác phẩm được quan tâm nhất là pho tượng thể hiện Bồ tát Trí Huệ Ba-la-mật (Prajnaparamita). Ngài là vị Bồ tát rất nổi tiếng trong kinh điển Phật giáo Đại thừa Mật tông, tượng trưng cho trí tuệ giải thoát. Hình tượng Ngài xuất hiện vào khoảng thế kỷ V ở Ấn Độ. Tại Đông Nam Á, tượng Bồ tát Trí Huệ Ba-la-mật được tôn thờ khá phổ biến từ thế kỷ IX trở đi. Riêng ở Campuchia, vào thời Angkor, Ngài rất được hoàng gia Khmer sùng bái. Nhiều tác phẩm thể hiện



Pho tượng Bồ tát Trí huệ Ba-la-mật, thuộc phong cách nghệ thuật Khmer Bayon thế kỷ XII-XIII, trong sưu tập của BTVHPG.

hình tượng Bồ tát Trí Huệ được chế tác vào thế kỷ XII-XIII là thời hưng thịnh nhất của đế chế Angkor.

Theo nhà nghiên cứu, nếu nhóm tượng này được phát hiện tại Trà Kiệu thì nhiều niên đại lịch sử của vương quốc Champa cần được suy xét. Hai vương quốc Champa và Khmer từng xảy ra chiến tranh dưới triều vua Jaya Harivarman, trị vì khoảng năm 1157, theo một bi ký dựng tại Mỹ Sơn. Năm 1177, thủ phủ Angkor bị người Chăm chiếm đóng; sau đó người Khmer tấn công cảng thị Champa tại Quảng Trị để phục thù, rồi tiến chiếm Amaravati ở Quảng Nam và Vijaya ở Bình Định. Từ năm 1190, người Khmer dưới triều vua Jayavarman VII đã xâm chiếm Champa trong vòng 30 năm. Nhiều pho tượng Bồ Tát Quán Thế Âm bằng sa thạch của thời Angkor được phát hiện tại Quảng Trị và nhiều nơi khác ở miền Trung.

Vào đầu thế kỷ XX, các học giả Pháp đã phát hiện tại Trà Kiệu một pho tượng Bồ tát Quán Thế Âm tỏa quang (Radiant Lokeshvara) bằng sa thạch, có niên đại thế kỷ XII-XIII. Năm 2019, TS William Southworth và nhà nghiên cứu Trần Kỳ Phương đã công bố một nghiên cứu về pho tượng này trong mối quan hệ ngoại giao và văn hóa giữa Champa và Khmer. Vì vậy, việc phát hiện nhóm tượng thuộc Phật giáo Mật tông của Khmer bằng đồng tại Trà

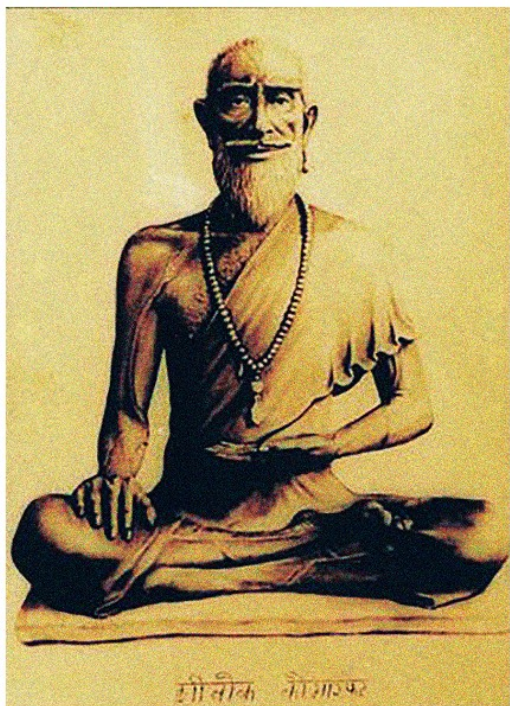


Pho tượng Quán Thế Âm tỏa quang, phong cách nghệ thuật Khmer Bayon, sa thạch, thế kỷ XII-XIII, phát hiện tại Trà Kiệu. Hiện bảo quản tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Hà Nội.

Kiệu có thể xem là sự kiện quan trọng để nghiên cứu lịch sử và nghệ thuật của hai vương quốc cổ này.

Tuy nhiên, sự thẩm định tính nguyên bản của nhóm tượng là việc làm thiết yếu để phục vụ cho sự nghiên cứu. Theo nhà nghiên cứu Trần Kỳ Phương, lịch sử nghệ thuật Đông Nam Á ghi nhận nhiều trường hợp các pho tượng quý thường được phục chế vào các thời kỳ sau để phục vụ việc thờ tự. Gần đây, TS Martin Porkinghorne của Đại học Flinder ở Úc đã công bố một nghiên cứu về pho tượng Phật bằng đồng mang phong cách thời Angkor Bayon thế kỷ XIII nhưng được phục chế lại vào thế kỷ XVII để thờ trong một ngôi chùa ở Siem Reap (Campuchia), dựa vào sự xét nghiệm và phân tích hợp kim đúc tượng khác nhau giữa hai thế kỷ XIII và XVII. Vì thế, việc xét nghiệm khoa học để phân tích chất liệu cho những pho tượng Phật hiếm quý bằng hợp kim thuộc sưu tập của BTVHPG là cần thiết.

Người thầy thuốc của Đức Phật



Bác sĩ của Đức Phật, Jivaka Komārabhacca, trong một tư thế yoga. (Ảnh: firstvietnam.vn)

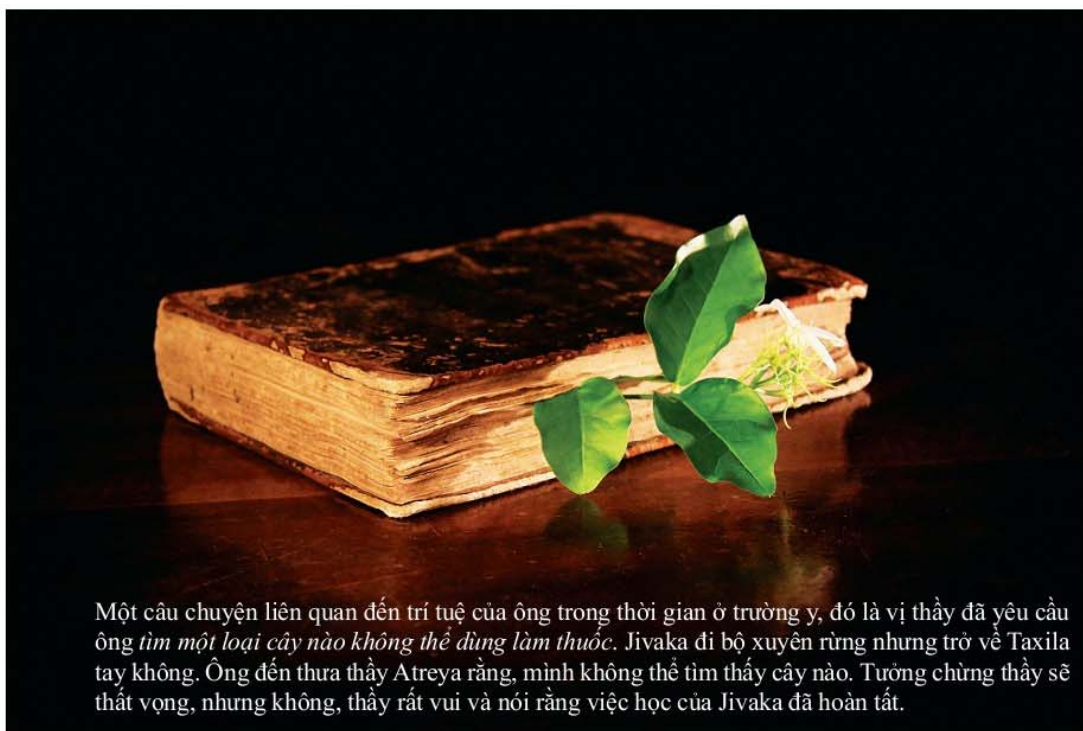
Cao Huy Hóa



Có thân ắt có bệnh; con người có bệnh thì tự chữa hoặc có nhu cầu được chữa, do đó ngành y ra đời rất sớm, từ khi con người hợp quần thành xã hội. Thời Đức Phật tại thế, ngành y đã phát triển, có trường dạy y khoa và nhiều thầy thuốc giỏi, trong đó Jivaka Komārabhacca là một vị danh y điển hình.

Tương truyền, hoàng tử Abhaya - con của vua Bimbisāra, nước Magadha - đang cưỡi ngựa trong thành phố thì nhìn thấy đàn quạ lượn vòng và kêu lớn quanh một đứa nhỏ. Dừng xe ngựa lại, hoàng tử thấy một bé trai sơ sinh bị bỏ lại giữa đồng rác bên vệ đường. Qua tìm hiểu, ông biết rằng đó là con rơi của một người kỹ nữ tài sắc đã lầm lỡ trao thân. Hoàng tử Abhaya thương xót cho em bé sơ sinh vẫn còn bám vú sự sống, ông quyết định nhận nuôi đứa bé như con mình, mặc dầu nó xấu xí. Đứa bé được đặt tên là *Jivaka Komārabhacca*, Jivaka có nghĩa là “cuộc sống” và Komārabhacca là “được nhận nuôi bởi một hoàng tử”.

Sau này, khi biết thân phận bị bỏ rơi, Jivaka nguyện sẽ trở thành người bảo vệ sự sống. Jivaka quyết định đến học tại học viện y khoa nổi tiếng Taxila của nước Gandhāra. Chương thứ tám trong *Mahavagga* (Đại Phẩm) của *Vinaya Pitaka* (Tạng Luật) kể nhiều chi tiết về cuộc đời của Jivaka. Ông là đệ tử giỏi nhất của thầy thuốc Atreya, người sở hữu một năng lực xem mạch bệnh nhân tuyệt vời và thực hiện các hoạt động chữa bệnh phức tạp. Atreya cũng là một bậc thầy xuất chúng trong khoa thảo dược của học viện Taxila cổ đại. Ngày nay, Taxila là một địa điểm khảo cổ quan trọng ở Punjab, nước Pakistan. Jivaka hoàn thành bảy năm học đầu tiên dưới thời Atreya. Một câu chuyện liên quan đến trí tuệ của ông trong thời gian ở trường y, đó là vị thầy đã yêu cầu ông tìm một loại cây nào không thể dùng làm thuốc. Jivaka đi bộ xuyên rừng nhưng trở về Taxila tay không. Ông đến thưa thầy Atreya rằng, mình không thể tìm thấy cây



nào. Tưởng chừng thầy sẽ thất vọng, nhưng không, thầy rất vui và nói rằng việc học của Jivaka đã hoàn tất. Từ đó, Jivaka chữa bệnh cho rất nhiều người, bất kể giàu nghèo hay theo tín ngưỡng tâm linh nào.

Jivaka là thầy thuốc của Đức Phật. Tương truyền, Đức Phật không muốn ông trở thành tu sĩ mà muốn ông tiếp tục chữa bệnh với tư cách một đệ tử cư sĩ của Ngài. Jivaka là người đã gợi ý Đức Phật cho phép các nhà sư chấp nhận áo choàng may sẵn. Cho đến thời điểm đó, Đức Phật đã mặc áo choàng *pamsukula* (may từ vải vụn lấy trong nghĩa trang hoặc cơ sở hỏa táng), điều này đúng với tinh thần tu sĩ Phật giáo nhưng có hại cho sức khỏe. Jivaka chăm sóc những nhà sư này và hiểu rằng nguyên nhân thực sự của bệnh đến từ việc mặc vải không hợp vệ sinh lượm từ các nghĩa trang. Có lẽ vì lo ngại về sức khỏe mà Jivaka đưa ra đề nghị này, ông đã trở thành cư sĩ đầu tiên cung cấp áo choàng hoàn chỉnh cho các nhà sư.



Tranh vẽ về sự tích Jivaka dâng thuốc cho Đức Phật chữa bệnh dạ dày.
(Ảnh: firstvietnam.vn)

PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

Có lần được vua Pajjota tặng một tấm vải, Jivaka đã cúng dường Đức Phật tấm vải này và thỉnh nguyện Ngài cho phép các nhà sư mặc áo choàng do cư sĩ tặng. Khi nhận tấm vải, Đức Phật đã khích lệ Jivaka qua một bài pháp. Ngay sau khi thuyết pháp, Đức Phật tập hợp đệ tử lại và nói: “Các Tỷ-kheo! Ta cho phép mặc áo choàng do Phật tử cúng dường. Ai thích mặc áo choàng *pamsukula* thì cứ mặc; Ai thích mặc áo choàng cúng dường thì cứ mặc. Các thầy thích áo này hay áo kia, ta đều chấp nhận”.

Mahavagga cũng ghi lại Đức Phật gợi ý nhiều loại thuốc chữa bệnh. Chẳng hạn, khi các đệ tử đang mắc bệnh trở trời về mùa thu, gây ra nôn mửa, Đức Phật khuyên họ nên chuyển sang chế độ ăn kiêng các thứ như: chất béo, bơ loãng, dầu, mật ong và mật đường. Ai đau đầu thì được khuyên bôi bột lá thuốc lên đầu hoặc qua mũi bằng cách hút tẩu thuốc. Ai bị viêm khớp thì nên được xoa bóp bằng dầu thơm. Những người đồ mồ hôi liên tục có thể thử bốn biện pháp: Ngủ trên lá của nhiều loại cây khác nhau để hấp thụ mồ hôi; đắp cát và đất; xoa dầu trên cơ thể; lau cơ thể với khăn ẩm thấm nước của nhiều loại lá nhiệt đới khác nhau để ra mồ hôi hoặc làm dịu cơ thể với nước nóng.

Đức Phật cũng đề nghị nhiều nguyên liệu dùng để chế biến thuốc. Những thứ này bao gồm các sản phẩm động vật, rễ từ rau và trái cây như *terminalia chebula*, gừng, trái cây, rau, hạt tiêu, ớt, cũng như muối biển, muối đen, muối hạt và muối tinh. Ngài khuyên người bệnh dùng mật đường và uống nước sạch. Mặc dù, nhiều mật hàng được đề nghị có thể không dùng làm thuốc thời nay, nhưng chúng vẫn sử dụng trong các hệ thống y học cổ truyền và đưa vào các môn học địa phương của Ayurveda.

Trong *Mahavagga*, các loại thuốc kể trên hầu hết được khuyên dùng cho các nhà sư. Vào thời cổ đại ở Ấn Độ, có nhiều chứng bệnh phổ biến, tất nhiên là cả ở trong những người xuất gia, như: bệnh phong, loét, chàm, bệnh về tiêu hóa và động kinh. Phần lớn các giải pháp y tế đề cập trong *Mahavagga*, được thiết kế chủ yếu cho các vấn đề về vệ sinh da hoặc dạ dày, máu và dịch cơ thể.

Ngày nay, có thể chúng ta chưa biết nhiều về danh y Jivaka của Đức Phật, nếu không tiếp cận với nguồn kinh tạng Phật giáo nguyên thủy. Tuy thế, chúng ta quen thuộc với câu chuyện sau đây về thọ nhận thực phẩm của các nhà sư, chính thầy thuốc Jivaka là người đặt vấn đề, từ đó Đức Phật có bài pháp. Đó là *kinh Jivaka*, bài kinh số 55, trong Trường Bộ kinh (Hòa thượng Thích Chơn Thiện giới thiệu nội dung).

“Cư sĩ Jivaka nghe dư luận về Thế Tôn rằng: “Vì Sa-môn Gautama, họ giết các sinh vật. Và, Sa-môn Gautama tuy biết thế vẫn dùng các loại thịt được giết vì mình”. Jivaka xin được nghe lời dạy của Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy: ‘Ta nói trong ba trường hợp, thịt không được thọ dụng: thấy, nghe và nghi (vì mình mà giết). Vị Tỷ kheo thọ dụng các món ăn khát thực với tâm không tham trước, không tham đắm, không đam mê, thấy rõ các tai họa, ý thức rõ rệt sự xuất ly’.



Tượng Jivaka tại ngôi đền quốc gia Thái Lan (Wat Phra Kaew).
(Ảnh: Dr. Salguero)



Ai vì Như Lai hay đệ tử Như Lai mà giết hại sinh vật, thì người ấy rơi vào 5 nguyên nhân làm phi công đức:

- Ra lệnh bắt con thú đến;
- Con thú bị lỗi, kéo đau khổ;
- Ra lệnh giết con thú;
- Con thú đau đớn lúc bị giết;
- Cúng dường thịt như thế là phi công đức, phi pháp”.

Hòa thượng Thích Chơn Thiện đã có lời bàn thêm: *“Thời Đức Phật tại thế, các vị Tỳ kheo độ nhật bằng phương tiện khát thực; người đời có thức ăn nào thì cúng loại thức ăn ấy, bao gồm cả các loại thịt. Do đó mới có một số dư luận trên, như cư sĩ Jivaka báo lại, đặc biệt là trong các trường hợp các gia chủ cúng thỉnh độ trai tại tư gia. Hẳn là trong các trường hợp biệt thỉnh, các vị Tỳ kheo cũng đã chỉ*

bày cho các gia chủ như thế nào là cúng dường đúng pháp, thế nào là phi pháp. Phần tự thân, các vị Tỳ kheo biết thọ trai vừa chế ngự lòng dục đối với các thức ăn thượng vị, biết thọ dụng đúng pháp”.

Ngày nay, tại nhiều nước châu Á theo Phật giáo, vị danh y Jivaka được xem như là tổ sư của thầy thuốc cổ truyền. Chân dung của ông được tạc tượng, họa và thờ ở nhiều nơi tại Thái Lan.

Tài liệu tham khảo:

1. BD Dipen; The Story of Jivaka, the Buddha's Personal Physician; Buddhistdoor Global, 1/11/2019.
2. Thích Chơn Thiện; Bài kinh số 55: Kinh Jivaka; Tìm hiểu Trung Bộ Kinh, Tập 1, 2, 3.
3. Minh Đức Triều Tâm Ảnh; Thần y Jivaka Komārabhacca; Một cuộc đời, một vầng nhật nguyệt, quyển 2.

Ngon gió đồng mùa hạ



Mai Hoàng

Tôi trở về quê vào một ngày mùa hạ nắng nóng như thiêu như đốt, gặp lại người bạn thuở thiếu thời còn chân trần, đầu đội nắng lang thang khắp cánh đồng đi bắt châu chấu, cào cào. Bạn nắm tay tôi rung rung, thêm một mùa hạ nữa rồi nhưng tuổi thơ chúng mình đã lùi xa hơn hai mươi năm rồi. Bạn lại hỏi mình có nhớ năm tháng tuổi thơ không? Thú thật tôi đã định quên đi năm tháng tuổi thơ ấy khi mà bây giờ công việc hàng ngày ngập đầu cùng với những lo âu thường nhật cơm áo gạo tiền. Nhưng khi bạn hỏi, đầu tôi nhớ lại như in quãng thời gian tươi đẹp ấy. Mùa hạ tuổi thơ, nơi có những ngọn gió đồng mát lạnh tưới tẩm vào đời tôi ngọt lịm.

Quê tôi ở miền Trung gió Lào cát trắng. Trước nhà tôi, cánh đồng lúa mùa hạ vẫn rì rào hát ca, tỏa hương thơm mang theo vị mặn mòi hôi của người nông dân tần tảo một nắng hai sương. Cánh đồng óng vàng trĩu kịt, nặng bông mỗi khi mùa gặt về.

Tôi nhớ những đêm mùa hạ, cái nóng vẫn còn dư âm trong ngày sót lại hầm hập, nực nội, mấy chị em mang manh chiếu cũ ra ngoài bờ ao hóng gió. Gặp những đêm sao trời chỉ chít, mấy chị em ngước mắt nhìn lên bầu trời cao trở tài đoán sao. Kìa là chòm sao Thần Nông, và kìa là dải Ngân Hà lấp lánh. Con nóng rồi cũng bị loãng tan đi bởi làn gió đồng điệu kỳ mát rượi thổi vào. Suốt cả những năm tháng mùa hạ, chị em tôi đã ngồi bên nhau như thế với thật nhiều kỉ niệm đẹp.

Tôi nhớ những lần tôi đã ngủ quên trên cánh đồng, khi tôi mãi mê tìm mấy con châu chấu, cào cào với lũ bạn. Khi đó bầu trời dịu mát, mây che khuất nắng, tôi đã nằm sõng soài trên trạ cỏ mà ngủ ngon lành. Tôi nghĩ, đó hẳn là giấc ngủ êm ái, dịu dàng và khiến tôi nhớ nhất trong cuộc đời của mình. Xung quanh tôi, hương cỏ quyện lẫn hương bùn tạo nên một mùi hương ngai ngái mà dễ chịu biết nhường nào. Tất cả đều nhờ ngọn gió đồng mang theo và gửi

gắm du dương ru tôi ngủ. Tôi lại nhớ một mơ ước thuở thiếu thời, tôi ước có một chiếc thềm nhỏ lơ lửng chứa đám bạn và tôi mà bay trên cánh đồng lúa bao la, rong chơi với cơn gió đồng mát rượi. Đám bạn nói ước mơ đó hẳn là một trong những ước mơ trong trẻo và tinh khôi nhất của tuổi nhỏ. Tôi cười, lòng vui vợi đầy ấp thương yêu kỉ niệm.

Tôi cũng không bao giờ quên những mùa gặt mùa hạ. Đó là mùa cực nhất của nông dân nhưng là mùa nhiều màu sắc, mùa của yêu thương, của sự trân trọng và cố gắng. Mùa gặt ai nấy đều tất bật, rộn ràng chuẩn bị nào chấu liềm, quang giống, đòn gánh và dây buộc. Mùa gặt phải làm khẩn trương nếu không muốn bị lúa quá chín và bỏ lại sẽ bị những chú châu chấu cắn toí tã. Lên chín, lên mười tôi đã biết cầm chấu liềm cắt từng cây lúa. Dưới cái nắng cháy da cháy thịt, mồ hôi ướt sũng. Sẽ có những chập ngừng trong buổi gặt, mọi người cùng nhau lên bờ ngồi uống chút nước mát, ngả lưng tận hưởng làn gió đồng thổi qua. Chỉ một lần gió nhẹ thoảng qua thôi cũng đủ cho người nông dân “nạp” thêm năng lượng, tinh thần phấn chấn cho một ngày làm việc thật dài.

Những mùa hạ của tuổi ấu thơ tôi thật yên bình trên cánh đồng đầy gió. Thật kì lạ, khi nhớ về, bằng một cách nào đó đặc biệt tôi nhớ như in những trò chơi thuở nhỏ. Đám bạn của tôi đó, đứa nào đứa nấy tóc đều vàng hoe, da đen nhem vì cái nắng miền Trung

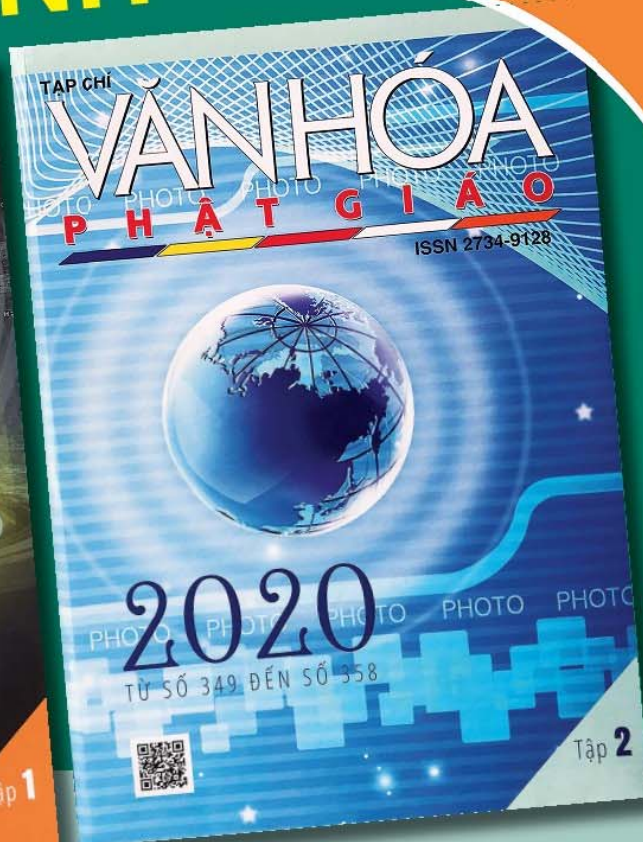
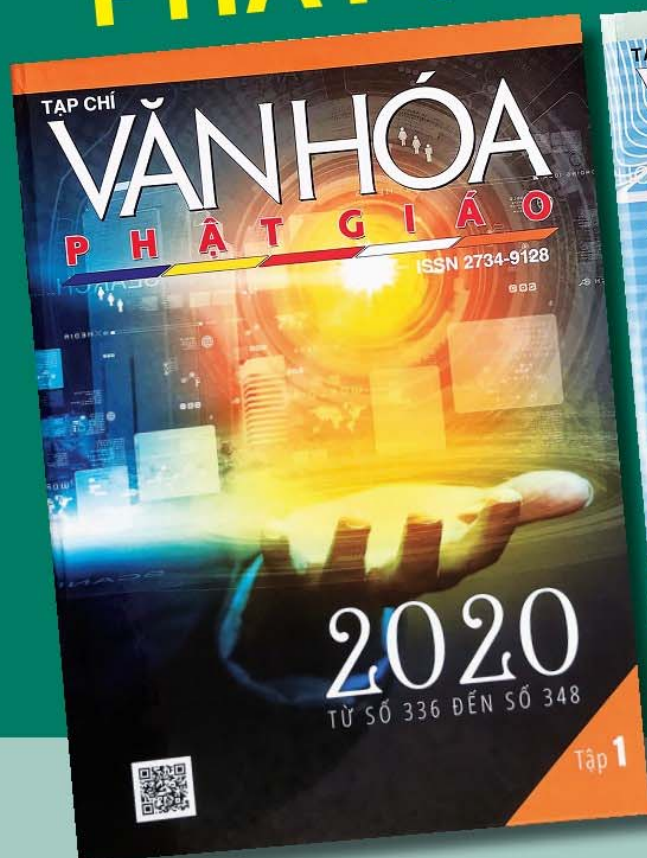
gay gắt. Mặc kệ nắng gắt, chúng tôi tung tăng ngoài đồng với trò chơi thả diều. Cánh diều tự chế được làm bằng tre, nứa và giấy vờ học trò. Cơn gió đồng thổi cánh diều bay cao, vi vu trên bầu trời xanh thẳm, lũ trẻ con vui mừng hò hét ầm ĩ, rồi lại tiu nghỉu khi gió lặng xuống, cánh diều chới vơi. Một lúc sau gió lại thổi, và cánh diều lại bay cao, niềm vui cứ thế nối tiếp cho bóng ngày cạn dần. Bỗng dưng giữa những dòng kí ức tôi lại nghĩ về thực tại, chợt chạnh lòng khi bầu trời quê, mỗi khi mùa hạ đến chẳng có cánh diều nào bay lên nữa. Trẻ con bây giờ cúi mặt vào smartphone, các thiết bị công nghệ thông minh mà chẳng đoái hoài gì đến những trò chơi dân gian như chúng tôi một thời. Không biết ngọn gió đồng có buồn không, còn tôi thì buồn lắm. Nỗi lòng cứ mênh mang, mênh mang...

Mùa hạ tuổi thơ của tôi, của những đứa trẻ từng sinh ra và lớn lên ở quê hẳn sâu trong ký ức có ngọn gió đồng thân thương quê nhà. Ngọn gió đồng mùa hạ đã gián tiếp nuôi nấng tâm hồn tuổi thơ, là hành trang vững chãi đưa chúng tôi đến với thế giới trưởng thành. Để khi tôi nhớ về lòng như được bao dung an yên, không vẩn vương sầu muộn như thuở tôi ước ngồi trên chiếc thềm bay giữa khung trời gió lồng...



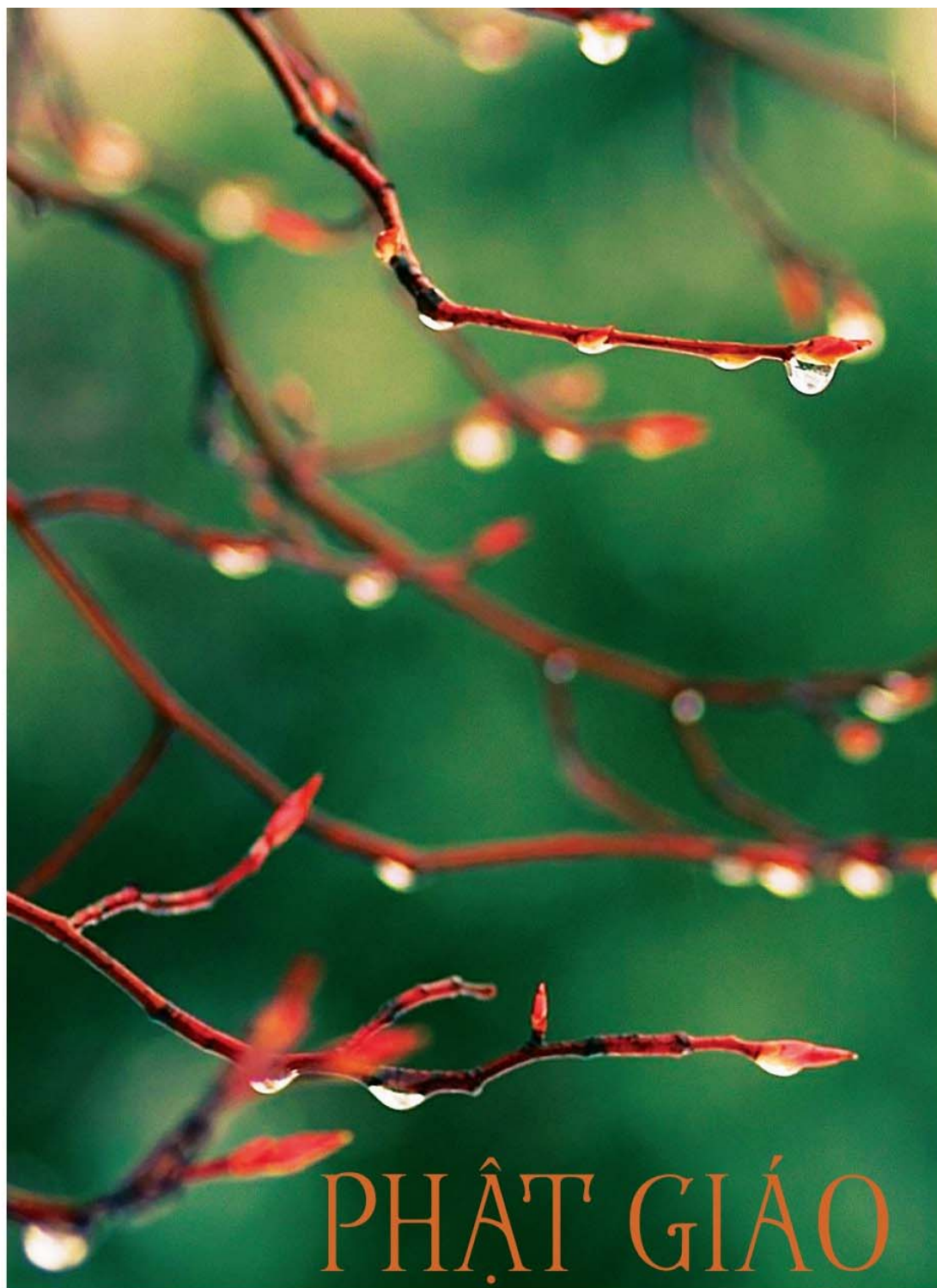
(Nguồn: vnphoto.net)

**ĐANG
PHÁT HÀNH**



**TẠP CHÍ VĂN HÓA PHÁT GIÁO
ĐÓNG BỘ TOÀN TẬP 1&2 NĂM 2020**

Quý độc giả có nhu cầu liên hệ Tòa soạn:
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 0932 850 969 (gặp cô Xuân)



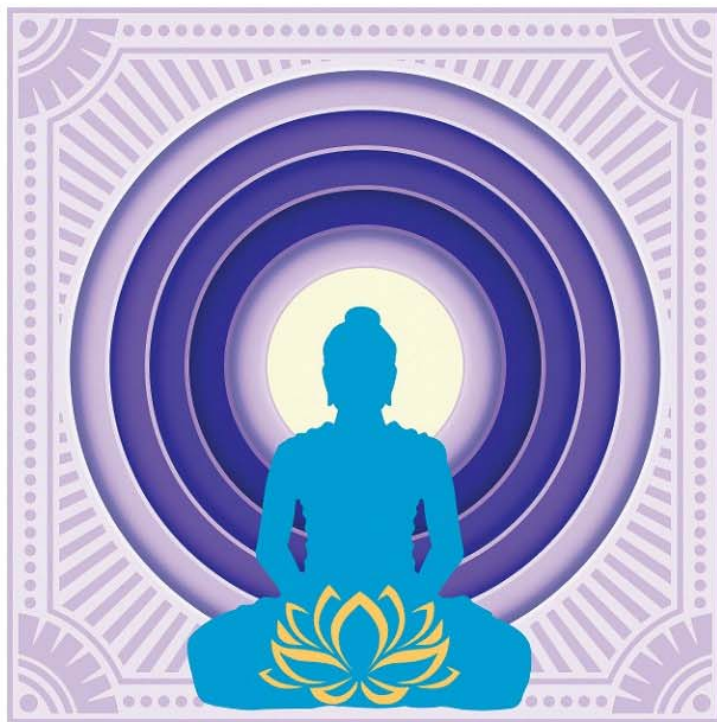
**KHOA HỌC
& TRIẾT LÝ**



Viên âm hạnh nguyện phổ lợi nhân sinh



ĐD. Thích Thiện Mãn*



Môi trường, giáo dục và bệnh tật đã và đang ảnh hưởng to lớn đến nhân loại, khiến nhiều người phải sống trong cảnh lo âu, nghèo túng. Trước những âm thanh khổ đau thống thiết của nhân sinh, hình ảnh Bồ tát Quán Thế Âm với hạnh nguyện từ bi lắng nghe khổ đau mà thị hiện, hóa độ chúng sanh đã tỏa ánh sáng an lành giữa nhân gian.

KHÁI NIỆM TỪ BI

Bi là tình thương bao la rộng lớn, thấy người ta đau khổ liền khởi tình thương từ tâm cứu giúp thoát khổ “bi năng bạt khổ”. Chính nhờ tình thương của từ tâm đó đã giúp con người tìm về cội nguồn an lạc, vươn lên sống một cuộc sống tốt đẹp hơn. Tâm từ chính là pháp lành, là tình thương lợi lạc cho tất cả chúng sanh “biến khắp một phương, thành tựu và an trụ. Cũng thế, hai, ba, bốn phương, tứ duy, thượng hạ, biến khắp tất cả, tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không sân, không nhuế, không náo hại, quảng đại, vô biên” [1]. Tình thương này không phải là tình cảm luyến ái mà Đức Phật từng dạy: “Này các Tỳ kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, câu

hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái” [2].

Trong kinh tạng Nam truyền (Pañca Nikāya), tâm Từ được ví như tấm lòng người mẹ hiền đối với con mình: “Trọn đời lo che chở, con độc nhất mình sanh” [3], thật bao la rộng lớn! Tâm từ được tìm thấy trong kinh *Trung Bộ* (*Majjhima Nikāya*) như kinh Ví dụ tấm vải (số 7), kinh Ví dụ cái cửa (số 21), Tiểu kinh Xóm ngựa (số 40), kinh Hàng ma (số 50), kinh Potaliya (số 54), kinh Làng Sama (số 104), kinh Hành sanh (số 120),... Trong kinh *Trường Bộ* (*Dīgha Nikāya*) có kinh Tevijja (số 13), kinh Chuyển luân thánh vương sư tử hống (số 26), kinh Phúng tụng (số 33),... Trong kinh *Tương Ưng Bộ* (*Samyutta*

Nikāya) có kinh Cây lao, kinh Gia đình, kinh Cái nổi trong chương Tương ưng thí dụ, tập Thiên Nhân Duyên; kinh Từ và kinh Bộ xương trong chương Tương ưng giác chi, tập Đại phẩm,... Trong kinh *Tăng Chi Bộ* (*Anguttara Nikāya*) có kinh Từ (chương Bốn pháp (phẩm Sơ hãi) và Tám pháp), kinh An ổn trú, kinh Cần phải ghi nhớ, (chương Bảy pháp), kinh Từ bi (chương Chín pháp), kinh Dasama gia chủ và kinh Tham ái (chương Mười một pháp), ... Trong kinh *Tiểu Bộ* (*Khudhaka Nikāya*) có kinh Lòng từ (Tiểu tụng), kinh Từ bi (Kinh tập),... Còn trong các kinh điển của Phật giáo Bắc truyền thì có một số kinh luận như kinh *Diệu pháp Liên hoa* (phẩm Phổ Môn), kinh *Địa Tạng Bốn Nguyện Công Đức*, kinh *Bi Hoa*, tác phẩm chữ Nôm Nam Hải *Quán Âm Bản Hạnh* của Thiền sư Chân Nguyên,...

SỨC MẠNH LẮNG NGHE VÀ TỪ BI CỦA ĐỨC BỒ TÁT QUÁN ÂM

Bồ tát (Bodhisattva), dịch là giác hữu tình, tức là vị đó giác ngộ rồi đem Phật pháp hướng dẫn chúng sanh tu tập giác ngộ an vui. Quán Thế Âm [4] (*Avalokitesvara*) nghĩa là tuệ tri quán sát những âm thanh (khổ đau) ở thế gian. Do con người vì tham đắm trong ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thụ), trôi mình trong mười kiết sử (tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và tà kiến), nên người tự gây mười điều bất thiện (sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói dối chiều, nói hung ác, nói nhục mạ, tham lam, sân hận, si mê tà kiến). Vì thế, người tạo năng lượng từ tâm thức tỉnh những tâm hồn đang còn say sưa trong ngôi

nhà lửa tam giới này, nhanh chân thoát khỏi khổ đau, đó chính là hạnh nguyện Quán Âm lợi lạc khắp nhân sanh.

Trong kinh *Bi Hoa*, khi còn là Thái tử Bất Huyền (con của vua Vô Tránh Niệm), Ngài thực hành hạnh cúng dường Đức Phật Bảo Tạng và đại chúng Tăng. Trong lúc thiền định Ngài thấy chúng sanh nơi địa ngục khổ đau, hay chúng sanh cõi trời, người nếu ác tâm thì nhiều đời sanh trong tam đồ ác đạo. Khi đó, thái tử phát nguyện trước Đức Phật Bảo Tạng: “*Nay con sẽ dùng âm thanh lớn để báo cho hết thấy những căn lành của con đều xin hồi hướng về quả vị A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, nguyện khi con tu hành đạo Bồ tát, nếu có chúng sinh nào đang chịu đựng các khổ não, sợ sệt lo lắng, sự hiểu biết chánh pháp bị thời chuyển, phải rơi vào chỗ tối tăm u ám, sầu đau buồn khổ, cô độc không người cứu giúp, không có nhà cửa, không nơi nương tựa, nếu có thể nhớ nghĩ đến con, xưng tụng danh hiệu của con, sẽ được con dùng thiên nhĩ mà nghe biết, dùng thiên nhãn mà thấy biết, khiến cho những chúng sinh ấy được thoát khỏi mọi sự khổ não. Nếu không được như thế, con quyết sẽ chẳng bao giờ thành tựu quả A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề!*” [6].

Thái tử trước Đức Phật Bảo Tạng phát nguyện cứu độ chúng sanh, nên Đức Phật liền thọ ký: “*Thiện nam tử! Ông quán xét hết thấy chúng sinh trong hai cõi trời, người cùng với trong ba đường ác mà sinh tâm đại bi, muốn dứt trừ mọi khổ não cho chúng sinh,*



muốn dứt trừ mọi phiền não cho chúng sinh, muốn tất cả chúng sinh đều được trụ nơi an lạc. Thiện nam tử! Nay ta đặt tên cho ông là Quán Thế Âm” [7]. Bồ tát trải tâm từ bi bao la nguyện cho tất cả chúng sanh xa lìa tham dục, dứt khỏi các khổ não, được Đức Bảo Tạng Như Lai khen:

*Bậc đại bi công đức,
Nay ông hãy đứng lên!
Cõi đất khắp mười phương,
Thầy đều đã chấn động.
Chư Phật lại vì ông,
Ban cho lời thọ ký.
Ông quyết sẽ thành Phật,
Hãy sinh lòng hoan hỷ* [8].

Với tinh thần vô úy thí, thấy chúng sanh khổ đau (nước lớn cuốn trôi, dâm dục nhiều, tâm ngu si giận hờn), Bồ tát đều cứu độ thoát. Tùy theo từng đối



tượng mà Bồ tát Quán Âm ứng hiện những hóa thân khác nhau như thân Phật, thân Duyên Giác, thân Thanh văn, cho đến thân của thần Chấp Kim cang [9] đều hóa hiện ra mà cứu độ nhân sanh. Với lòng từ bi cứu chúng sanh khổ đau trong sáu nẻo luân hồi, Bồ tát đã ứng hóa ra 33 hóa thân khác nhau như:

- 1/ Dương liễu Quán Âm (tay cầm cành dương);
- 2/ Long đầu Quán Âm (đứng trên con rồng);
- 3/ Trì kinh Quán Âm (Thanh văn Quán Âm);
- 4/ Viên Quang Quán Âm (Bồ tát với lòng từ ái viên mãn, biểu trưng bằng ánh quang minh quanh thân);
- 5/ Du Hý Quán Âm (tự tại các nơi);
- 6/ Bạch y Quán Âm (Bạch Y Quán Tự Tại Mẫu);
- 7/ Liên Ngọa Quán Âm (ngồi trên

lá sen, đầu đội mào,

- 8/ Lang Kiển Quán Âm (ngồi nhìn dòng thác với tâm tư như sức mạnh dòng nước);
- 9/ Thí Dực Quán Âm (cho chúng sanh lương dực);
- 10/ Ngư Lam Quán Âm (tay cầm giỏ cá và nhánh lá);
- 11/ Đức Vương [10] Quán Âm (dùng tiếng Phạm vương thuyết pháp);
- 12/ Thủy Nguyệt Quán Âm (kiết già trên hoa sen, tay trái cầm hoa sen, tay phải kết thí vô úy ấn);
- 13/ Nhất Diệp Quán Âm (ngồi trên hoa sen, tâm nghĩ về địa ngục);
- 14/ Thanh Cảnh Quán Âm (tay trái cầm hoa sen, lòng bàn tay phải hướng lên phát tâm đại từ bi uống lọ thuốc độc cứu chúng sanh);
- 15/ Uy Đức Quán Âm (tay trái cầm kim cang để nhiếp phục tâm cương cường của chúng sanh);

16/ Diên Mạng Quán Âm (có 20 cánh tay cứu hộ chúng sanh);

17/ Chúng Bảo Quán Âm (tay cầm vàng đối với chúng sanh truy tìm vật báu với tâm nguyện an ổn cho họ);

18/ Nham Hộ Quán Âm (tĩnh tọa trên hoa sen, trong hang động ít ánh sáng);

19/ Năng Tĩnh Quán Âm (tướng tĩnh lặng, giúp người bị nạn);

20/ A Nậu Quán Âm (đầu búi tóc thiên kế, tay trái cầm mảnh y trước bụng, tay phải thả trên gối, mắt nhìn biển lớn);

21/ Vô Úy Quán Âm (khắp thân có ánh sáng, ba mắt và bốn tay, ngồi trên sư tử trắng, một tay cầm hoa sen, một tay cầm chim cát tường trắng);

22/ Diệp Y Quán Âm (thân có vòng lửa, có 4 tay: một tay phải cầm quả cát tường; tay phải kia kiết ấn; một tay trái cầm rìu, tay kia sợi dây);

23/ Lưu Ly Quán Âm (cầm bình lưu ly xanh, đứng trên hoa sen);

24/ Đa La Quán Âm (thân con gái tướng mạo từ bi, đầu búi tóc);

25/ Cáp Lợi Quán Âm (sự kiện con sò vua Đường Văn Tông);

26/ Lục Thời Quán Âm;

27/ Phổ Bi Quán Âm (tâm từ bi);

28/ Mã Lang Phụ Quán Âm (cầm quyền kinh và cây gậy hình đầu lâu);

29/ Hiệp Chương Quán Âm (xa lìa tham dục, mặc y trắng ngồi trên bệ đá);

30/ Nhất Như Quán Âm (cười mây chinh phục lôi điện sấm sét);

31/ Bất Nhị Quán Âm (ngồi trên bệ đá, 2 tay chấp trì kim cang xư);

32/ Trì Liên Quán Âm (đứng trên lá sen, hai tay cầm hoa sen, mặc thiên y,...);

33/ Sái Thủy Quán Âm (đứng trên tường vân cầm chén nước rưới xuống).

Cả 33 ứng thân này đều lợi tha nhân sinh nên Ngài đã phát thệ nguyện:

*Lòng Bi rãn như sấm
Ý Từ diệu dường mây
Xối mưa pháp cam lồ
Dứt trừ lửa phiền não* [11].

GIÁ TRỊ THIẾT THỰC CỦA VIỆC HỌC TẬP HẠNH NGUYỄN BỒ TÁT TRONG ĐỜI SỐNG HIỆN NAY

Tình thương bao la rộng khắp, không còn phân biệt ta với người, cái này và cái nọ, được xem là tình thương cao thượng [12], khó bị phi nhân nào hại [13]; đồng thời cũng khiến cho thù hận tự tiêu tan [14]. Những sân hận nào đã sanh khởi rồi thì sẽ bị tiêu diệt đi, còn những sân hận nào chưa phát sanh thì không cho phát khởi. Và trong kinh Pháp cú thuộc kinh *Tiểu Bộ* cũng bảo rằng nếu lấy hận thù mà diệt hận thù là điều không thể thực hiện được vì hận thù chống chất biết bao giờ mới hết. Chỉ có lấy không giận, tức từ tâm thì mới hóa giải hận thù được mà thôi [15]. Thấy chúng sanh khổ, khởi tâm yêu thương cứu độ đạt được 11 điều lợi ích như:

- 1/ Ngủ nghỉ được an lạc;
- 2/ Thức dậy an vui;
- 3/ Không gặp các ác mộng;
- 4/ Được mọi người quý kính;
- 5/ Được phi nhân tôn kính;
- 6/ Được chư thiên che chở;
- 7/ Không bị các nạn lửa, thuốc độc, binh đao tổn hại;
- 8/ Tâm dễ an định;
- 9/ Sắc thân tốt đẹp vẹn toàn;
- 10/ Mạng chung sáng suốt;
- 11/ Sanh lên cõi Phạm thiên (nếu chưa chứng A-la-hán).



(Nguồn: Zicxa.com)

Thế giới hiện nay đang phải đối diện với các cuộc khủng hoảng về đạo đức, về niềm tin, về môi trường, về kinh tế,... khiến cho đời sống con người bị xáo trộn, thiên tai bão lụt, dịch bệnh chết chóc, nghèo đói tật bệnh, cướp bóc tham nhũng, thù hận chiến tranh,... Nguyên nhân chính là do lòng tham lam vô độ, thiếu tâm từ và lòng vị tha. Nếu mọi người trau dồi tu tập năm giới, bát chánh đạo, tứ nhiếp pháp và tứ vô lượng tâm, để thoát ly khổ đau, trải tình thương bao la rộng lớn để tất cả mọi người, phát khởi thông điệp yêu thương với nhau, thì sẽ xây dựng được cảnh Tịnh độ an lành giữa nhân gian.

Tóm lại, hạng phàm phu không nghe chánh pháp, không biết tu tập các thiện pháp thì sẽ bị trôi lăn trong khổ đau bởi những tham giận, hơn thua. Để chuyển hóa sân hận và thanh tịnh thân

tâm, đệ tử Phật phải thực tập trí hạnh viên dung, lắng nghe tiếng khổ chúng sanh mà khuyến tấn họ tu tập Bát chánh đạo, thực hành Tứ nhiếp pháp, để vơi bớt những sầu khổ, tìm lại bến bờ an lạc trong đời sống tự thân, hướng đến xây dựng một gia đình hạnh phúc và một xã hội yên bình phát triển.

Chú thích:

* ĐĐ. Thích Thiện Mãn: Học viên Cao học khóa III tại Học viện Phật giáo Việt Nam TP. HCM.

- [1] ĐTKVN, Kinh Trung A-hàm, tập 1, phẩm Nghiệp tương ưng, kinh Ba-la-lao, VNCPHVN, 1992, tr.218.
- [2], ĐTKVNNT, Kinh Tương ưng bộ, tập 5: Đại phẩm, chương Tương ưng sự thật, phẩm Chuyển Pháp luân, kinh Như Lai thuyết, Nxb. Tôn giáo, 2018, tr.783.
- [3] ĐTKVNNT, Kinh Tiểu bộ, tập 1, kinh Tập, phẩm Rắn Uravagga, kinh Từ bi, kệ số 149, Nxb. Tôn giáo, 2018, tr.358.
- [4] Quán Thế Âm: hay còn gọi là Quán Âm, Quán Tự Tại.
- [6] Nguyễn Minh Tiến (dịch chú), Kinh bi hoa, Nxb. Tôn giáo, HN, 2007, tr.338.
- [7] Nguyễn Minh Tiến (2007), Sdd., tr.339.
- [8] Nguyễn Minh Tiến (2007), Sdd., tr.341.
- [9] Thích Trí Tịnh (dịch), *Kinh Diệu pháp liên hoa*, phẩm 25, Nxb. Tôn giáo, HN, 2017, tr.541-543.
- [10] Đức Vương: tức là Phạm Thiên vương.
- [11] Thích Trí Tịnh (2017), Sdd., tr.549.
- [12] Thích Chúc Phú, *Biện chính Phật học*, tập 1, Nxb. Hồng Đức, HN, 2018, tr.231.
- [13] ĐTKVNNT, *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 2, chương 9: Tương ưng thí dụ, kinh Gia đình, Nxb. Tôn giáo, HN, 2018, tr.608.
- [14] ĐTKVN, *Kinh Tăng Nhất A-hàm*, tập 3, phẩm 45: Mã vương, kinh số 5, VNCPHVN, 1992, tr.255.
- [15] ĐTKVNNT, *Kinh Tiểu Bộ*, tập 1, kinh Pháp cú, phẩm Song yếu, kệ số 5, Nxb. Tôn giáo, HN, 2018, tr.41-42.
- [16] ĐTKVNNT, *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 2, chương Tám pháp, Đại phẩm, kinh Sứ giả, Nxb. Tôn giáo, HN, 2018, tr.324.
- [17] ĐTKVNNT, *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập 4, chương Tương ưng sự thật, phẩm Chuyển pháp luân, kinh Như Lai thuyết (1), Nxb. Tôn giáo, HN, 2018, tr.783.

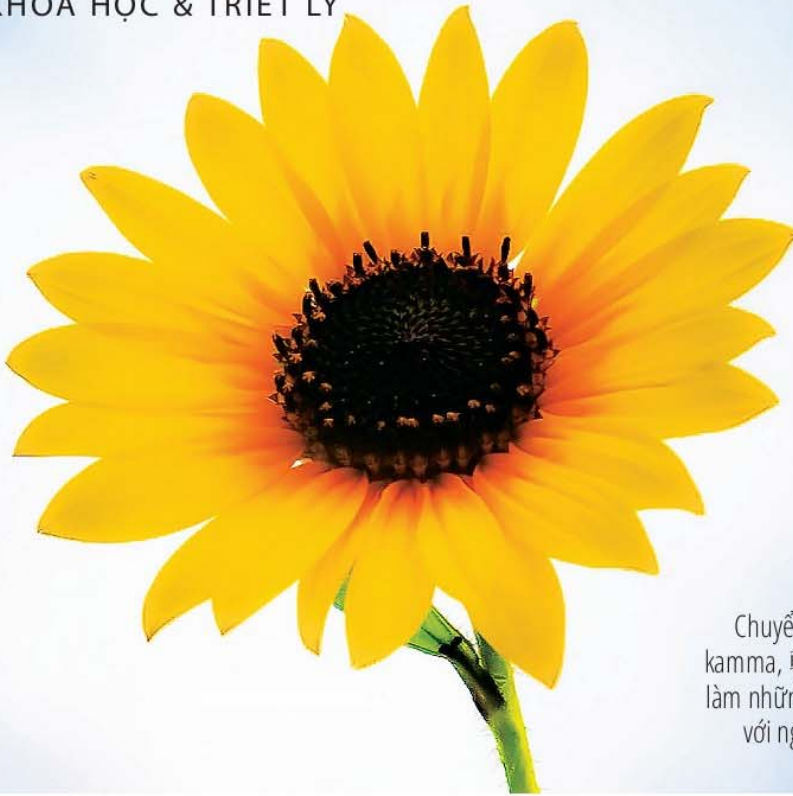


Chuyển nghiệp và sự cải tạo vận mệnh trong KINH MI TIÊN VẤN ĐÁP



ĐĐ. Thích Ngộ Tánh*

Bởi chức năng và nhiệm vụ chính của sự chuyển nghiệp là ở hiện tại (Etarahi, 現在) và tương lai (āyatim, 將來), quan điểm này được Đức Phật nhấn mạnh trong rất nhiều lời dạy: “Chỉ có pháp hiện tại. Tuệ quán chính ở đây. Không động, không rung chuyển, Biết vậy, nên tu tập, Hôm nay nhiệt tâm làm”.



Chuyển nghiệp (Vikāra kamma, 轉業) được hiểu là làm những việc thiện đối lập với nghiệp ác đã tạo.

Theo Phật giáo, nghiệp là hành động có tác ý, chủ ý của thân (Kāya, 身), khẩu (Vacī, 口), ý (Mano, 意). Suy nghĩ, lời nói cho đến việc làm con người được hoạt động dưới sự điều khiển của ý muốn thúc đẩy, làm điều kiện cho các hành vi tương tác trong kiếp sống. Phật giáo mô tả điều này qua sự tác ý (Sañcetanā, 作意). Như vậy, mọi hành động thiện hay bất thiện của thân, khẩu, ý đều tạo nên nghiệp: “*Như vậy, Tư tác này chính là nghiệp đẩy, tàu tác này chính là nghiệp đẩy, tàu đại vương*”. Có thể thấy, trên nền tảng đạo đức hay chặng đường từ nhân (Hetu-mula, 因) đến kết quả (Vipākac, 果) của nghiệp thì yếu tố tâm thức con người được xem là trọng yếu nhất.

Chuyển nghiệp (Vikāra kamma, 轉業) được hiểu là làm những việc thiện đối lập với nghiệp ác

đã tạo. Quan điểm này thể hiện rõ nét qua trường hợp: “*Như tướng cướp Angulimāla là tay khét tiếng giết người, sau vào tu trong giáo pháp của Đức Thế Tôn, chứng ngộ đạo quả. Đáng ra, tội giết người kinh khiếp của Angulimāla sẽ bị ác báo nặng nề! Nhưng không, Angulimāla nhờ chứng ngộ đạo quả cao siêu, pháp xuất thế gian, là tối thượng thiện pháp - nhờ năng lực ấy nâng đỡ nên trả quả rất nhẹ*” [2]. Và được Đức Phật xác nhận: “*Lại nữa, ghe thuyền ấy phải được vững chắc, kiên cố không bị rò rỉ; nếu bị rò rỉ, thấm nước thì phải tát cạn, phải bịt chặt các lỗ rò rỉ đi. Cũng vậy, đừng để ác nghiệp xen vào, nếu ác nghiệp đã rò rỉ vào tâm thì phải bịt chặt lại, tát cạn lần hồi ác nghiệp ấy đi. Nhờ vậy ghe, thuyền thiện pháp kia sẽ đến được bến bờ an vui nhất định*” [3]. Tinh thần này được xem là điểm quan

trọng nhất, làm cho khái niệm nghiệp của Phật giáo trở nên ý nghĩa và đầy tính nhân văn hơn so với quan điểm về nghiệp ở một số học phái khác.

Chúng ta biết mấu chốt của nghiệp nằm ở sự tác ý: “*Tác ý là nghiệp*” [4]. Đây là nút thắt, nhưng nếu nhìn sâu vào, thực ra đây cũng là nút tháo cho tiến trình rũ bỏ nghiệp báo của chúng sanh. Có nghĩa chúng ta sẽ không tác ý bất thiện qua thân, khẩu, ý mà thay vào đó chủ tâm với các hành động và suy nghĩ (Sankappa, 思) chân chánh, thuần thiện, và điều này là đang phác họa đến khái niệm chuyển nghiệp một cách rõ nét nhất. Có thể nói sự chuyển nghiệp là một hình thức của sự tác ý (Cetanā, 作意) chân chánh dựa trên nền tảng nhân quả (Hetu vipāka, 因果) và đạo đức (Sukata, 道德).

Nhận thức về chuyển nghiệp giúp chúng ta chấm dứt quan niệm về định mệnh, về Thượng đế (Sayambhū, 上帝) hoặc thần linh nào đó sắp đặt một cách tự nhiên hay mặc định. Điều vốn dĩ chỉ toàn mang đến cho con người nỗi sợ hãi và cả một rừng nhận thức chủ quan, ngả kiển. Bởi tin rằng luôn có Thượng đế ở đó che chở, có một định mệnh an bài nên mọi sự cố gắng, mọi việc thiện lành và mọi nhân tố nỗ lực cải tạo bản thân đều trở nên vô nghĩa, cho nên *Kinh Mi Tiên* xác nhận rất rõ: “*Là do nghiệp sanh chứ không phải Thượng đế sanh hay tự nhiên sanh*” [5]. Nhận thức về định mệnh sắp đặt làm cho mỗi người chỉ biết sống cho bản thân, chỉ muốn sống qua ngày, không có động lực cố gắng, bởi mặc định rằng cố làm cũng không thể thay đổi được điều gì, đây là đầu mối của mọi khổ đau, bế tắc, chiến tranh mà con người tự kỷ thị, chia rẽ nhau trong xã hội. Cho nên, khái niệm chuyển nghiệp của Đức Phật như ánh sáng trong đêm trường tối tăm, góp phần giúp con người ý thức cải tạo bản thân với sự nỗ lực tu tập chuyển hóa, làm lành, lánh dữ và dần thân phụng sự mang lại các giá trị giải thoát (Vimutti, 解脱) cho chính mình và mọi người. Do đó, giá trị của sự chuyển nghiệp không chỉ nằm ở sự cải tạo tích cực mà còn nằm ở niềm tin chuẩn mực về một tương lai tốt đẹp, giúp mỗi người có thêm động lực để thay đổi và phát triển bản thân, cũng như phát triển xã hội tốt hơn từng ngày.

Nếu cho rằng con người phải gặt hái hết hậu quả về những gì mình tạo ra trong suốt chiều dài các kiếp quá khứ, rõ ràng rất khó để có một đời sống trọn vẹn về đạo đức và

chúng ta cũng không có nhiều cơ hội để diệt trừ các phiền não (Mala, 煩惱), để phát triển bản thân có giá trị hơn. Trong khi đạo Phật là đạo của từ bi (Mettā, 慈悲) và trí tuệ (Paññā, 智慧), luôn đề cao tính công bằng (Sugatī, 辦理) trong xã hội. Nên việc ghi nhận hậu quả gặt hái luôn tương ứng với nhân, thì đời sống đạo đức được chú trọng và chúng ta sẽ có cơ hội để nâng cao giá trị bản thân, cũng như có nhiều cơ hội để dập tắt các loại phiền não: “*Tất cả chúng sanh đời trước làm những việc thiện, ác, tốt, xấu. Những việc làm thiện, ác, tốt, xấu ấy huân tập thành nghiệp nhân; tạo nên sức mạnh đưa chúng sanh đầu thai vào hiện tại này để thọ nhận nghiệp quả của thiện, ác, tốt, xấu*” [6]. Lời của Đại đức Na-tiên là sự xác nhận cho quan điểm luôn có sự tương đồng giữa nhân với quả. Còn đối với những nghiệp ác tất nhiên sẽ có sự bù trừ nhất định dưới nhiều hình thức khác nhau nếu hiện tại chúng ta toàn tâm sống chân thiện, nhưng sẽ không thể khỏa lấp một cách trọn vẹn với những nghiệp ác quá lớn được thực hiện với sự cố ý. Chúng ta đã trải qua rất nhiều kiếp sống trong quá khứ, khi một người chưa chứng đắc thánh quả (Ariyaphala, 聖果) thì làm sao có thể hoàn hảo trong mọi suy nghĩ, ứng xử và lời nói, do đó nghiệp chúng ta tạo tác cũng rất nhiều. Nếu cho rằng phải trả hết các hậu quả đó thì không ai trong chúng ta mong có thể thấy được mặt trời chân lý (Sacca, 真理) và ánh sáng giải thoát, cũng như các lời dạy cao quý từ Đức Phật, như trường hợp ngài Angulimāla là ví dụ cho điều này. Cho nên, tính chuyển nghiệp không những góp phần định hình lại nhân quả của nghiệp và nâng cao giá trị con người qua

các hành vi chân chánh, mà còn phát triển và truyền bá rộng rãi tinh thần từ bi, vô ngã, bình đẳng trong hệ thống chân lý Phật giáo đối với con người trong xã hội.

Như đã nói, chúng ta không nên ngộ nhận việc chuyển nghiệp có khả năng hóa giải tất cả nghiệp ác đã tạo. Bởi chức năng và nhiệm vụ chính của sự chuyển nghiệp là ở hiện tại (Etarahi, 現在) và tương lai (āyatim, 將來), quan điểm này được Đức Phật nhấn mạnh trong rất nhiều lời dạy:

“*Chỉ có pháp hiện tại.*”

Tuệ quán chính ở đây.

Không động, không rung chuyển,

Biết vậy, nên tu tập,

Hôm nay nhiệt tâm làm” [7].

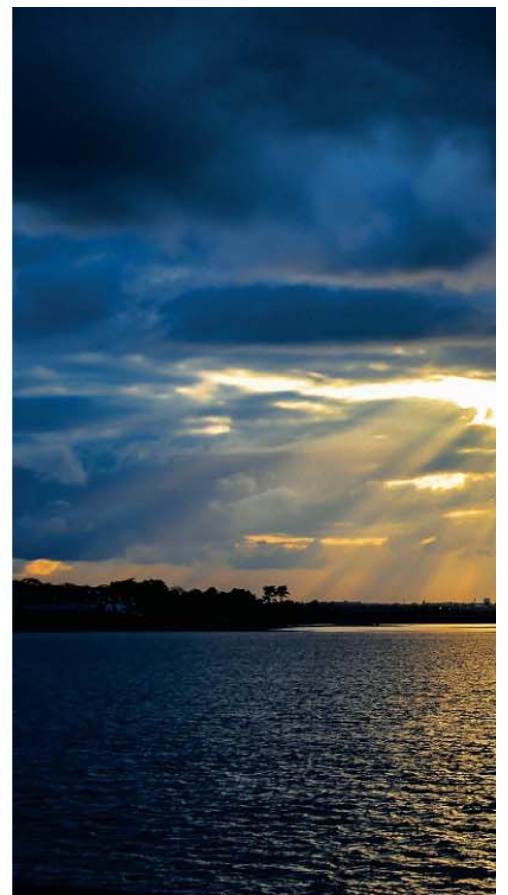
Mỗi người phải chánh niệm (Sammā-sati, 正念) tỉnh thức trong suy nghĩ và hành các thiện pháp qua hành động, lời nói bây giờ và tại đây để điều chỉnh nghiệp báo theo chiều hướng tích cực từ giai đoạn này. Chữ chuyển nghiệp không có chức năng giải trừ trọn vẹn những nghiệp ác, đặc biệt với sự cố chủ ý của tâm (Citta, 心) trong quá khứ. Chỉ có thể bù trừ phần nào đó dưới một số góc độ, ví như tâm lý học, nghĩa là giúp chúng ta tiếp thêm niềm tin và động lực để vượt qua, để điều chỉnh tích cực các hành vi của bản thân trở lại, điều này được Đức Phật xác định rất rõ: “*Ghe, thuyền hăng chèo chờ đò đặc qua sông lớn, qua biển lớn; nhưng nếu ghe, thuyền ấy chờ quá mức độ cho phép, ghe thuyền ấy sẽ bị chìm. Cũng vậy, thiện nghiệp nâng đỡ ác nghiệp, nhưng nếu ác nghiệp quá nặng, thiện nghiệp cũng sẽ bị chìm theo!*” [8]. Khái niệm “*chìm theo*” ở đây được hiểu là không thể đảm bảo bình

an cho những ác nghiệp được tạo ra với ý muốn hay cố ý, mà chỉ có thể nâng đỡ một phần nào đó. Đồng thời, chúng ta phải xác định rõ ở đây là chỉ có khả năng “nâng đỡ” chứ không đảm bảo hay cam kết: “Nếu đã lỡ tạo ác nghiệp rồi thì phải siêng năng, tinh tấn làm việc lành; chính nhờ việc lành, nhờ thiện nghiệp, nó có khả năng nâng đỡ cho tất cả chúng sanh” [9]. Còn nếu có chức năng hóa giải tất cả thì rất dễ làm cho con người rơi vào ngộ nhận rằng chuyển nghiệp được, làm lại có thể tiêu trừ được, nên cứ sống thoải mái, thích gì làm đấy,... Nhận thức này là một nguy hại vô cùng lớn vì tiếp tục mang đến các hệ lụy nghiêm trọng về đạo đức và dân sự khác. Đức Phật xác nhận: “Không trên trời, giữa biển, Không lánh vào động núi, Không chỗ nào trên đời, Trốn được quả ác nghiệp” [10]

Tuy nhiên, cũng đừng hiểu nhầm nếu nói như vậy thì khác gì định mệnh. Nếu là định mệnh thì muôn đời không thể thay đổi được, trong khi *Kinh Mi Tiên* thể hiện rất rõ: “Ác nghiệp nặng thường đưa chúng sanh đi xuống, thiện nghiệp nhẹ thường đưa chúng sanh đi lên” [11]. Nhưng ở đây, dưới nhiều góc độ khác, nó là động lực thúc đẩy chúng ta có ý thức hơn mọi vấn đề nhằm sửa đổi bản thân, đặc biệt giúp con người có trách nhiệm với mọi suy nghĩ hành động của mình, không trốn chạy, không đào tẩu, mạnh mẽ đối diện, thừa nhận khổ đau, để truy tìm nguyên nhân, xác định giải pháp và thực tập phương pháp giải thoát để thăng tiến bản thân trở lại. Với Phật giáo, đây hoàn toàn không phải là định mệnh, là ngõ cụt, mà phải là

một điều may mắn vì đã tiếp thêm động lực, sức mạnh, cơ hội giúp chúng ta sống tốt hơn từng ngày: “Sự bất đồng giữa con người là do chúng đã tạo trừ những hành nghiệp khác nhau. Nghiệp khác nhau chính là những hạt giống khác nhau” [12]. Lời dạy trên mô tả chi tiết cho chúng ta về nghiệp nhân khác nhau sẽ mang đến quả khác nhau, nghĩa là luôn tích cực gieo các hạt giống thiện lành sẽ có được quả hạnh phúc (Sujha, 行福) và ngược lại, chứ không phải là định mệnh hay sự mặc định trong hệ thống nghiệp báo như một số quan điểm trái chiều nhận định.

Cho nên, với những nghiệp ác mà sự chủ tâm tác ý trong quá khứ thì tính chuyển nghiệp sẽ không có chức năng giải trừ tất cả, nhưng lại có sự hỗ trợ tích cực dưới nhiều góc độ. Tất nhiên, đây là sự hỗ trợ vô cùng quan trọng mang tính nòng cốt, như một nền móng vững chắc để hành giả có thêm điều kiện, động lực để bắt đầu cải thiện bản thân, phát triển đạo đức và điều này được mô tả qua ẩn dụ: “Kẻ xấu bạn với kẻ xấu, người tốt bạn với người tốt” [13]. Đồng thời, nhờ nhận thức về chuyển nghiệp mà tính công bằng, yếu tố trách nhiệm cá nhân được đề cao và gián tiếp truyền bá tư tưởng về hiện tại lạc trú, một tinh thần luôn sống hết mình với giây phút hiện tại. Bởi đây là thời gian quan trọng nhất chứ không phải quá khứ hay tương lai vì quá khứ đã qua rồi, tương lai thì chưa đến, và cũng bởi hiện tại là thời gian có tính hỗ trợ tốt nhất giúp chúng ta tái tạo các giá trị về bình an, hạnh phúc, giải thoát ở hiện tại, tương lai và một phần quá khứ.



Nhờ vào sự chuyển nghiệp cho nên quan điểm về số phận (Bhāgadheyya, 數分) không còn nữa. Có thể thấy, chuyển nghiệp là khái niệm rất sâu sắc vì không những thay đổi tích cực con người và xã hội, mà thông qua đó gián tiếp phủ nhận về sự tồn tại của định mệnh, thần linh hay Thượng đế. Sự tách biệt này mang ý nghĩa thiết thực cho lối sống đạo đức và nhân quả, bởi tin vào thế lực siêu nhiên nào đó thực chất chúng ta chỉ đang tin vào nỗi sợ hãi. Khi không có kiến thức để lý giải cho những nguyên nhân về sự tồn tại, hình thành và phát triển của sự vật hiện tượng, điều này khiến con người lo lắng, sợ hãi, từ nỗi sợ hãi đó làm bản thân có khuynh hướng tạo ra ý niệm về sự tồn tại của một đấng tối cao bảo vệ và chi phối mọi loài, nhằm mục đích có nơi nương tựa, an ủi và phát triển ý chí bản thân, Đức Phật xác nhận:



Đức Phật xác nhận:
“Không trên trời, giữa
biển, Không lánh vào
đồng núi, Không chỗ
nào trên đời, Trốn được
quả ác nghiệp”.

*“Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp” [14].*

Quan điểm này nghe có vẻ hợp lý nhưng lại khiến con người không thừa nhận khổ đau và truy vết những nguyên nhân đưa đến các khổ đau đó. Không những thế ý tưởng này còn nguy hại ở chỗ cứ luân quần với vòng tròn khổ đau. Bởi đâu có thực sự bắt tay vào việc làm thế nào để bước ra khỏi những bế tắc đó và niềm tin trong trường hợp này không những không đưa đến hạnh phúc mà còn khiến đương sự chìm sâu vào các khoảng không của khổ đau, chập vật, muộn phiền. Trong khi giáo lý Tứ Diệu Đế của Đạo Phật (Cattāri ariya-saccāni, 四妙諦): *Chấp nhận khổ đau, truy tìm nguyên nhân, trải nghiệm hạnh phúc và thực tập Bát chánh đạo* (Atthangika-magga, 八正道).

Đây là công thức của sự chuyển nghiệp, của sự giải thoát tri kiến và quan trọng là hãy bắt tay vào thực hành để có được những giá trị tốt đẹp, để không phải sống trong các nỗi sợ hãi và lo lắng.

Đức Phật khuyến khích kết hợp niềm tin vào những hành động cụ thể có giá trị, mang lại sự bình an, tốt đẹp cho chính mình, bởi ít nhất điều này sẽ giúp ta thay đổi hoàn cảnh sống tốt hơn, tư duy với hiện tại tích cực hơn, thay vì bị mộng lung, với các niềm tin chưa được chứng thực: *“Đúng là không cần có sự hoan hỷ mà chính do tâm tạo thiện nghiệp, học hỏi giáo pháp và tu tập. Phước báu phát sanh ở đó”* [15]. Với các vấn đề trong đời sống, Đức Phật dạy: *“Này thiện nam tử, tất cả chúng sanh đều được sanh ra bởi nghiệp, nghiệp là của mình, phải thọ quả của nghiệp; nghiệp là tạo tác, là chủ thể muôn loài, nghiệp*

là giống dòng tông chủng, nghiệp tìm đến nhau, nghiệp dẫn dắt nhau đi” [16]. Như thế, suy nghĩ và hành động tạo ra các giá trị cho bản thân, trong sạch hay nhiễm ô đều nằm ở bản thân mỗi người. Ai cũng đều có khả năng làm mới mình, phát triển tâm từ và trau dồi sự hiểu biết dù ở trong hoàn cảnh nào chẳng nữa. Và Ngài khuyến khích kiếm tìm giải pháp cho các vấn đề thông qua hiểu biết và nỗ lực hành động tích cực, đó là sự chuyển nghiệp, là yếu tố cốt lõi tạo ra hạnh phúc chứ không phải tin vào ai, vào thần linh nào.

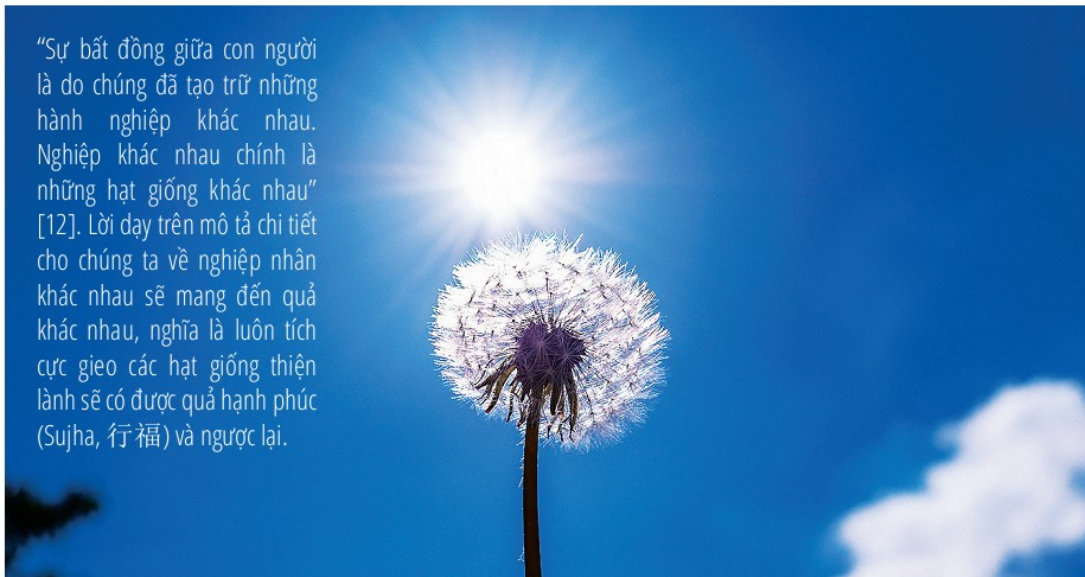
Nói vậy để thấy, nhờ tinh thần chuyển nghiệp nên định kiến về số phận, về định mệnh chi phối đã hoàn toàn bị phá bỏ, mở đường cho sự tiến bộ tâm linh và nhận thức. Từ ý thức này giúp chúng ta bắt đầu quay trở lại thay đổi vận mệnh, nghĩa là bắt đầu thay đổi bản thân qua thân, khẩu, ý dưới hai hệ quy chiếu:

1. *Không làm tổn thương mình và không làm tổn thương người khác;*
2. *Làm lợi ích cho mình và lợi ích cho mọi người.*

Điều này được cụ thể hóa như: Thân từ bỏ mọi hình thức giết hại, trộm cắp, ngoại tình, sử dụng các chất kích thích,.. thay vào đó nỗ lực bảo vệ sự sống, bố thí (Dāna, 布施), phóng sanh, bảo vệ hòa bình, bảo vệ môi trường, tôn trọng hôn nhân, dẫn thân trong các hoạt động từ thiện, nhân đạo, phúc lợi xã hội, tổ chức nhiều khóa tu đáp ứng nhu cầu học Phật pháp cho giới trẻ, trung niên và lão niên.

Khẩu từ bỏ mọi lời nói dối, nói lời ác độc, nói lời kích động,

“Sự bất đồng giữa con người là do chúng đã tạo trử những hành nghiệp khác nhau. Nghiệp khác nhau chính là những hạt giống khác nhau” [12]. Lời dạy trên mô tả chi tiết cho chúng ta về nghiệp nhân khác nhau sẽ mang đến quả khác nhau, nghĩa là luôn tích cực gieo các hạt giống thiện lành sẽ có được quả hạnh phúc (Sujha, 行福) và ngược lại.



huyền hoặc,... thay vào đó là đề cao tinh thần truyền bá chánh pháp qua các phương tiện truyền thông đại chúng, nỗ lực tham gia vào phương diện giáo dục như giảng dạy, viết sách, nghiên cứu, tổ chức các lớp học về đạo đức và giáo lý Phật giáo. Ý từ bỏ mọi động cơ bất thiện của lòng tham (Abhijjā-visamālobha, 貪), lòng sân hận (Vyāpāda, 瞋恨) và si mê (Moha, 癡) dưới mọi hình thức, thay vào đó là truyền bá những tư tưởng và ý tưởng mang tính hiện đại hóa, giúp cho mọi người trong xã hội nói chung có một đời sống cải thiện, bình yên, tinh thần này được mô tả: “*Thiện nghiệp nhẹ thường đưa chúng sanh đi lên*”. Đi lên tượng trưng cho những quả hạnh phúc, giải thoát, những thuận duyên sẽ đạt được khi chúng ta biết sống kiên nhẫn (Sātacca, 忍) phục thiện cho mình và mọi người. Do đó, đây là bước đi vững vàng và chắc thật để xây dựng bản thân thật tốt trước những đổi mới và tiếp biến của xã hội, cũng là

bước đệm hoàn hảo tạo ra những con người có giá trị về đạo đức, nhân phẩm. Điều này góp phần quan trọng xây dựng nên một gia đình hạnh phúc, đoàn kết, và cuối cùng khi có một gia đình phát triển tốt trên nền tảng hạnh phúc và đoàn kết, sẽ đem đến cho xã hội một luồng gió mới, một sức mạnh lớn, tạo tiền đề cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hòa bình hưng thịnh.

Tóm lại, tính chuyển nghiệp của Phật giáo là một khái niệm rất quan trọng mang đậm giá trị đổi mới, xây dựng và phát triển bản thân, cũng như xây dựng và phát triển cộng đồng. Là sự tuyệt vời khi kết hợp chân lý Phật vào đời sống với những cá nhân thuần thiện, nhiệt huyết có nhiệt tâm với đạo và đời. Bởi tinh thần chuyển nghiệp ấy khuyến khích, thúc đẩy mỗi cá nhân không chỉ có ý thức trách nhiệm với bản thân mà còn cả với đoàn thể, cộng đồng qua những suy nghĩ và hành động chất thực,

liêm chính, lợi mình, ích người, ích đời,... làm cho hạnh phúc - an lạc ngay trong hiện tại và tương lai.

Chú thích:

* ĐĐ. Thích Ngộ Tánh: Học viên lớp Thạc sĩ Phật học khóa 2, Học viện Phật giáo Việt Nam.

[1] HT. Giới Nghiêm (dịch) (2009), *Kinh Mi-tiền vấn đáp*, Giới Nghiêm dịch, Nxb. Phương Đông, tr.163.

[2] HT. Giới Nghiêm (dịch) (2009), *Sdd*, tr.640.

[3], [8], [9], [11] HT. Giới Nghiêm (dịch) (2009), *Sdd*, tr.222.

[4] HT. Giới Nghiêm (dịch) (2009), *Sdd*, tr.279.

[5], [6], [12], [16] HT. Giới Nghiêm (dịch) (2009), *Sdd*, tr.173.

[7] HT. Thích Minh Châu (dịch) (2012), *Kinh Trung bộ* - tập II, Nxb. Tôn giáo, tr.519.

[9] HT. Thích Minh Châu (dịch) (2015), *Kinh Tiểu bộ* - tập I, Nxb. Tôn giáo, tr.59.

[13] HT. Giới Nghiêm (dịch) (2009), *Sdd*, tr.175.

[14] HT. Thích Minh Châu (dịch) (2015), *Sdd*, tr.68.

[15] HT. Giới Nghiêm (dịch) (2009), *Sdd*, tr.278.

[17] HT. Giới Nghiêm (dịch) (2009), *Sdd*, tr.175.



Tháng Sáu về với mẹ...



Tăng Hoàng Phi

Một ngày tháng Sáu nắng hạ như nung, bỏ lại những bọn bè phố thị ta lại về với quê nhà, về với cánh đồng ruộm vàng lúa chín, về với tiếng chim kêu mỗi sáng mai và về với mẹ hiền dấu yêu... Dẫu đã lớn, đã trưởng thành, cũng đã không biết bao nhiêu bận về lại quê nhà nhưng cảm giác mỗi lần về quê, bao bận như một, cảm xúc trong ta vẫn như lần đầu. Lòng xốn xang, băng khuâng, xao xuyến lạ kỳ. Ta háo hức khi nghĩ tới mẹ hiền đầu đội nón lá đứng ở ngõ nờ một nụ cười thật tươi, đang rộng vòng tay ôm ta vào lòng mà lòng hạnh phúc xiết bao.

Tháng Sáu về với mẹ, về với quê nhà, dẫu đất đai có khô cằn, sỏi đá lộ nhô đường làng, ta vẫn vui như chú chim chích mỗi sớm mai ríu rít trên cành cao. Quê nhà trong ta là những bình yên, dịu dàng nhất.

Là khoảng sân gạch đỏ au ngày ta chập chững từng bước chân, là mảnh vườn dẫu yêu đủ đầy hoa trái ta vẫn thường trốn ba mẹ ngủ trưa lẩn la từ cây na cho tới cây bưởi. Là cánh đồng bát ngát thẳng cánh cò bay. Tất cả trong ta mọi thứ đều là thiên đường cổ tích. Ta lặng yên mỗi khi về trong không gian yên bình, nghe đất thở, nghe tiếng dế ni non, thoảng mùi vị của nắng quê nhà hong khô sân thóc...

Tháng Sáu về với mẹ, để được ăn bát chè đồ đen ngọt đậm cả tình quê. Đồ đen được mẹ trồng trên nương, chắt chiu từng hạt, phơi khô bỏ hũ sành chờ các con về mẹ lại cặm cụi thổi lửa nấu chè cho đàn con ăn. Bát chè đồ đen có vị thanh mát của đường, vị bùi bùi của đậu và cả vị yêu thương của mẹ. Tất cả đã hòa quyện tạo nên một bát chè tuyệt vời. Ta lớn lên, bàn chân đi khắp mọi nẻo đường, khám phá nhiều nơi, thưởng thức món ăn bình dân lẫn giàu sang nhưng tất cả vẫn không thể bằng món chè đồ đen mẹ nấu. Nỗi nhớ trong món chè đồ đen còn có hình bóng cả gia đình ngồi quây quần bên hiên nhà đầm ấm. Tiếng mẹ cười tan vào gió, vào nắng hạ hanh khô. Tiếng của đàn em rộn

rang, khúc khích không ngớt. Ngồi bên mẹ, bên gia đình thân thương mới hay rằng không nơi đâu bằng quê nhà, quê nhà là bến đỗ bình yên nhất trong ta mỗi khi xa quê nhớ về...

Tháng Sáu về với mẹ, mùa gặt cũng đã bắt đầu rồi. Thương mẹ sáng sớm tinh mơ dậy trước cả những chú gà để chuẩn bị bữa sáng cho cả nhà rồi tắt tả chuẩn bị cháu liềm, quang gánh, lật buộc... Bóng mẹ gầy gò trên cánh đồng rực lửa, còng lưng cắt từng bụi lúa rồi gồng gánh lúa về nặng trĩu giữa trời mùa hạ bông rất. Tấm áo mẹ mặc ướt sũng như gặp mưa vì mồ hôi mỗi lúc một túa ra, rin rít. Mẹ làm nông dân hết cả cuộc đời, cho đến khi những đàn con đủ lông đủ cánh bay xa mẹ vẫn làm nông dân. Với mẹ hạnh phúc là được làm việc, được tự do làm lụng mà không phải phiền hà đến ai. Những vất vả, chịu thương chịu khó đó khiến ta nhói lòng mỗi khi nhớ tới mẹ, nhớ tới tháng Sáu nắng lửa chói chang...

Tháng Sáu về với mẹ để chia vui cùng mẹ ngày mà mẹ sinh ra trong cõi đời. Những đứa con của mẹ mua tấm áo tặng mẹ

nhưng mẹ lại khoát tay bảo rằng “con mua làm chi cho tốn kém, mẹ có mặc gì nhiều”. Ngẫm nghĩ ngoài kia những phụ nữ bằng tuổi mẹ, người ta quần là áo lượt, còn mẹ quanh năm suốt tháng chẳng có đồ gì nhiều nhận ngoài hai bộ quần áo may từ rất lâu. Mỗi lần nghĩ về mẹ ta lại rơm rớm mắt nghĩ về những thiệt thòi mẹ lúc nào cũng nhận lấy về phần mình như một điều hiển nhiên trong cuộc đời mà mẹ nghĩ phải hy sinh. Mẹ mãi là tượng đài không thể nào sụp đổ trong ta. Ta tự hào về mẹ - bà mẹ đồng quê dân dã, chân chất.

Tháng Sáu về với mẹ, dẫu vài ba ngày ngắn ngủi nhưng lòng ta hạnh phúc đến nhường nào. Mẹ cũng sẽ thật vui mừng chào đón những đứa con ở xa trở về. Vậy nên, hãy về với mẹ, dù chỉ những phút giây gặp mẹ ngắn ngủi. Làm người, ai mà chẳng sợ thời khắc mẹ rời bỏ ta mà đi. Vì cuộc sống này là quá vô thường, nay mẹ mạnh khỏe chứ không biết ngày mai ra sao. Hãy để phút giây sau này đừng phải nói câu giá như... khi một mai lỡ may người rời về cõi tạm. Đừng để sau này phải ngậm ngùi thốt lên: “Giá như...” khi vô thường đưa mẹ rời xa cõi tạm.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 32.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:
- 02** Ấn nút hoặc
- 03** Ấn nút hoặc tại kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

Phật Sự

www.phatsuonline.tv.com

Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV




quangminh
CANDLE
— SINCE 1999 —


quangminh
CANDLE

NỀN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835715



Hotline CSKH

0903 955 018

